SỐ 107 — NGÀY 15-6-1961

BACH KHOA

trong số này

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM *thi rớt thi đậu* • HOÀNG-MINH-TUYNH *chủ-thuyết chân dũng của gandhi* • PHẠM-HOÀNG *làm người* • NGUYỄN-PHÚC-SA *viện-trợ song phương và viện-trợ đa phương* • NGUYỄN-HIẾN-LÊ *ibn séoud* • ĐOÀN-THÊM *thử tìm hiểu hội họa* • VÂN-TRANG *người đàn bà phục thù* • TƯỜNG-LINH *khóc một người thơ* • VŨ-HÂN *tái ngộ* • TRẦN-VĂN-KHÊ *lá thư ba-tư* • VI-HUYỀN-ĐẮC — BÀ THU-VÂN *trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ của bách-khoa* • ĐOÀN-THÊM *mát trời* • VIỆT-BẰNG *hồn ma trở về* • MỘNG-TRUNG *tỉnh mộng* • TUYẾT-HƯƠNG *phấn đấu* • BÙI-KHÁNH-ĐẢN *những bàn tay mạnh* • VÕ-HỒNG *tai họa cuối cùng* • THU-THỦY *vấn-đề da đen ở mỹ* • THU-THỦY *một tác-phẩm của alberto moravia* • BÙI-KIM-CHI *phương pháp trị bịnh bằng thuốc rễ nhàu*

Nhân dịp

Lễ Lạc trong Gia Đình

QUÍ VỊ NÊN DÙNG :

* Rượu mùi **CURACAO "DIC"**

* Rượu **Rhum CARAVELLE**

lâu năm 44°
và trắng 54°

ngon không kém gì rượu nhập cảng

* * *

Quí vị thường thức luôn **EAU de VIE 40°**
để thay thế Whisky

XIN HỎI TẠI : **DISTILLERIES DE L'I.C.**
135 - Pasteur - Saigon - ĐT. 23.916
và có bán tại đó :

- ALCOOL RECTIFIÉ
- ALCOOL DENATURÉ
- RƯỢU THUỐC "Ích. Thọ. Tửu"
- TẤM ĂN HẢO-HẠNG CHẾ BẰNG GẠO 6°

BÁCH-KHOA

Số 107 — Ngày 15-6-1961

		Trang
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM	*Thi đậu thi rớt*	3
HOÀNG-MINH-TUYNH	*Chủ thuyết chân dũng của Gandhi*	11
PHẠM-HOÀNG	*Làm người.*	15
NGUYỄN-PHÚC-SA	*Viện trợ song phương và viện trợ đa phương.*	17
NGUYỄN HIẾN-LÊ	*Ibn-Séoud*	23
ĐOÀN-THÊM	*Thử tìm hiểu hội họa.*	35
VÂN-TRANG	*Người đàn bà phục thù.*	53
TƯỜNG-LINH	*Khóc một người thơ*	57
VŨ-HÂN	*Tài ngộ.*	58
TRẦN-VĂN-KHÊ	*Lá thư Ba Tư.*	59
VI-HUYỀN-ĐẮC — Bà THU-VÂN	*Trả lời cuộc phỏng-vấn của Bách-Khoa*	65
VIỆT-BẢNG	*Hồn ma trở về*	75
MỘNG-TRUNG	*Tỉnh mộng.*	79
TUYẾT-HƯƠNG	*Phấn đấu*	80
BÙI-KHÁNH-ĐẢN	*Những bàn tay mạnh.*	86
VÕ-HỒNG	*Tai họa cuối cùng.*	87
ĐOÀN-THÊM	*Mát trời.*	96

SINH-HOẠT

THU-THỦY	*Vấn đề da đen ở Mỹ.*	97
	Một tác phẩm của A. Moravia	102
BÙI-KIM-CHI	*Phương pháp trị bịnh bằng thuốc rễ nhàu.*	104
NGUIỄN-NGU-Í	*Thi hào Goethe dưới mắt một người Việt*	107

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Jean-Paul-Sartre.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Thử tìm hiểu hội họa : Các họa phái thể-hiện*
QUỐC-DŨNG	:	*Giúp đỡ dân quê*
BỬU-KẾ	:	*Thuận-An thất thủ*
NGUYỄN-VĂN-THƯ	:	*Cát bụi phù sinh*
THIẾU-SƠN	:	*Ông Phan-Khôi đã phê-bình ông Nguyễn-Văn-Vĩnh như thế nào ?*
NGUYỄN BẠT-TỤY	:	*Nghề mành ở Tam-Quan.*
VÕ-QUANG-YẾN	:	*Câu chuyện biển nước.*
NGUYỄN-ANH-LINH	:	*Ludwig Feuerbach : người cha thiêng-liêng của nhân-bản vô-thần*
DOÃN-VĂN	:	*Nếu thế-giới đại-chiến thứ ba bùng nổ..*
PHAN-VĂN-TẠO	:	*Hết sợ*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Nhạc khí dùng trong lối « ca Huế » và lối « đờn tài tử »*
VÂN-TRANG	:	*Trước tờ giấy trắng.*
CÔ-LIÊU	:	*Tội người trong sạch (truyện dài rút ngắn)*
VŨ-HẠNH	:	*Người thầy thuốc*
NGUYỄN	:	*Cứ điểm quan sát (truyện dịch)*
THẠCH-HÀ	:	*Một chuyến xuất hành*
NGUYỄN-THÁI	:	*Danilo Dolci*

THI RỚT, THI ĐẬU...

✱ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

DẠO này đang là mùa thi cử. Có tới hàng vạn sĩ-tử trông ngóng kết-quả của kỳ thi Trung-học các cấp và tất nhiên cũng có hàng vạn gia-đình, hồi hộp đợi ngày « trồng cây, ăn quả » của con em.

Và ngay các vị giáo-sư, trước những mái đầu xanh mà mình đã ra công rèn luyện trong ngót một năm trời, cũng không thể thờ ơ lãnh đạm được. Hãnh-diện thay cho thầy, và cũng vinh-dự thay cho nhà trường, nếu tỷ-lệ học trò của mình đỗ nhiều hơn nơi khác !

Cả đến báo chí cũng tỏ vẻ sốt sắng đối với giới học-sinh đi thi Đề thi thường được đăng chữ lớn ngay trên trang nhất, như một tin tức quan-trọng. Những bài giải đáp đều được các thí-sinh chăm chú theo dõi : một sự kiện ít thấy từ trước tới nay.

Lại có tờ, vin vào cớ đề-tài của một vài môn, tương-đối khó, đối với học-sinh còn nhỏ tuổi, đã không ngần ngại kêu gọi sự khoan-hồng của ban giám-khảo.

Nói tóm lại : từ gia-đình, học-đường đến xã-hội, ai ai cũng lưu tâm đến việc học và thi cử của con em, mong sao đem lại kết-quả như ý muốn. Đỗ thì được tiếng khen là chăm, giỏi, ai ai cũng săn đón hỏi han ; hỏng thì bởi tại lười, dốt, không dám đi tới đâu cả, mặt tiu nghỉu, như một kẻ phạm tội vậy.

Những thành-kiến nói trên : đỗ là giỏi, và rớt vì lười, dốt, dường như đã in sâu vào đầu óc các bậc phụ-huynh, và các nhà giáo-dục từ bao nhiêu thế-kỷ nay rồi.

Dưới đây, chúng tôi sẽ cố gắng nêu ra những sai lầm, sai lầm tai hại, của

một nền giáo-dục chỉ dựa trên hai chữ : « *thành, bại* », tức là thi đậu và thi rớt, để rồi đặt lại vấn-đề, một vấn-đề phức tạp, theo thiển ý chúng tôi, rất quan-trọng đến tương-lai, sự nghiệp của cả một thế-hệ.

Quan-niệm sai lầm về giáo-dục

Một số đông các vị phụ-huynh tất không khỏi ngạc nhiên, nếu có người — lẩn thẩn — hỏi họ tại sao cho con đi học, và học để làm gì ?

Ngày nay, câu trả lời của phần đông, tuy có khác xưa về hình-thức, nhưng nội-dung vẫn thế :

Học-đường dạy cho đứa trẻ biết đọc, biết viết, làm toán, thông địa-dư, sử-ký... nghĩa là để giúp trẻ tăng thêm kiến-thức, nhưng chủ yếu vẫn là để sau này có một nghề trong tay, một sinh kế. Mảnh bằng công-nhận học-lực, khả-năng của học-sinh, vì thế, được coi như một « chiếc cần câu đã cơm » vậy. Giỏi giang, tài-cán mấy mà không đỗ đạt gì cũng vô ích, đi xin việc ở đâu cũng không ai mượn. Và mảnh bằng, cũng như thời xưa, còn là một lá bùa... để đi cầu thân nữa.

Cách đây 40 năm, với bằng tuyển-sinh (sơ-học yếu-lược) hay bằng nhất nhị trường, đã được bổ đi làm hương sư hay tổng-sư ; với bằng tiểu-học, được bổ giáo-học thí-sai ; bằng thành-chung hoặc trung-học đệ-nhất cấp (brevet), được một chân thư-ký toà-sứ, hay giáo-học ; với bằng tú-tài, được bổ ngay tham-tá, một chức vị khá-cao trong thời đó. Có bằng-cấp trên nữa, càng được trọng-dụng : đỗ cử-nhân luật, được bổ tri-huyện, tiến-sĩ, đi ngay tri-phủ, hoặc án-sát.

Và nếu như muốn lập gia-đình, với bằng thành-chung, hay brevet cũng đủ... để được lọt vào mắt xanh rồi.

Cái mộng của người học-sinh Việt-Nam và của gia-đình, là đi học để thi đỗ ra làm quan, không những chỉ thấy trong thời hán-học, mà cả trong thời Pháp-thuộc nữa. Mười năm kinh-sử dùi mài, cũng không ngoài mục-đích, chiếm được bảng vàng, trước là để « trả nợ sách đèn » sau là để làm vinh-hiển cho cha mẹ, hưởng ân vua lộc nước, « võng anh đi trước, võng nàng theo sau ». còn họ hàng, thân-thuộc, nếu không được « nhờ vả », thì cũng được thơm lây.

Nếu không đỗ được ông cử, ông nghè, thì ở làng nước, cũng không bị miệt-thị, cũng được miễn trừ mọi công-sai, tạp-dịch.

Đỗ đã vậy, nhưng nếu rủi thi rớt, và cứ lận-đận mãi, hết khoa này đến khoa khác, như thi-sĩ Trần-Tế-Xương, mặc dầu ông thơ hay, chữ tốt, chỉ thấy cái nghèo nàn đeo đẳng, không một tia hy-vọng ở ngày mai. Rồi đâm ra chán nản, hằn-học với những người may mắn hơn mình ; rồi đổ tại giám-khảo bất-công, hay bất-lực, và sau hết, thấy đời là chua chát, ô-trọc, đáng giễu cợt.

Nhiều bài thơ trào-phúng, có giọng điệu khinh thề, ngạo vật của Tú-Xương, đều liên-quan đến thi cử, cho ta thấy ông nặng nợ với khoa-danh, bao phen phải nếm mùi cay đắng của sự hỏng thi, thật « đau quá đòn hẳn, rát hơn lửa bỏng ».

Như thế, khoa-cử đã chiếm một phần quan-trọng nhất của đời sống của học-sinh, và bằng-cấp đã được coi, từ trước đến nay, như có một giá-trị tuyệt-đối, liên-hệ đến sự-nghiệp, tương-lai của con người ta vậy.

Có nhiều bậc phụ-huynh đã giải-thích về sự băn khoăn, lo-ngại của họ, mỗi khi con cái đi thi :

« Ngày nay, người khôn của khó mật ít, ruồi nhiều. Không có bằng cấp, thì khó tìm ra việc, hay học lên được; sẽ thiệt mất một năm, vừa phí công, tổn của ; có khi, nếu học trường công, phải đuổi vì thiếu chỗ. là khác nữa v... v... »

Cho nên, phải đỗ cho bằng được.

Và đối với học-sinh, cũng như đối với các vị phụ-huynh, đỗ cho bằng được, có nghĩa là học thật chăm, vùi đầu vào bài vở, học « gạo », học « tủ » theo những bí-quyết : học để đỗ, theo một lược-đồ đã vạch sẵn, cứ thế mà « tuôn ra » trong mọi trường-hợp : thí-dụ, làm một bài luận, nhập-đề phải bao nhiêu dòng, diễn-đề bao nhiêu, và bao nhiêu nữa để kết-thúc. Thỉnh-thoảng, xen vào trong bài dăm ba viện-ngữ đã học thuộc lòng, để dẫn chứng. Như thế, thì cũng là một kỹ-thuật như mọi kỹ-thuật khác, không cần phải suy-nghĩ gì cả.

Ta hãy tưởng-tượng một cuộc tranh-đấu về thể-thao. Có tranh đua mới biết tài cao thấp, mới có sự cố-gắng. Nếu hiểu thế nào là tinh-thần thể-thao, thì thua không xấu-hổ, và thắng cũng không kiêu ; thua keo này, bầy keo khác. Chỉ khi nào chơi « xấu », không đúng phép, gian-lận, mới nhục thôi.

Nhưng ta đã thấy có nhiều cuộc đấu — tuy chỉ là giao-hữu thôi — trở nên gây-cấn, chỉ vì khán-giả không vô-tư, thiếu tinh-thần thể-thao, cổ-võ bên thắng và la-ó bên bại. Thử hỏi, làm sao kẻ bại không tìm cách « chơi xấu » để chuyển bại thành thắng ?

Đối với việc học cũng vậy. Nhiều trẻ học kém, tẩy học-hạ, nói dối, hay bỏ nhà đi. Rồi đến khi thi, tìm đủ mọi cách để gian-lận, chép bài, « quay phim »..... Có trẻ thi hỏng, buồn bực đi tự-vẫn, (1) hoặc tự-vẫn chỉ vì mấy điểm xấu trong lớp, như trường-hợp của mấy nữ-sinh mà các báo đã đăng, cách đây ít lâu. Chung-quy, vì chúng sợ phải mắng, hay phải đòn, vì không chịu nổi những lời đay nghiến, sỉ-nhục của gia-đình.

Ngày nay, các nhà giáo-dục, và tâm lý-học đều cho rằng ; mắng, phạt, nhất là làm nhục đứa trẻ (như khi

(1) Như cô nữ-sinh Lê-thị-Hạnh nhảy từ lầu 7 xuống đất ngày 20-5-61 vừa qua.

xưa, bắt luồn khổ, quét nhà, chui vào gầm giường, đánh đập..) là một điều thất-sách. Trẻ cần đến sự *khích-lệ* để ăn học, như cây cỏ cần đến nước để sống vậy.

Vả lại, xét cho kỹ ra, ít khi các bậc phụ-huynh có thì giờ để nhìn, hay kiểm-soát bài vở hàng ngày của con. Họ chỉ tin ở học-bạ của nhà trường, căn-cứ vào điểm của thầy phê, thứ hạng xếp trong lớp, lời phê-bình của ông hiệu-trưởng để biết sự học và hạnh-kiểm của đứa trẻ ra sao.

Thật ra, một vài con số ghi trên học-bạ, một vài lời phê-bình của giáo-sư, không thể cho ta thấy hết công-việc của đứa học trò, ở trong lớp. Ta chỉ biết, đại-khái, đứa trẻ học được hay không, thế thôi. Ta không thấy sự cố-gắng của nó, nếu có ; không biết nó có ham thích học không, thông - minh phát - khởi như thế nào. Và cái đó mới là điều quan-trọng.

Sự phân-biệt từ trước đến nay, ra hạng học-trò : giỏi và dốt, nhiều khi không đúng. Khi Hoàng-đế Charlemagne vào trong lớp học, bắt học-sinh xếp hàng ra hai bên, bên học-trò giỏi, và bên học trò dốt, mặc-nhiên, ông đã vô-tình chia ra hai loại trẻ, loại ngoan và loại hư, như hai hạng người : lương-thiện và bất-lương, quên rằng, dù sao, chúng cũng là học - sinh, là thanh-thiếu-nhi như nhau cả, và vấn-đề giỏi, dốt, chăm, lười, nhiều khi do những yếu-tố phức-tạp, ở ngoài học-đường mà ra.

Ta thường thấy nhiều trẻ học kém, xưa nay ngồi bét lớp, như không buồn chăm-chú đến lời thầy giảng, không nghe thấy gì, không hiểu gì, rồi đến một tuổi nào đó, bỗng dưng học rất xuất-sắc, trội hơn hẳn các bạn. Như lời bà Montessori đã nói, trẻ đó, hình như đã thu-hút, thẩm-nhuần từ hồi nào, như dành - dụm, tích - trữ trong tiềm-thức, những điều học hỏi ở lớp học, rồi do một diễn - tiến huyền-bí, không thể giải-thích được, đem ra sử - dụng khi có cơ - hội thuận-tiện.

Ít có học-sinh lúc nào cũng ngồi nhất lớp, và thi lần nào cũng đỗ. Và cũng như trong một cuộc đua xe đạp, hay chạy việt-dã, ít khi người dẫn đầu lúc khởi đua sẽ về nhất khi tới đích. Vậy ta cũng có thể hy-vọng rằng đứa trẻ học kém, lười biếng, như kẻ để dành sức, tới gần tới mức ăn, thua, nếu cố gắng « rút » cũng vẫn thắng cuộc được.

Pasteur, hồi nhỏ, là một học-sinh rất tầm thường, tầm thường cả về môn hóa-học.

Nguyên thủ-tướng Churchill, trong cuốn hồi-ký, đã tự-hào, khi còn là một cậu học - trò nhỏ, luôn luôn đội sổ.

Nhà bác-học trứ-danh đã phát-minh ra trụ - sinh Pénicilline, ông Fleming, đâu có phải là một học-sinh xuất-sắc ? Suýt chút nữa thì ông đã quay về nông-nghiệp, và thế-giới mất một vị danh-nhân.

Cụ Trần-trọng-Kim, khi sinh-thời, thường « khoe » với kẻ hèn này, hồi nhỏ vẫn ngồi bét lớp.

Không trẻ nào có khiếu thông-minh như nhau, một thể-thức thông-minh như nhau. Có đứa khéo chân tay, giỏi máy móc ; có đứa thích văn-chương, ưa âm-nhạc, ham hội-họa. Cho nên đừng nên đem trẻ này so với trẻ khác một cách vội vàng, để kết-luận : hơn, kém. Đừng vội hoảng - sợ, mỗi khi thấy đứa trẻ bị liệt vào hạng dốt, lười trong lớp.

Có trẻ, vừa học, vừa chơi, « ngủ gật » cũng đỗ. Và trái lại, có trẻ học khá, thông-minh, cố gắng, mà cứ lận-đận mãi về thi-cử.

Ở Trung-tâm giáo - khoa tâm - lý Paris, người ta nhận thấy số học-trò xấu, học không tấn-tới, bởi trí-tuệ, thông-minh kém, có một tỷ-lệ rất nhỏ. Có nhiều đứa lười mà thực mẫn-tiệp, lanh-lợi.

Có trẻ, tuổi còn non, học lớp trên, thường phải mắng vì điểm xấu, trong khi bạn nó, lớn tuổi hơn, học lớp dưới, lại được khen thưởng. Thưởng, phạt như thề, có thể bất - công, và vô-hiệu.

Sự học, đối với một số đông học-sinh. tựa như một tấm bình-phong, mà ở phía sau, có biết bao nhiêu tấn bi-hài-kịch, hoặc thảm kịch nho nhỏ, mà các bậc phụ - huynh cần phải khám phá ra. Có những yếu - tố phức-tạp trong sự biếng nhác của trẻ ; có những xung-đột ngầm-ngầm, nhất là trên lãnh vực tình-cảm, mà ta cần tìm ra để hiểu và để xoa dịu.

Mới đây, trong một cuộc điều-tra — đăng ở tờ tuần-báo Paris Match — của một nhóm giáo-sư, bác-sĩ và nhà xã-hội-học tổ-chức, tại 835 trường học ở Pháp, để tìm những đặc- điểm của hai hạng học-trò : giỏi và dốt. người ta nhận thấy rằng :

— đứa ngồi nhất lớp, lúc nào cũng tươi tỉnh, hớn hở, được cha mẹ — phần nhiều còn trẻ tuổi — săn sóc, bảo ban ; ham đọc sách, thích thể-thao, xi-nê, sưu-tầm những vật hiếm, lạ. Buổng học tĩnh-mịch, riêng biệt, có ngăn nắp.

— Còn đứa dốt : ít khi vui, hay gây chuyện ; bố mẹ thường bỏ rơi — vì đã luống tuổi, hoặc ly-thân, hoặc ly-dị, — không thích thể-thao tuy nghịch ngợm ; sống trong bầu không khí ồn ào, náo nhiệt, giữa những tiếng cười, đùa la khóc của một đàn em nhỏ.

*
* *

Quan-niệm học-đường như một nơi chỉ để đào-tạo ra học trò giỏi, cốt sao được nhiều điểm tốt, ngồi cao, rồi thi phải đỗ, coi học-đường như một thế-giới riêng biệt, không dính líu gì đến đời sống bên ngoài cả, là một quan-niệm hẹp hòi, sai lầm và tai hại nữa.

Học-đường không phải là nơi giả tạo, tù hãm, mà trái lại, là một vườn thí-nghiệm bao la, hấp dẫn vô cùng ;

là nơi quần tụ của một thế-hệ thanh-thiếu-niên, sống chung với nhau, và học hỏi lẫn nhau ; « học thầy không tầy học bạn » như cổ-nhân đã dạy.

Vấn-đề cốt yếu, không phải để xem ở trường nó được điểm tốt hay xấu, mà trái lại, xem nó có thích nghi được với học đường, với chúng bạn hay không, có sung-sướng, nẩy nở, ham học không, là đứa bạn tốt hay xấu, sau này ra đời, có thể làm nên công-nghiệp gì ?

Điều đáng ngại, là đứa trẻ không thiết gì cả, cái gì cũng chán, ghét. Có người bảo : nó chỉ thích chơi. Nếu đứa trẻ chỉ mải chơi, theo các nhà tâm lý-học và các nhà giáo-dục, thì cũng chưa đến nỗi thất vọng. Không phải ngăn cấm điều nó ham thích, mà làm thế nào cho nó ưa thích thêm cả những điều ta muốn nó học hỏi nữa.

Không nên nhầm học-thức với văn-hóa.

Trong việc học, có hai thời-kỳ : *Thời-kỳ đầu là học để biết* : như bắt buộc phải viết chính-tả cho quen để viết khỏi lỗi ; phải học mẹo, tập làm toán... v... v...

Giai-đoạn thứ hai là giai-đoạn văn - hóa : ngoài những bài vở ở trường ra, còn biết bao điều học hỏi ở chung-quanh : chúng bạn, xã-hội, tạp-chí, điện-ảnh, và ngay ở trong gia-đình nữa.

Thời-kỳ « văn-hóa » gợi ra một cái gì không thuộc về kỹ-thuật nữa, mà linh-động hơn. Có học-thức đã đành, nhưng cần phải có một kiến-thức rộng, một trình-độ văn-hóa phổ-thông cao nữa. Nhưng làm sao đạt được mục-tiêu đó nếu tự mình không thấy học là vui, là một điều ham thích, say mê ?

Nói tóm lại :

Những trẻ mà ta bắt sống để mà học và thi, có thể trở nên : lúc nào cũng nơm-nớp lo-âu, sợ-sệt, lúc nào cũng yên-trí là mình mang một trọng-trách (cầm tương-lai, vận-mệnh của mình trong tay, bảo-vệ danh-dự của gia-đình...). Đã không giữ được thế quân-bình thì chớ, lâu dần, chúng sẽ mất cả tự-tin.

Kinh - nghiệm đã cho ta thấy có thí-sinh học khá, nhiều khi chỉ vì quá lo, quá xúc-động mà thi hỏng.

Ai cũng biết rằng muốn nhảy cao, cần phải dẻo và bình-tĩnh. Một khi gân cốt cứng nhắc, mắm môi, mắm lợi, bao nhiêu tâm-trí dồn cả lại, lúc chạy tới gần sợi dây chăng, có thể chùn chân không qua nổi.

Vì thế, đừng cho trẻ quá chú - ý đến những chướng-ngại-vật, và hãy để nó nhìn xa hơn, Bài hỏi, bài thi, thi-cử là những chướng - ngại - vật trong bao nhiêu năm học vậy !

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.500.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy
CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt
(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co).

Nam-Vang Chi Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Société Indochinoise de Documentation et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « LES OCÉANIDES »
Champagne « HEIDSIECK & C° MONOPOLE »
Vins de Chianti et Vermouth « MIRAFIORE »
Vin Rose Valpoliella Chiaretto « MONTRESOR »
Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. C.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

CHỦ-THUYẾT CHÂN-DŨNG CỦA GĂNG-ĐI

(Xin xem từ Bách-Khoa số 103)

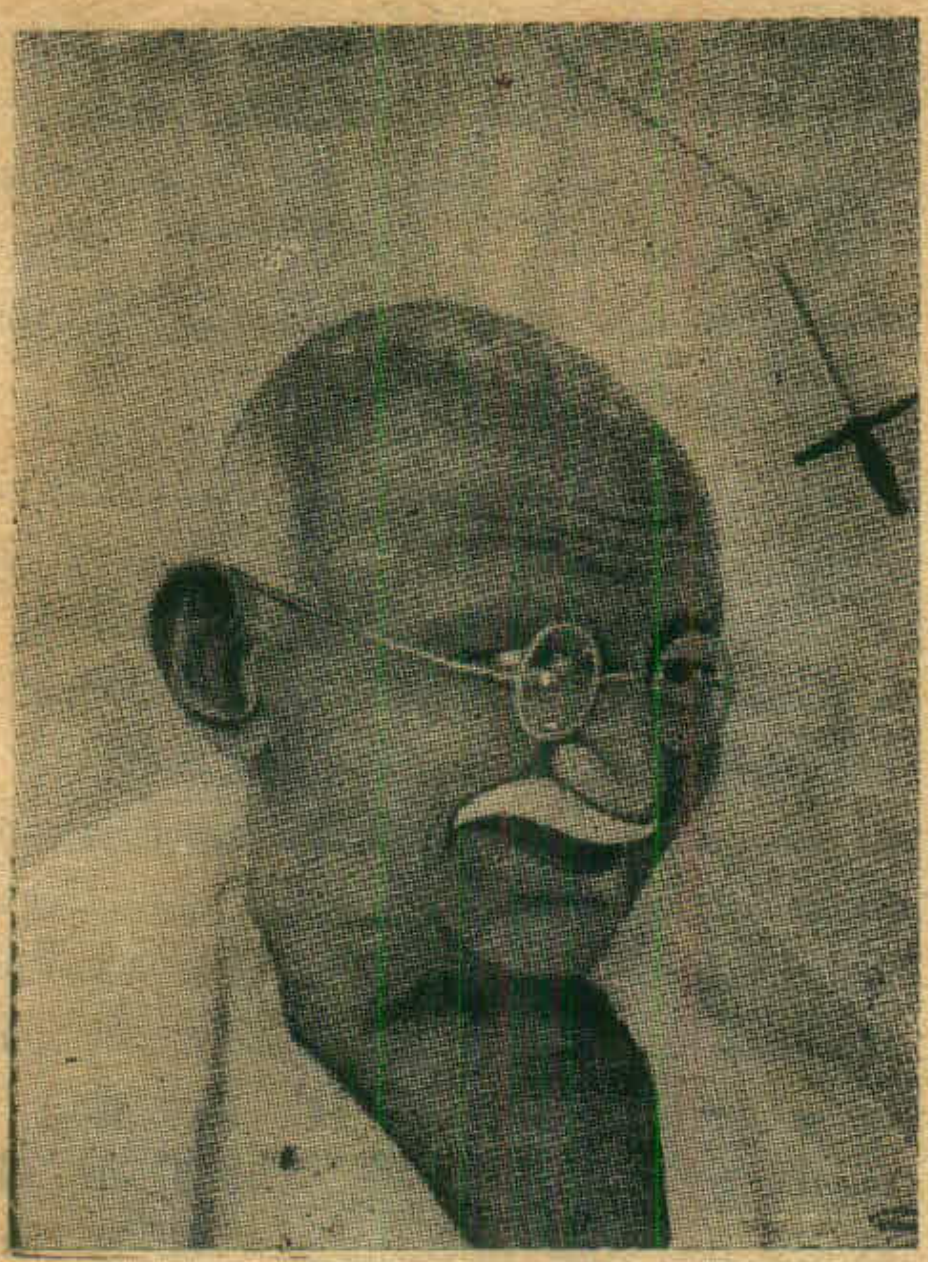

SATYAGRAHA, TRỰC - TIẾP HÀNH ĐỘNG (1)

★ HOÀNG - MINH - TUYNH

NHƯ ta đã biết, thuyết Chân-Dũng, Satyagraha, của Găng-đi là một quá trình giáo hóa, một phương pháp giáo dục con người và quần chúng. Ông nói : « Thuyết Satyagraha là một sách lược giáo dục dư luận quần chúng, khiến cho quần chúng thu hồi được hết mọi yếu tố của sinh hoạt xã hội, hầu trở thành một thuyết không thể ai chống cưỡng lại nổi .»

Theo luận điệu của Găng-đi trên, ta thấy ông quan niệm hành động trong bất bạo động, không phải một hành động tách rời mà là một thứ hành động truyền lần từ sinh hoạt cá nhân nhiễm sang sinh hoạt xã hội. Người ta khi thực nghiệm bất bạo động trong từng hành vi nhất định, sẽ luyện được cho mình một nhỡn tuyến sâu sắc và rộng rãi hơn về ý nghĩa và chiều hướng của sinh hoạt bản thân, về ý nghĩa và chiều hướng của các nền tảng pháp lý, kinh tế và tinh thần của sinh hoạt xã hội, cùng khám phá ra được những điều hung, điều ác, những phản ứng còn chứa đựng nhiều tính chất bạo hành, rồi nhân đấy, xét nghĩ, suy tưởng ra một

(1) *Trực tiếp hành động* (Action directe) tiếng dùng trong khoa học chính trị chỉ phương thế bất chấp đường lối hợp pháp do các đảng cách mệnh chủ trương để thực hiện chương trình đảng.

cuộc cách mệnh hòa bình nhằm mục tiêu tối hậu là xây dựng hoàn toàn lại thế giới trên căn bản Nhân-Ái và Chân-Như. Bởi vậy, mỗi hành động bất bạo động trực tiếp có thể làm phát sinh ra rất nhiều hậu quả và chỉ cần để cho một người thử thí nghiệm đôi lần là họ có cơ dính liền vào đấy mà tiếp tục đi theo đường lối đó mãi. Xem vậy đủ biết quan niệm bất bạo động của Găng-đi không phải là một quan niệm quá cố chấp, câu nệ vào chi tiết. Có sự kiện ta chẳng bao giờ nên quên là đối với Găng-đi, hành động bất bạo động trực tiếp và giới hạn trước hết là phương tiện làm nảy nở, trong người thực hành nó, dũng lực của tinh thần. Kết quả cần tìm dõi không phải là cốt thắng điều hung ác hay sự bất công trên một điểm nhất định nào ; kết quả cần tìm dõi là làm sao cho tinh thần được thắng.

Vì vậy nên Găng-đi yêu cầu người ta không nên coi bất bạo động là một thứ khiển hứng, mà nên qui y nó như qui y một tôn giáo, vì mỗi hành vi Chân-Như và Nhân-Ái chứa đựng một quả phúc riêng. Người ta thường hỏi Ma-hat-ma ông có chúc phúc hoặc khuyến khích cho dân chúng thi hành bất bạo động không, thì một bữa kia, vào năm 1947, ông trả lời « theo ý kiến ông, mỗi hành vi tốt chứa đựng trong chính bản chất nó quả phúc riêng, nên hành-vi ấy không cần phải có sự ủng hộ của Găng-đi hay của bất cứ ai nữa ». Và « ở dưới chân Bapu », có rất nhiều kẻ, như ông Brijkrishna Chandiwala, đã từng giác ngộ mà hiểu rằng nếu bất bạo động và Chân-Như — Thượng-Đế vốn là một, và « Thượng-Đế đã là Thượng-Đế thì tất ngài phải điều chỉnh và biến cải lòng người. Ngài phải biểu lộ ra trong cả những hành-vi nhỏ mọn nhất của kẻ làm tôi Ngài. » Nói vậy có nghĩa là hành-vi bất bạo động, thể hiện trên bình diện chính-trị — xã-hội vi tiện và tầm thường, vẫn có thể qui về được Thượng-Đế.

Bởi vậy khi người ta tưởng bất bạo động của Găng-đi trước hết là một « phương tiện hành-động », người ta đã ngộ nhận về bản chất của nó. Thật ra, bất bạo động là một « cứu cánh » *in se*, có khả năng khiến cho con người tự phát ra được tất cả phẩm giá của mình. Người ta không nên « giảng dạy » bất bạo động, rao truyền nó như giảng dạy các định-lý hóa-học cho học trò hay như rao truyền những chân lý không ăn nhập gì đến đời sống thiết thực. « Bất bạo động không phải là điều có thể rao truyền được, người ta phải thực hành nó... bất bạo động khi trở thành hoạt động sẽ tiến mạnh như vũ bão và khi đó phép mầu mới khởi sự phát hiện... »

Phải hiểu rõ cái giá trị của hành động bất bạo động trực tiếp ấy, cái giáo khoa huấn luyện tinh thần và chính-trị của con người mới (vốn không lệ thuộc kết quả thực tiễn lâm thời có thể phát xuất ra) (1) ấy, người ta mới thấu triệt được ý nghĩa thâm sâu của những kỹ thuật bất bạo động.

---

(1) Brijkrishna Chandiwala : *At the feet of Bapu* (Ahmedabad, 1954, tr 319)

(1) Bất bạo động có thể đem lại những kết quả thực tiễn, nhưng khi thi hành bất bạo động, người ta không đặt mục đích vào sự tìm dõi những kết quả thực tiễn đó.

« Tôi biết rằng chúng ta không phải luôn luôn sống được đúng theo lý tưởng của chúng ta. Chúng ta có thể lỗi phạm nhiều... song mặc dù chúng ta lỗi phạm, ăn ở trái với lý tưởng của chúng ta, bất bạo động vẫn tác động như một thứ men tinh tịch trong hàng triệu người tĩnh tịch. »

Chính giữa khi lao mình vào hoạt động tại Nam Phi để phản kháng lại những nỗi bất công diễn ra xâm phạm tới phẩm giá cao cả của con người, Găng-đi đã khám phá ra được dũng lực và chiều hướng của thuyết Satyagraha. Trong bài diễn-văn đọc tại Shivaji Park, hồi tháng Ba 1946, Ma-hát-ma giải thích vì sao đoàn thể người Ấn lại bị đặt trước một nguy cơ đáng ngại. Tất cả những gì loài người có thể làm được đều đã thử làm hết. Tất cả những phương-pháp dùng để yêu cầu chính-quyền cải cách lại các tệ đoan đều đã áp-dụng hết. Báo chí, tuyên ngôn, thỉnh cầu, cử đại-biểu để trao kiến-nghị, tất cả những hình-thức đấu-tranh trên đều đã đem ra thi hành để khua động tình trạng « lỳ lợm » của giới thống trị. Nhưng làm sao một nắm người Ấn-Độ, gồm một số dân quê ngu dốt, một số thương gia bất lực, một số phu phen nghèo khó, chìm đắm trong những đám đông đặc những người da đen, da trắng, có thể quật khởi lên để làm nổi một trò trống gì ? Người da trắng thì lại có đủ mọi uy thế, quyền lực. « Ai cũng thấy rõ là nếu người Ấn-Độ muốn thu hồi lại quyền lợi của mình, tất nhiên họ phải tạo ra cho họ một thứ khí giới khác, mãnh liệt gấp bội thứ khí giới người thực-dân da trắng đang dùng với một hỏa lực viễn đại. Bấy giờ, tôi mới du nhập thứ khí giới nhiệm mầu là sự cầu nguyện, coi nó là một phương tiện để tập luyện cách sử dụng khí giới Satyagraha hay dũng lực của tâm thần ».

Văn bản trên chứng giải một cách rõ rệt hai phương diện chủ yếu của Satyagraha dưới khía cạnh hành động trực tiếp : Satya-graha là một *Ultima ratio*, là sách lược cuối cùng khi các phương tiện bất bạo động khác dùng để buộc người ta phải nhìn nhận quyền lợi của mình đã trở nên vô hiệu, song đồng thời nó cũng khác với những phương tiện « cổ điển » trên và cũng vượt hẳn những phương tiện đó, vì nó đòi hỏi con người phải đem cái phần thâm để uẩn áo nhất của mình ra mà đối phó, nó lại đòi hỏi con người phải đem toàn tâm toàn lực ra mà tham gia triệt để, trọn vẹn, chứ không thể chỉ tham gia bằng lời, bằng tiếng, bằng chữ ký hay bằng trí thông minh. Những người Ấn-Độ ở Nam-Phi nhờ sự cầu nguyện rèn đúc cho một khí giới, đã được chuẩn bị chu đáo để đương đầu với một cuộc tử chiến, một cuộc chiến đấu, một cuộc chiến đấu tuy là bất bạo động nhưng trong đó bạo động lao phóng vào họ một cách thậm ác liệt, một cuộc chiến đấu mà, rút cuộc, họ sẽ thắng vì họ « cậy trông nơi Thượng-Đế như một thành lũy chống lại áp bức của dũng lực bạo tàn. »

Một cuộc chiến đấu không bạo động, đó là tất cả thuyết Chân-Dũng Satyagraha khi nó phát động, diễn tiến và trở thành trực tiếp hành động. « Bất phục tòng dân sự (đối với quân sự) xung kích (đối với bị động) là một quyền có thể sử dụng khi cần và khi ta đã chuẩn bị đầy đủ ; nó trở thành một nhiệm vụ không thể từ khước nếu ta đã sẵn sàng làm trọn và nếu hoàn cảnh đòi ta phải làm. Song bất phục tòng dân sự xung kích, của quần chúng hay của cá nhân, đều là thứ

khí giới nguy hiểm nhất và hữu hiệu nhất trong các phương tiện bất bạo động ta có thể sử dụng được. » Thực đúng thế : nó chính là một khí giới, nhưng nguy hiểm như một khí giới chiến tranh vậy.

Cho nên khi nghiên cứu các cuộc giao tranh, chiến đấu do Găng-đi dẫn đầu, người ta nhận thấy Ma-hat-ma bao giờ cũng khởi sự dùng các phương tiện « cổ điển » trước và chỉ dùng bất bạo động, gọi là bất phục tòng dân sự, khi cuộc đấu tranh không còn thể tránh được, khi bất bạo động trở thành một nhiệm vụ. Bà Bondurant, theo cách phân tích của Shridharani trong cuốn sách nhan đề *War without violence*, liệt kê các giai đoạn của một cuộc đấu tranh Satyagraha như sau :

1 — thương thuyết, điều đình và nhờ trọng tài phân xử ;

2 — chuẩn bị cho đoàn thể các satyagrahis đấu tranh để đi tới trực tiếp hành động. Ngay từ khi khởi sự cuộc đấu tranh, các satyagrahis phải được tập rượt về chính trị và về tinh thần ;

3 — khua động, nghĩa là đấu tranh tuyên truyền tích cực, dùng những cuộc nhóm họp công khai, những cuộc biểu tình, những khẩu hiệu, biểu ngữ ;

4 — công bố một « tối hậu thư ». Mãnh liệt và long trọng cảnh cáo nhưng bao giờ cũng dành cho đối phương một lối thoát danh dự và đưa ra một giải pháp xây dựng cho vấn đề nêu lên ;

5 — tuyệt giao kinh tế và các hình thức bãi công khác ;

6 — bất hợp tác, thí dụ như không đóng thuế, bãi khóa, tự động đi đày, v.v.;

7 — bất phục tòng. Chống lại đạo luật này hay đạo luật nọ có tính chất đặc biệt bất chính ;

8 — nắm giữ các chức vụ trong chính quyền ;

9 — sau hết, thiết lập một chính quyền song song.

Bảng liệt kê trên có vẻ như hơi cứng nhắc và thiếu linh động, vì không phải cuộc đấu tranh nào của Găng-đi cũng kết thúc bằng việc thiết lập một chính-phủ lâm thời hoặc cuộc đấu tranh nào cũng góp phần vào công trình giải phóng Ấn-Độ. Tuy nhiên, lược đồ minh bạch và khách quan trên chứng giải rõ rệt rằng bất bạo động không phải là một hành động có hạn định mà là một hành động nằm trong cả một phong trào rộng lớn cùng đích dẫn tới cách mệnh. Đó là vì, xin nhắc lại một lần nữa, người ta không thể chơi dỡn với bất bạo động, nó là một mãnh lực ghê gớm, trên thì đòi hỏi một ý chí cương liệt quyết làm cho công nghĩa, công lý toàn thắng với bất luận giá nào, dưới thì chuẩn bị cẩn thận để thực hiện tiền đồ chính trị và xã hội hằng cách khởi xướng và phát động phong trào đấu tranh bất bạo động. Dùng bất bạođộng, người ta có thể biết mình muốn đạt được cái gì, nhưng người ta không thể lường được nó sẽ gây nên những hậu quả dữ dằn tới mức độ nào. Tỷ dụ phi thường hơn cả về cái thuyết bất bạo động tuyệt-đối trên là cuộc « nhịn ăn, cho tới chết » Găng-đi quyết định thi hành ngày 20 tháng chín 1932 để phản kháng việc thiết lập một cử tri riêng biệt cho hạng tiện dân Ấn-Độ và cuộc nhịn ăn của ông chỉ đình chỉ khi các nhà cầm quyền Anh ra lệnh thu hồi quyết nghị trên mà thôi.

(Còn tiếp)

HOÀNG-MINH-TUYNH

Nhận-định

Làm người

Một chiếc bánh xe mà các bộ đũa không kết hợp với nhau ở nơi cái trục thì không còn là chiếc bánh xe.

Một hột nguyên-tử mà các điện tố không vận chuyển quanh cái nhân trung điểm thì không còn là hột nguyên-tử.

Một người mà các năng lực vật - chất và tinh - thần không hòa hợp cân đối với nhau trong cái cốt « bản ngã » thì không còn là người xứng với tên người.

Vì « làm người », là phải nỗ lực thu tập hết mọi năng lực sở đắc, là sắp đặt chúng lại theo ngôi thứ tương hợp, là qui tụ chúng dưới sự chế ngự và điều khiển của tinh-thần.

PHẠM - HOÀNG

CIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87
Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON
158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)
Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

VIỆN-TRỢ SONG PHƯƠNG VÀ VIỆN-TRỢ ĐA PHƯƠNG

✱ *NGUYỄN-PHÚC-SA*

Sự viện trợ cho những nước chậm tiến là một trong những vấn đề then chốt của đời sống quốc tế ngày nay, có ảnh hưởng rất lớn đến sự duy trì hòa bình thế giới, không kém gì vấn đề tài binh hay chiến tranh lạnh giữa hai khối dân chủ và cộng sản.

Sự viện trợ đã mất một phần tính chất lợi khí để gây ảnh hưởng khi những nước không hề nuôi mộng bá chủ hay không thể nghi ngờ theo đuổi mộng ấy tham dự. Người ta có thể lo ngại nước Mỹ hay nước Nga tìm cách lôi cuốn những nước thụ hưởng về phe mình nhưng không ai quan niệm rằng Thụy-Sĩ mưu tính dùng viện trợ để lung lạc các nước nhận sự viện trợ ấy.

Một vấn đề liên-quan đến viện trợ thường được đem ra thảo luận gần đây là việc quản trị viện trợ. Các nước hảo tâm sẽ chính mình phân phối viện trợ sau khi thỏa thuận với các nước thụ hưởng hay sẽ giao quyền phân phối ấy cho một cơ quan liên quốc, biệt lập với chánh-phủ sở quan ? Trường hợp thứ nhứt là viện trợ song phương ; trường hợp thứ hai là viện trợ đa phương. Viện trợ của Liên-Hiệp-Quốc và các tổ chức phụ thuộc tiêu biểu viện trợ đa phương ; các nước hội viên khi góp tiền vào ngân sách các chương trình viện trợ do Liên-Hiệp-Quốc hay các tổ chức phụ thuộc quản trị mất hẳn quyền định đoạt một cách đơn độc việc xử dụng những số tiền ấy. Viên chức của Liên-Hiệp-Quốc, trong việc phân phối viện trợ, không nhận lãnh chỉ thị của một chánh-phủ nào kể cả chính-phủ nước nguyên quán của họ.

Gần đây một vài hội nghị quốc tế quan trọng đã quyết nghị ủng hộ hình thức viện trợ đa phương, và tổ

ý mong muốn rằng tất cả mọi sự viện trợ đều tập trung trong những cơ quan quốc tế. Hình thức song phương và hình thức đa phương có những đặc điểm gì và có thể đưa đến những kết quả gì ?

Trước hết ta thấy nhiều nước hảo tâm đồng thời áp dụng hai hình thức. Hoa-Kỳ đóng góp nhiều nhứt vào hoạt động của các tổ chức quốc tế trong khi vẫn thi hành những chương trình giúp đỡ tương đối rất tốn tiền.

Sự kiện thứ hai : trong hiện tình tương tranh giữa hai khối dân chủ và cộng sản trên thế giới ngày nay, một phần viện trợ rất quan trọng được dùng vào mục đích quân sự. Nhiều khối đã được tổ chức, mở đường cho sự chia sẻ gánh nặng võ trang. Do đó có những nước như Ấn-Độ, nhứt định không gia nhập một khối nào để khỏi nhận viện trợ quân sự hay từ chối viện trợ quân sự để khỏi phải gia nhập một khối ; mặt khác, nhiều nước không tham dự những minh ước liên phòng vẫn nhận viện trợ quân sự

Viện trợ song phương bắt nguồn trong nhiều lý do. Đa số các nước hảo tâm trước đây có nhiều thuộc địa.

Những thuộc địa ấy ngày nay đã đã trở thành những quốc gia độc lập bằng những phương pháp tranh đấu hòa bình hay ác liệt. Tuy nhiên, sau hàng thế kỷ hay hàng chục năm chung sống, nhiều mối tương quan đã được tạo ra giữa hai dân tộc, ít nhiều cảm tình vẫn còn giữ được. Cho nên khi dành tiền bạc, kỹ thuật để phụng sự nhân loại, những nước giầu mạnh có thể trước nhất nghĩ đến những dân tộc mà họ đã có dịp thống trị. Cũng có những luồng dư luận cho rằng cường quốc thực dân phải chịu trách nhiệm kìm hãm những đất đai bị trị trong tình trạng kém mở mang nên lương tâm bứt rứt như người thiếu nợ.

Viện trợ cũng là biện pháp để đặt trên một nền tảng mới sự bang giao giữa hai nước cùng chung một quá khứ như đã nói ở trên. Tinh thần hợp tác mới này sẽ tránh cho xí nghiệp thực dân còn tiếp tục hoạt động những biện pháp trừng phạt hay trả thù.

Viện trợ song phương cũng thường được dùng để dọn đường cho một sự hợp tác rộng rãi hơn, trong đó nước tặng viện trợ sẽ thủ lợi vì sẽ có ưu thế để dành thị trường cho kỹ nghệ hay tư bản của họ. Sự viện trợ của Tây-Đức và của Nhựt-Bổn thuộc loại này.

Nói cho đúng, những mục đích cao quý và vụ lợi luôn luôn xen trộn với nhau. Khi Hoa-Kỳ đề ra kế-hoạch Marshall, mục đích đầu tiên là giúp cho các nước Tây-Âu phục hồi khả năng mậu dịch của họ để có thể buôn bán bình thường với Mỹ quốc.

Mặt khác nếu các nước Tây-Âu không chấn hưng được nền kinh-tế của họ, những sự rối ren xã-hội sẽ tạo bàn đạp cho các đảng cộng-sản nắm chính-quyền. Và một khi cộng-sản kiểm soát được tiềm lực nhân sự

và kỹ-nghệ của Tây-Âu, nền an ninh của Mỹ quốc không thể duy trì được.

Khi viện trợ Hoa-Kỳ được phân phát cho các nước hậu tiến, mục đích giữ các nước này khỏi lọt vào tay cộng-sản trở nên quan hệ nhứt. Vì lẽ sự thương mại giữa các nước ấy và Hoa-Kỳ không đáng kể.

Thế giới đã chia làm hai phe kình địch với nhau thì tất nhiên phe nào cũng dùng sự viện trợ để lôi cuốn các nước khác vào phe mình hay ít ra cũng để chinh phục cảm tình của họ. Không phải chỉ hai lãnh tụ hai khối mới ve vãn những nước chậm tiến. Trong mỗi khối nhiều nước lép vế hơn vẫn tìm cách gây ảnh hưởng riêng cho mình. Mà cả đến một vài quốc-gia thường tự hào là trung lập cũng dùng sự viện trợ để mong mở rộng câu-lạc-bộ trung lập của họ. Cho nên người ta không khỏi mỉm cười khi các nước viện trợ tuyên bố không đặt một điều kiện gì và các nước thụ hưởng cũng tuyên bố không chịu nhận một điều kiện nào cùng với viện trợ.

Muốn tránh hậu quả ấy khi nó khả dĩ trở nên tai hại, quốc-gia nhận viện-trợ phải có một chính phủ sử dụng trọn quyền nội bộ và noi theo một đường lối hợp với nguyện vọng và quyền lợi của toàn dân. Trái lại nếu trong nước chia ra nhiều bè phái, được các cường quốc đối lập với nhau viện trợ riêng rẽ, mỗi bè phái sẽ trở thành tay sai trong việc tranh dành ảnh hưởng giữa những cường quốc kia và quyền lợi quốc gia sẽ bị hy sinh. Tình trạng này đã sảy ra ở Lào và ở Congo.

Về phương diện sử dụng, lãnh vực hoạt động nào cũng có thể nhận viện trợ, miễn là hai bên đồng ý nhau. Nhưng sự thay đổi cũng dễ thành tựu.

Việc quản trị viện trợ, về phía người cho, không gây thêm kinh phí lớn lao nhờ những bộ phận sẵn có trong tổ chức công quyền. Việc kiểm soát cách sử dụng sẽ trực tiếp và mau lẹ, những sự sửa đổi cần thiết có thể quyết định nhanh chóng.

Viện trợ đa phương, trong thực tế hiện nay là viện trợ của hệ thống Liên-Hiệp-Quốc và những tổ chức phụ thuộc. Phương tiện hoạt động hoàn toàn do các nước hội viên đóng góp. Một nước hội viên có thể cản trở hoạt động của hệ thống Liên-Hiệp-Quốc bằng cách viện lẽ này hay lẽ khác để từ chối phần đảm phụ của mình. Thí dụ thái độ của Nga-Sô trong vấn đề Congo.

Những nước dư giả chỉ dành một phần nhỏ tài nguyên vào công cuộc viện trợ của Liên-Hiệp-Quốc, vì dưới hình thức này, quyền hành sử dụng gần như mất hẳn.

Nếu tất cả viện trợ được tập trung trong tay Liên-Hiệp-Quốc, người ta có thể hy vọng những lợi điểm sau đây :

Sự viện trợ sẽ không giúp riêng cho một nước nào gây thế lực hoặc ảnh hưởng tại nước tiếp nhận viện trợ.

Điểm này rất đáng chú ý khi nước thụ hưởng chưa có một chánh phủ xứng đáng với danh hiệu ấy hay khi chánh quyền trung ương không thực sự kiểm soát toàn thể lãnh thổ.

Viện trợ do Liên-Hiệp-Quốc phân phối không thể dùng vào mục đích quân sự; như vậy hiểm họa chiến tranh có thể đẩy xa được. Nói như vậy không có nghĩa là Liên-Hiệp-Quốc không thể đảm đương những trách nhiệm quân sự. Quân đội dưới cờ Liên-Hiệp-Quốc đã duy trì trật tự tại Palestine, ở miền kinh Suez và Congo cùng bảo vệ Đại-Hàn chống lại sự xâm lược của cộng-sản nhưng không ai có thể nói rằng những vụ can thiệp trên có tính cách xâm lược hay đe dọa hòa bình thế giới. Nếu Liên-Hiệp-Quốc trở thành trường hợp tác chân thành giữa các quốc-gia, nếu mọi nước không phải dành những tài nguyên khổng lồ vào việc thi đua và khuyến khích võ trang, sự thực hiện những mục tiêu nhân bản và lý tưởng dân chủ cho toàn thể nhân loại sẽ mau chóng biết chừng nào!

Khi viện trợ được tập trung vào một cơ quan quản trị duy nhứt, người ta sẽ tránh được những điệp dụng, những phí phạn, những khoản chi tiêu có tính cách tuyên truyền hay sĩ diện do sự tranh dành ảnh hưởng giữa những nước viện trợ. Người ta có thể đặt kế hoạch để đạt được sự phát triển liên tục và thăng bằng cho những quốc-gia tiếp nhận viện trợ vì có điều kiện để quyết định một cách bình tĩnh và thẳng thắn.

Mặc dầu những lợi điểm có nhiều trọng lực kể trên, viện trợ đa phương không tránh khỏi một số bất tiện. Nhưng bất tiện này không hoàn toàn tùy thuộc hiện tình của Liên-Hiệp-Quốc và sự tổ chức đời sống quốc-tế. Chỉ trích cách làm việc, nhưng quyết định và hoạt động của Liên-Hiệp-Quốc trong lúc này là một việc tương đối dễ dàng. Những sự cải tiến người ta có thể hy vọng trong một tương lai gần chưa thể chữa đến cội rễ những bất lực của cơ quan này. Mặc dầu tinh thần hợp tác nầy nở đến đâu chăng nữa, nhân loại còn nhiều mối dị đồng để có thể trở thành một khối thuần nhất như một quốc-gia, bằng lòng chấp nhận một chánh-phủ duy nhất.

Sự kiện quốc-gia còn tồn tại thì những mục đích vị kỷ không tiêu diệt hết được. Khi đó, những nước giầu mạnh liệu có hào hứng hy sinh để cung cấp phương tiện cho cơ quan quốc-tế thi hành chương trình viện trợ như lúc họ toàn quyền quản trị viện trợ song phương không?

Về hình thức cơ quan quản trị, tất nhiên sẽ có đại hội nghị Liên-hiệp-quốc, hội đồng quản trị và ông Tổng Giám-đốc.

Vấn-đề đại diện các quốc gia cần viện trợ sẽ tế nhị vô cùng. Người ta có thể e ngại rằng quyền lợi của

những nước này, vì nhiều yếu tố phức tạp, sẽ không được bênh vực đến nơi đến chốn như khi chính họ đứng ra điều đình viện trợ song phương. Thí dụ các nước kém mở mang thường than phiền về thủ tục khó khăn của Ngân Hàng Quốc Tế Trùng Tu và Khuếch Trương, cơ quan độc nhất trước khi Hội Khuếch Trương Kinh Tế được thành lập trong tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, có nhiệm vụ giúp tư bản.

Nếu Liên - Hiệp - Quốc quản trị những số lượng viện trợ quan trọng hơn ngày nay nhiều lần, việc quản trị có chắc chắn hữu hiệu không ? Ta phải nhận rằng một vài tổ chức phụ thuộc của Liên-Hiệp-Quốc theo đuổi những dự án mung lung xa xôi, áp dụng những thủ tục giấy tờ rườm rà, quyết định chậm chạp. Sự hữu hiệu đi đôi với trách nhiệm mà định trách nhiệm của những tổ chức liên quốc gia là một vấn-đề rất khó. Những công việc có tính cách hoàn toàn chuyên môn sẽ không khỏi chịu ảnh hưởng của những yếu tố chính trị.

***

Để kết luận, ta có thể nói hai hình thức viện trợ song phương và đa phương không mâu thuẫn với nhau. Trong hiện tình đời sống quốc tế không một hình thức nào có thể coi như hoàn mỹ hơn hình thức kia. Mỗi quốc gia nhận viện trợ, tùy theo tình cảnh, sẽ phải lựa chọn và đặt hy vọng vào viện trợ song phương hay viện trợ đa phương.

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— *CÁC LOẠI ĐƯỜNG :*
- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— *CÁC LOẠI RƯỢU :*
- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rhum Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

Xin hỏi mua tại :

— *Các tiệm tạp-hóa*

— *Văn-phòng* **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hưng-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454

— *Kho 6 Bến Vân-Đồn* **(Đ.T. số : 21.360)**

BANQUE COMMERCIALE ET INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Số vốn : 50.000.000$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)

và đường De Lattre de Tassigny

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

IBN-SEOUD

(1881 – 1953)

MỘT VỊ ANH HÙNG NHỜ KIÊN NHẪN TRONG NỬA THẾ-KỶ MÀ TẠO NÊN ĐƯỢC MỘT QUỐC-GIA PHÚ CƯỜNG Ở GIỮA SA-MẠC.

★ NGUYỄN-HIẾN-LÊ

« Con đã học được cái đạo cao rộng nhất ở đời rồi đó, con đã học được đạo Vạn-năng, tức đạo Kiên-nhẫn ».

Cổ thư Ả-rập

NGÀY 14 tháng 11 năm 1928, trong một cuộc đại hội của các quốc gia liên hiệp Ả-Rập. Ibn Séoud dõng-dạc tuyên bố :

« Khi tôi tới với các ông thì tôi thấy các ông chia rẽ nhau, chém giết lẫn nhau, cướp bóc lẫn nhau không ngừng. Những kẻ thương lượng công việc cho các ông, âm-mưu để hại các ông, họ gây mối bất hòa giữa các ông để các ông không đoàn kết với nhau được, mà mạnh lên. Khi tôi tới với các ông thì tôi yếu lắm, không có một sức mạnh nào cả, trừ sự phù hộ của Thượng-Đế, vì, như các ông đã biết, lúc đó chỉ có bốn chục người giúp tôi. Vậy mà tôi đã làm cho các ông thành một dân-tộc, một dân-tộc hùng-cường... »

Những tiếng : « kẻ thương lượng công việc cho các ông » ám chỉ các đế quốc châu Âu, nhất là đế quốc Anh. Trong lịch sử đế-quốc của người Anh, chưa lần nào họ bị thất bại trên đường ngoại giao, bị hất cẳng một cách chua xót, nhục nhã bằng lần họ đương đầu với Ibn Séoud. Lúc thì cương quyết kịch liệt lúc thì mềm mỏng, chờ thời, nhưng luôn luôn khôn-khéo và nhẫn nại, Ibn Séoud, vị anh-hùng Á-Rập, đã lần hồi trong nửa thế-kỷ, gạt

ảnh-hưởng của người Anh mà dựng nên một quốc gia phú cường ở giữa sa mạc, từ bờ biển Hồng-hải tới Vịnh Ba-Tư.

Khi ông chết, năm 1953, các cường quốc Âu Mỹ đều phục ông. Tờ *Paris Match* viết :

Quốc-vương Ibn Séoud mất đi, để lại cho con ông một vương quốc rộng bằng nửa châu Âu (1), *đứng hàng ba trên thế giới về sự sản xuất dầu lửa, và làm lãnh-tụ tinh thần cho dân-tộc Ả-Rập. Một nửa thế-kỷ đầy những thủ đoạn anh hùng, rực-rỡ, đầy những truyện du hiệp lạ lùng, mà chưa có nhà tiểu-thuyết kiếm hiệp nào tưởng tượng nổi, đã tạo nên được phép màu đó. Ở giữa thế-kỷ XX mà quốc-vương Ibn Séoud đã dựng lên một quốc gia mới ở trên sa mạc ».*

Tờ Illustration *thán phục :*

« Đời của vị quốc-vương đó là một sự kiện lạ lùng bực nhất của thế-kỷ chúng ta. »

Ngay như kẻ thù của Ibn Séoud, tức người Anh cũng phải khâm phục ông. Tờ *Daily Express* ở Luân-Đôn nhận rằng :

Ông là người dẻo-dai nhất, khôn-khéo nhất, thành công nhất trong số những nhà thủ lãnh Á - Rập. Ông chiếm được một vương quốc, bất chấp cả đường lối chính-trị của người Anh ; ông hợp tác với người Mỹ để khai thác mỏ dầu lửa của ông. Người Anh mà ông thắng trên bàn cờ quốc tế và người Mỹ mà ông bắt phải trả 50.000.000 Anh kim mỗi năm, đều phải trọng những đức tính phi thường của ông. »

Mà đức tính của ông đáng cho ta phục nhất là đức kiên nhẫn. Không biết ông có phải là dòng-dõi người thanh niên Bagdad trong câu chuyện Á-Rập thời xưa không ? Vâng chính người thanh niên đó, người đã thụ nghiệp một nhà hiền triết làm thợ rèn, và chịu nhẫn nhục kéo bễ luôn mười năm, cho tới ngày sư phụ bảo : « Thôi đừng kéo nữa, con. Con đã học được cái đạo cao rộng nhất ở đời rồi đó, con đã học được đạo Vạn-năng, tức đạo Kiên-nhẫn »

Suốt nửa thế kỷ, ông vững chí không lúc nào quên mục-đích.

So-sánh Ibn Séoud với Mustapha Kémal thì cả hai đều gan-dạ, có nghị lực gang thép, có tài cầm quân, tổ chức, biết nắm lấy cơ hội, lợi dụng những mâu-thuẫn giữa các đế quốc Âu, Mỹ để khuếch trương, củng-cố thế-lực của mình, nhưng Ibn Séoud mềm dẻo hơn nhiều, khôn khéo hơn nhiều, không mắc những lỗi lớn, không mang tiếng là « quân độc tài sát nhân » như Mustapha Kémal hồi về già, mặc dầu nhiều khi cũng phải dùng những phương pháp cương quyết gần như khốc liệt. Coi nét mặt hai ông, ta cũng thấy khác nhau xa : Ibn Séoud tuy to lớn, lực-lưỡng, cao tới hai thước năm phân, mà vẻ mặt lại đôn hậu, mắt sâu mà sáng, môi dày, miệng mĩm cười hiền từ, không mím chặt lại như Mustapha Kémal.

Sự nghiệp của hai ông cũng không giống nhau. Kémal sinh vào thời đế quốc Thổ quá rộng mà suy tàn, phải cắt bớt đất đai đi, để giữ lực lượng, rồi tìm cách thống nhất những dân tộc khác nhau về ngôn ngữ, tôn giáo, phong tục, thành một khối chặt chẽ, sau cùng âu hóa hoàn toàn khối đó để theo kịp các nước văn minh. Ibn Séoud trái lại, sinh ở giữa một sa mạc mênh-mông, gồm nhiều bộ lạc cùng một ngôn

(1) Chắc không kể Nga.

ngữ, lịch sử, tôn giáo, nhưng ở rải rác khắp, nơi chia rẽ nhau, cướp bóc lẫn nhau nên công việc đầu tiên của ông là phải dùng sức mạnh bắt những bộ lạc đó phải phục tùng mình rồi xâm chiếm những tiểu quốc ở chung quanh, lập thành một quốc gia cường thịnh có thể làm cho các nước Âu, Mỹ phải kính nể, và muốn cho những tiểu quốc đó đoàn kết với nhau, ông chủ trương giữ tinh-thần cổ truyền, không cho phong tục, tôn giáo chịu ảnh-hưởng của phương Tây. Ông là một tín đồ thành kính của đạo Hồi-hồi; còn Mustapha Kémal là một nhà cách mạng có tân học, mê những học thuyết của Rousseau, Montesquieu. Nhưng cả hai đều thành công rực-rỡ, và nhờ hai ông mà dân tộc Thổ và dân tộc Ả-Rập mở mặt được với thế-giới.

*
* *

Bán đảo Ả-Rập qua các thời đại

Muốn hiểu sự nghiệp của Ibn Séoud, chúng ta cần biết qua về địa thế, dân tộc và lịch sử Ả-Rập.

Xứ Ả-Rập là một bán đảo rộng 2 triệu cây số vuông, ba phía là biển, ở giữa là một cao nguyên mênh mông trên cát dưới đá, cháy khô dưới ánh nắng chang-chang, đi hằng chục hằng trăm cây số mới gặp một giếng nước, chung quanh có ít cây chà là, và vài cái lều của bọn người du mục. Chỉ ở bờ biển mới thấy ruộng rẫy. Hai miền phì nhiêu nhất là miền Yemen ở phía Nam, trên cái mỏm một bên là Hồng-hải, một bên là vịnh Aden, và miền Syrie ở phía Bắc, trên bờ Địa-Trung-Hải. (Coi bản đồ 1 ở sau) Dân cư miền Yemen rất đông đúc tăng lên rất mau, mà diện tích trồng trọt được thì có hạn kỹ nghệ cùng thương mãi, tới đầu thế kỷ XX vẫn còn thấp kém nên miền đó luôn luôn bị nạn nhân mãn. Dân chúng nếu vượt biển để qua miền Soudan thì gặp một xứ còn khô khan, hoang dã hơn xứ Á-Rập nữa, sống không nổi; mà cũng không thể ngược theo bờ biển Hồng-Hải vì bị các dân tộc khác chận đường, nhất định không cho nhập cảnh, nên họ bắt buộc phải dắt díu nhau di cư vào giữa bán đảo, tới miền Nedjd, miền Quasim, miền Hamad để tìm cách sinh nhai. Thành thử, liên tiếp trong hàng chục thế-kỷ, có những luồng sóng người cuồn cuộn từ phương Nam tiến lên phương Bắc, rồi phân tán trong sa-mạc. Nhưng sa-mạc cháy khô làm sao nuôi nổi những bọn người di cư mỗi ngày một đông đó? Họ phải chém giết lẫn nhau, cướp bóc lẫn nhau để sống, để chiếm một giếng nước, mươi gốc chà là và vài mẫu đồng cỏ. Khắp thế giới, không đâu đời sống cực khổ, gay go như ở đây. Phải chiến đấu suốt đời, nên kẻ nào sống sót được cũng là những chiến sĩ gan dạ, rất giỏi chịu cực, chỉ có một bầu nước và một gói chà là, cũng đủ sống ba bốn ngày.

Nhưng khi người ta đã quen với đời sống rồi thì người ta thấy yêu cái cảnh sa mạc hơn là người nông dân yêu đồng ruộng. Một nhà tâm lý nào đó đã nhận-xét đúng: cảnh vật càng khô khan, đời sống càng cực khổ bao nhiêu, người ta càng quyến luyến với quê hương bấy nhiêu. Sống giữa sa-mạc, người Ả-Rập mê những cảnh hoàng hôn rực-rỡ, những cảnh cát bụi mịt trời, những cây chà là xanh mướt bên bờ nước, nhất là sau những

cơn nắng cháy da, mặt trời đã lặn, gió mát hiu hiu, nằm trên cát, bên cạnh con lạc đà, gối đầu lên cánh tay mà ngắm những ngôi sao lấp lánh trên nền trời thăm-thẳm, hoặc nhìn bóng trăng xanh dịu trải lên những động cát thoai-thoải, trong một cảnh vô biên, tịch mịch, thì lòng họ rung lên một điệu trầm trầm, họ nhớ lại những thời oanh liệt, mà muốn ca ngợi công lao của tổ tiên ; hoặc suy nghĩ về cái mênh mông huyền bí của vũ trụ, do đó họ thành một thi sĩ hoặc một nhà tu hành.

Tóm lại, sa mạc đã tạo ra ba hạng người : hạng chiến sĩ coi cái chết nhẹ như không ; hạng thi sĩ thích một cuộc đời phóng túng ; và hạng tu - sĩ kính ngưỡng Thượng-Đế, muốn hiểu cái bí mật của tương lai. Người Á-Rập tự hào rằng đã tặng cho nhân loại được bốn vạn nhà tiên-tri, đã để lại cho chúng ta vô số những lời sấm truyền, mà lịch sử cũng chứng thực rằng ít gì cũng có trên trăm nhà tiên-tri sinh trên bãi sa mạc Á-Rập.

* * *

Nhà tiên-tri nổi danh nhất, ảnh hưởng lớn nhất đến dân-tộc Ả-Rập là Mahomet (570-632). Chẳng những ông là một nhà tiên-tri mà còn là một thi sĩ, một chiến sĩ nữa. Ông ủ-ấp tất cả những hoài bão cao cả nhất của dân-tộc Ả-Rập và có đủ tài, chí để thực hiện những hoài bão đó, nên đã lập nên công nghiệp rất lớn cho nòi giống.

Hồi trẻ nghèo, ông phải làm hướng đạo cho các thương đội qua sa mạc, đi khắp nơi này nơi khác, tiếp xúc với mọi giống người. Ông thấy người Ả-Rập chia rẽ, tranh giành nhau, cướp bóc nhau, mà đau lòng ; nuôi cái mộng một ngày kia quy tụ họ được, thống nhất họ được để tạo nên một quốc gia mạnh mẽ.

Năm hai mươi lăm tuổi ông vô núi Hira gần thành Mecque trầm tư trong một thời gian, như đức Phật dưới gốc Bồ-đề, và lần lần ánh sáng hiện ra trong óc ông. Ông nghĩ ra được rằng muốn thống-nhất dân-tộc thì phải tạo cho họ một tôn - giáo chung — hồi đó người Ả-Rập còn theo đạo đa thần, mỗi bộ-lạc thờ một vị thần riêng — mà muốn cho tôn-giáo được mọi người theo thì phải dùng võ lực, chiến thắng tất cả những bộ-lạc khác.

Tìm được « chánh đạo » rồi, ông hạ san, tự xưng là nhà tiên-tri, đem truyền-bá những tư-tưởng của mình trong số người thân, rồi trong một nhóm môn-đệ gồm ba, bốn chục người. Nhờ hồi trước tiếp xúc với các người theo đạo Da-Tô và Do-Thái, ông hiểu được ít nhiều về hai đạo đó, phỏng theo mà lập nên đạo Hồi-hồi. Giáo điều căn-bản tóm tắt trong câu : *Chỉ có một đức Chúa duy nhất là Allah và một tiên-tri của ngài là Mahomet*. Sống thì phải phục tùng ý muốn của Chúa. Sự phục tùng ấy gọi là *islam*, chết thì phải chịu sự phán quyết của Chúa. Đại loại những lời khuyên răn những tín-đồ, tức *mulsuman*, cũng như các cấm điều trong các tôn-giáo khác. Khác hẳn đạo Phật là điều này : *Chiến-tranh nào có mục-đích truyền-bá « chính đạo » sẽ là thánh chiến*. Bất kỳ ai, có những kẻ đui và cụt tay đều phải nhập-ngũ để chiến-đấu vì Chúa. Chỉ những kẻ điên, con nít và đàn bà là được ở nhà, nhưng có bổn phận phải tố cáo, phải giết những kẻ đào-ngũ. Khẩu hiệu của tín-đồ là : « *Thiên-đàng ở trước mặt, mà địa-ngục ở sau lưng* ».

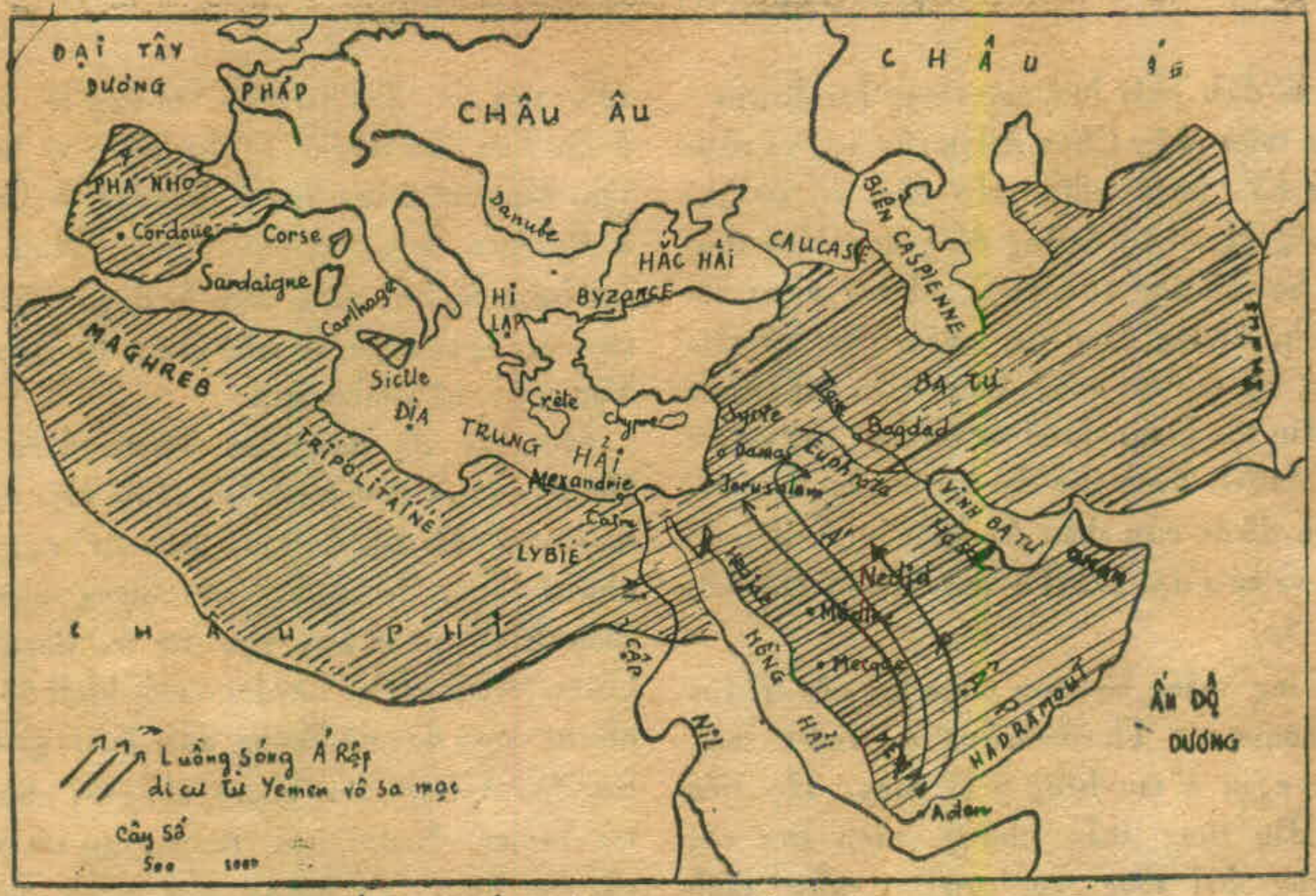

ĐẾ QUỐC Á-RẬP THỜI TOÀN THỊNH (750)

Một lần đứng trước một nhóm đồ-đệ khoảng bốn chục người, Mahomet tuyên bố :

— Từ nay ta sẽ sống và chết với các ngươi, đời ta là đời của các ngươi, máu các ngươi là máu của ta, các người thua là ta thua, mà các ngươi thắng là ta thắng.

Một người trong đám hỏi :

— Nhưng nếu chúng tôi bị giết vì ngài thì được phần thưởng nào ?

Mahomet đáp liền :

— Được lên Thiên Đàng.

Những cuộc đàm thoại như vậy được tín đồ ghi chép lại Thánh kinh Coran, lời rất chau-chuốt, hoa mỹ vì Mahomet vốn có tâm hồn thi sĩ. Ngoài những đoạn giảng về đức tin, kinh còn dạy về khoa học, vệ sinh, luật pháp. Các sử gia hiện nay phải nhận rằng thời Trung-cổ, khắp thế giới không có bộ luật nào đầy đủ chi tiết và thực tế như kinh Coran.

Khi đã có một số tín đồ cảm tử theo, ông bắt đầu dùng tài cầm quân của mình để đánh cướp các thương đội, gây lực lượng để xâm chiếm các bộ lạc, bắt họ quy phục, theo đạo Hồi-hồi. Lần này ông chiếm được Médine, Mecque, và khi lâm chung, hồi 62 tuổi, ông làm chủ toàn xứ Ả-Rập. Quốc-gia Ả-Rập thành lập, và từ đó mỗi ngày một mạnh.

Sau Mahomet, Omar tiếp tục công việc xâm lăng để truyền đạo và tới giữa thế kỷ thứ VIII thì đế quốc Ả-Rập toàn thịnh, rộng hơn cả đế quốc Hi-Lạp hồi xưa : phía đông lan qua Ba-Tư, và một phần Ấn-Độ, phía tây gồm một vùng mênh mông từ Ai-Cập tới bán đảo I-Pha-Nho, phía Bắc giáp Caucase và Tây-Bá-Lợi-Á, bao nhiêu đảo lớn nhỏ trong Địa-Trung-Hải đều thuộc về Ả-Rập cả. (Coi bản đồ I, ở trên) Họ tới đâu thắng đấy,

bất kẻ địch phải lựa một trong hai đường : hoặc thừa nhận Chúa Allah của họ, và phục tòng họ, hoặc chết. Họ dám sai sứ qua Trung-Hoa buộc hoàng đế Trung-Hoa theo đạo họ (khoảng 705-707), nhưng vì xa xôi quá họ không dám tiến quân. Mãi tới năm 732, họ sắp tới sông Loire trên đất Gaule thì dân tộc Franc dưới sự chỉ huy của Charles Martel, đánh cho đại bại ở gần Poitiers. Trận đó đã cứu châu Âu khỏi bị Ả-Rập đô hộ, và cứu đạo Da-Tô khỏi bị đạo Hồi-hồi lấn áp.

Càng thắng họ càng phục lời tiên tri của Mahomet : « Thiên-đường ở trước mặt, Địa ngục ở sau lưng » là đúng. Họ tiến tới đâu cũng thấy những cảnh rực rỡ, những đời sống vui tươi y như cảnh Thiên Đàng tả trong Thánh kinh của họ. Trong Thánh kinh chẳng có đoạn này đấy ư ?

« Sau khi giải khát ở hồ nước của đấng Tiên-tri, Tín-đồ sẽ vô Thiên-Đàng và được hưởng những của cải mênh-mông Mùa xuân ở đó bất tận, vườn tược xanh tốt quanh năm, đủ các thứ suối róc rách dưới tàn cây : suối nước thơm tho, suối sữa, suối rượu, suối mật. Cây thì cao, bóng thì mát mà có đủ các thứ trái. Rồi nem công chả phượng — ba trăm món ăn mỗi bữa — ăn không chán . . . Thượng Đế ban lệnh « Các con ăn uống cho thoả thuê đi để bù công khó nhọc ở dưới Trần ? Bảy mươi hai nàng tiên mắt đen lánh, xiêm y rực rỡ, y như những viên ngọc trai trong vỏ xa cừ, sẽ múa hát tưng bừng để tăng vui cho bữa tiệc ».

Những lời hứa hẹn đó làm cho dân Ả-Rập đói khát trong sa mạc mơ ước bao lâu nay thì bây giờ đây, nhờ chiến thắng, nhờ hy sinh cho Chúa, họ được Chúa cho hưởng đủ: này là những suối mật, ở Ai-Cập những suối sữa ở Y-Pha-Nho, những lê, cam ở Ba-Tư, nho táo, ở Y-Pha-Nho và hàng vạn, hàng ức nàng tiên ở Bagdad, ở Caire ở Byzance, ở Crète, ở Cordoue. Nhìn lại sau lưng họ thì bán đảo Ả-Rập toàn đá với cát, quả thực là một cảnh địa ngục ! Vạn, vạn tuế Mahomet !

Một khi đã được lên Thiên đàng thì không còn ai muốn trở lại cảnh Địa ngục nữa, cho nên dân Ả-Rập, định cư ngay ở những thuộc địa của họ, xây dựng những châu thành phồn hoa rực rỡ ở Bagdad, Caire, Alexandrie, Cordoue rời kinh đô lại những nơi đó mà không đoái hoài gì tới bán đảo Ả-Rập nữa, không nhắc tới những tên Yemen, Nedjd, nơi chôn nhau cắt rốn của họ nữa. Và bãi sa mạc mênh mông yên tĩnh từ lại, gần như bất động, gần như chết hẳn. Chỉ còn ít đoàn du mục đói rách lang thang dưới ánh nắng thiêu người với mấy con lạc đà ốm yếu, đi tìm ít ngụm nước, ít trái chà là chung quanh những giếng nước.

Sống sa hoa thì phải suy. Bắt đầu từ thế kỷ thứ XI, những thuộc địa của họ mạnh lên, chống cự lại họ. Trước hết là người Franc chiếm miền Bắc bán đảo : Syrie, Palestine, Transjordanie. Rồi tới những đoàn Thập tự quân tiến tới Médine (cuối thế kỷ XII). Qua thế kỷ sau, những đoàn kỵ sĩ Mông cổ, dưới sự chỉ huy của Gengis Khan, Tamerlan, xâm nhập Anatolie, tàn phá Smyrne, Alep, Damas. Sau cùng người Thổ chiếm hết những tỉnh ở bờ biển, dồn họ vào sa mạc, bắt họ phải phục tòng, và dân tộc Ả-Rập trở lại tình trạng cũ, trước khi Mahomet ra đời.

Cuối thế kỷ XVII, một vị anh hùng Ả-Rập, Abdul Wahab theo đường lối của Mahomet, dùng đúng chính sách của

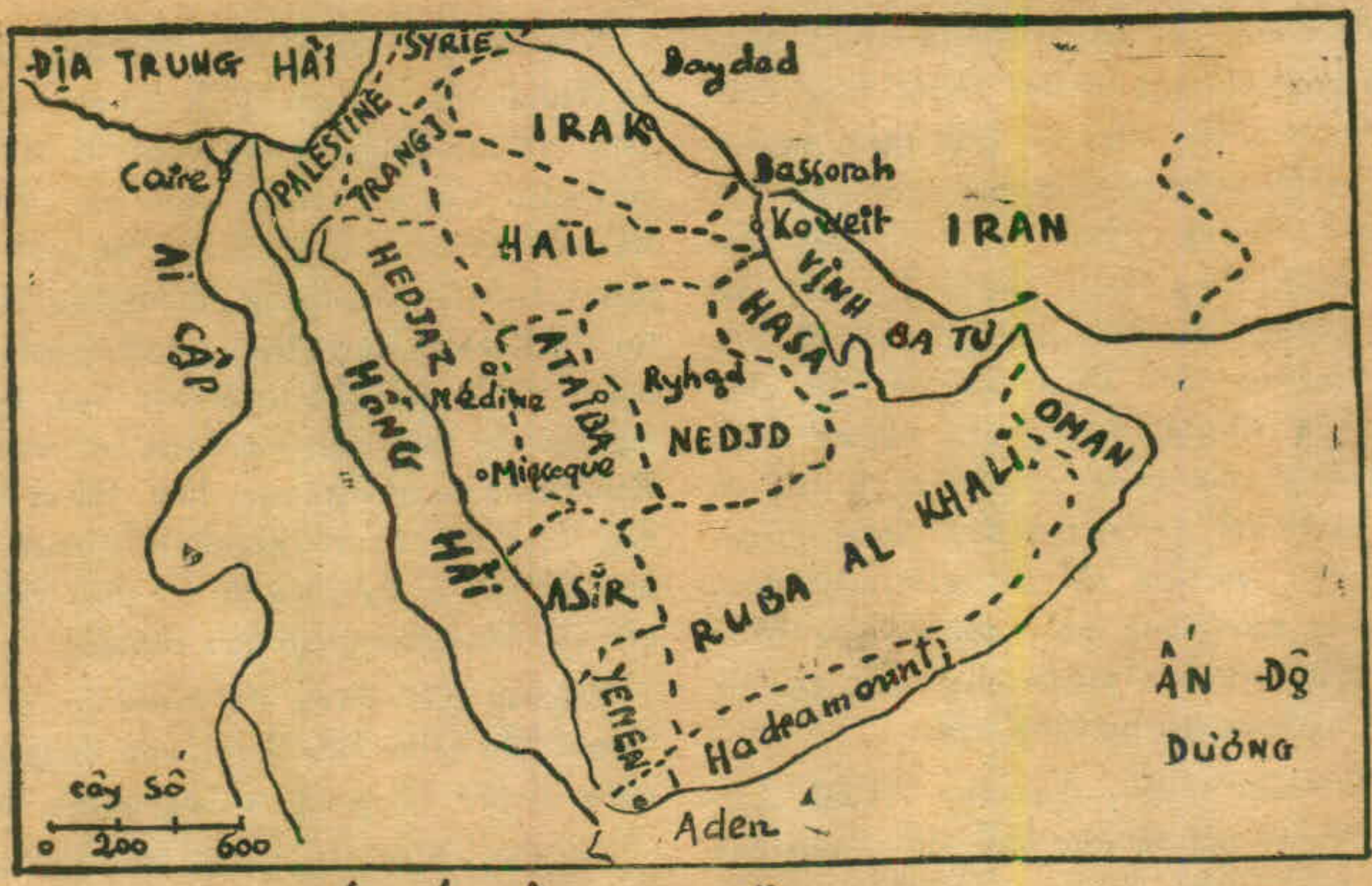

XỨ Á-RẬP SAU NĂM 1918

Mahomet, — nghĩa là mượn sức của tôn giáo và của binh sĩ — muốn gây lại thời oanh liệt cũ, thống nhất được xứ Nedjd và Hasa. Qua thế kỷ sau, Séoud chiếm thêm được Hedjaz, vô thánh địa Meeque, nhưng khi Séoud tử trận, các con bất tài, bị Thổ diệt hết.

Dân Ả-Rập vẫy-vùng được một thời rồi lại nép mình dưới chân Thổ, lại thiêm thiếp ngủ dưới ánh nắng gay gắt, trong một cảnh yên tĩnh, chỉ thỉnh thoảng giật mình vì một tiếng súng nổ hoặc tiếng vó ngựa của một tên cướp đường ban ngày.

*
* *

Mất nước và lang thang

Ibn Séoud sinh trong hoàn cảnh đó, ở Ryhad, năm 1881, cha mẹ đặt tên là Abdul Aziz.

Thời đó, bán đảo Ả - Rập chia làm mười lăm, mười sáu tiểu bang. Ryhad là kinh đô của tiểu barg Nedjd, ở trung tâm bán-đảo.

Thân mẫu ông là con gái một hào mục ở phương Nam, thân phụ ông, Abdur Rahman là bào đệ của quốc vương Nedjd. Vốn mộ đạo, Abdur Radman sống một đời khắc - khổ như các nhà tu-hành : nhà cửa không trang hoàng gì cả, không uống rượu, hút thuốc, không ăn đồ ngon, không bận đồ lụa, cấm người trong nhà ca hát, suốt ngày đăm - đăm tụng niệm, không bao giờ nụ cười hiện trên môi. Tuy là hoàng thân, nhưng nghèo : xứ Nedjd vốn chỉ có cát và đá, mà kinh đô Ryhad mấy chục năm trước bị người Thổ tàn phá, vẫn chưa xây cất lại được, và luôn luôn bị quốc-vương tiểu bang Hail dòm ngó. (Coi bản đồ II ở trên)

Tới tuổi đi học, Abdul Aziz, theo lệnh cha vào nhà tu học thuộc lòng kinh Coran, tới bảy tuổi đã phải theo người lớn dự lễ và tụng kinh mỗi ngày năm lần ở giáo đường. Tám tuổi đã biết cầm gươm bắn súng, cưỡi ngựa, phi nước đại mà không cần yên, cương, phải đi theo các thương đội khắp xứ để tập chịu cực khổ, đi chân không trên những phiến đá nóng như nung ăn uống thì chỉ có một nắm chà là và một bầu nước giếng, ngủ thì có khi chỉ ba giờ một đêm, và sáng nào cũng phải dậy hai giờ trước khi mặt trời mọc, dù là mùa đông, gió bấc thổi buốt tới xương cũng vậy.

Nhờ tiên thiên rất mạnh, Abdul Aziz chịu được những cực khổ đó — sau này ông cao tới hai thước năm phân, to lớn như một người khổng lồ — hoạt động suốt ngày không nghỉ, thắng tất cả bạn bè trong những cuộc vật lộn và chạy đua. Tính tình nóng nảy : mỗi lần nổi giận thì mất đỏ ngầu, nhưng cơn giận nguôi rồi thì lại vui vẻ, hòa nhã.

Sở dĩ thân phụ ông tập cho ông sống khắc khổ là muốn cho ông lập được sự nghiệp lớn. Hồi bảy tuổi có lần ông nghe cha dạy :

« Con phải hiểu bổn phận của con. Sau này con phải thống nhất tổ quốc và con sẽ gặp nhiều trở ngại. Con phải tập sống một đời thiếu thốn, chiến đấu, và tập trung ý nghĩ vào mục đích duy nhất đó. Đừng bao giờ thất vọng vì nghịch cảnh. Và khi nào thấy mù mịt trên đường đời thì con phải chịu kiên nhẫn, đợi lúc Chúa chỉ dẫn cho. »

Suốt đời ông nhớ lời gia huấn đó, và cũng nhớ bài học kinh khủng sau này nữa.

Như trên tôi đã nói, hai tiểu bang Hail và Nedjd vốn có hiềm khích với nhau. Đầu năm 1890, Quốc-vương Hail là Rashid đem quân diệt hai người anh của Abdur Rahman, chiếm kinh đô Rihad, đặt một viên tướng là Salim làm thống đốc Ryhad. Theo tục thì Rahman được lên ngôi kế vị hai anh. Salim muốn trừ cho tuyệt hậu họa, ngoài mặt làm bộ thân mật, xin được vô yết kiến Rahman, nhưng dặn các lính thị vệ theo hầu là hễ khi nào có gia-đình Rahman hội họp đủ mặt ở đại điện thì sẽ bủa vây và giết cho không còn một đứa con đỏ.

Rahman biết được âm mưu đó, ra tay trước. Khi Salim làm lễ rồi, ung dung ngồi uống cà-phê, bỗng ngó chung quanh, hỏi :

— Thưa Ngài, tôi muốn được tỏ lòng tôn kính tất cả gia-đình của Ngài, vậy Ngài có thể cho vời chư vị đó lại cả đây được không ?

thì Rahman rút ngay con dao găm ra và tất cả bộ hạ tuốt gươm ùa vào trong điện, trói Salim lại, giết hết lính thị vệ của y, rồi quẳng Salim xuống một giếng nước. Abdul Aziz lúc đó mới mười tuổi, đứng sau lưng một tên nô-lệ lực lưỡng, có bổn phận che chở ông, kinh khủng nhìn cảnh chém giết ghê gớm đó. Mình ông vấy máu và hình ảnh đó khắc sâu trong đầu ông. Sau này nhắc lại chuyện ấy, ông bảo :

— Lần ấy tôi đã học được điều này là gặp nguy cơ thì phải ra tay trước.

Nhưng Rahman chống cự không nổi với Rashid, nên phải bỏ kinh-đô, trốn xuống phương Nam, ở nhờ dân-tộc Mourra, lang thang hết nơi này, nơi khác trong một miền hoang vu, khô cháy, với một bọn tùy tùng mỗi ngày một thưa thớt. Họ chịu đói, chịu khát, lại làm cỡ nữa, phải đào rễ

cây mà ăn. Một hôm, tuyệt vọng, Rahman kêu Aziz và ba người thị vệ trung kiên lại, bảo :

— Chúa bắt chúng ta chết ở nơi này rồi. Chúng ta phải tuân lệnh Chúa. Thôi, quỳ cả xuống mà tụng kinh và cảm ơn Chúa.

Aziz phản kháng :

— Không ! Không chịu chết ở đây ! Phải rán sống. Lớn lên, con sẽ làm vua xứ Ả-Rập.

Sáng hôm sau, có cứu-tinh tới. Một đoàn kỵ sĩ của Vua Koweït lại đón gia đình Rhaman về Koweït lánh nạn. Koweit là một xứ nhỏ nhưng giàu có ở phía tây bắc vịnh Ba-Tư. Rahman tin là được Allah cứu. Điều chắc chắn là Vua Koweït là tay sai của Vua Thổ, mà Vua Thổ thấy Rashid chiếm trọn tiểu-bang Nedjd, ngại rằng uy thế của Rashid quá lớn, sau này khó trị, nên muốn cứu Rahman để khi nào cần, sẽ giúp đỡ cho mà chống lại với Rashid. Vẫn là chính sách vạn cổ : chia để trị.

Ở Koweït, gia đình Rahman được tiếp đãi long trọng. Châu-thành là một tỉnh lớn nằm trên bờ biển — người ta gọi là tỉnh Marseille của phương Đông — ghe tàu tấp nập, ngoài phố chen vai đủ các giống người từ phương Đông qua (Ấn-Độ, Ba-Tư, cả Nhựt-Bổn nữa), từ phương Tây tới (Anh, Pháp, Đức, Ý...) và từ phương Bắc xuống (Nga, Thổ.) Nơi đó là ngưỡng cửa thông châu Âu với châu Á. Người Đức muốn mở một đường xe lửa từ Bá-Linh tới Vịnh Ba-Tư, mà ga cuối cùng là Koweït. Nga cũng muốn có một trục giao thông từ Moscou tới Bagdad, Bassorah trên con sông Tigre ở phía Bắc Koweït. Còn Anh thì định lập một đường khởi từ Ấn-Độ, xuyên Ba-Tư, và trạm cuối là Bassorah hay Koweït. Nhất là từ khi Anh, Mỹ khai thác những mỏ dầu lửa ở Ba-Tư và Ả-Rạp thì hải-cảng Koweit và Bassorah thành những căn-cứ điểm quân-sự quan trọng nhất thế-giới, hơn cả Gibraltar, cả Aden, cả Singapour, cả Hương-Cảng... Cho nên thương-mãi ở đó phát-triển lạ lùng, mà gián-điệp thì cũng vậy. Tất cả các cường quốc đều gởi đại-diện tới, chính thức và không chính thức : những vị sứ thần và những nhân viên mật vụ trá hình thành con buôn, nhà truyền-giáo, nhà khảo cổ ..Họ dòm ngó nhau, ngầm tranh giành nhau từng chút, vãi tiền ra để mua chuộc các nhà quyền thế bản xứ, tìm đủ các mưu mô, mánh khoé để hất cẳng nhau, lật tẩy nhau mà ngoài mặt thì vẫn niềm nở, rất lịch sự với nhau.

Một trong những nhà quyền thế Koweït bị người Anh mua chuộc là Mubarrak, bào đệ của quốc vương Koweït. Mubarrak là một tên cờ bạc, điếm đàng, tiêu hết gia sản của ông cha để lại rồi qua Ấn-Độ « làm ăn ». Không biết hắn làm ăn cái gì mà tiền bạc vô như nước, ai hỏi hắn thì hắn cúi mặt, nhũn-nhặn đáp. « Nhờ Allah phù hộ độ trì. »

Năm 1897, hắn về Koweït, bị vua anh mắng chửi tàn tệ, hắn nhẫn nhục chịu. Nhưng Aziz thích hắn lắm mà hắn cũng thương Aziz vì thấy chàng thông minh, dĩnh ngộ. Hồi đó Aziz đã có vợ — chàng kết hôn với công chúa Janhara — vẫn nuôi cái mộng tiễu phạt Rashid, để khôi phục lại sơn hà, có lần nhảy lên lưng một con lạc-đà, băng vào sa-mạc để hô hào các bộ lạc nổi lên chống Rashid, nhưng bộ lạc nào mà nghe

lời một em bé mới còn hơi sữa đó, cho nên ba ngày sau chàng lủi-thủi trở về Koweït, làm trò cười cho thiên-hạ.

Mubarrak đã không mỉa mai Aziz mà trái lại, ân cần đón về nhà, dạy cho một chút sử-ký, địa-lý, toán-học và Anh-văn, rồi lại cho làm thư-ký riêng. Khách khứa tới lui nhà Mubarrak sao mà nhiều thế ! Đủ các hạng người, từ con buôn tới các nhà thám hiểm, chủ ngân hàng, chính khách... đủ các giống người, từ Anh, Pháp đến Đức, Nga...

Rồi một đêm, Mubarrak lẻn vào cung, giết anh, lên ngôi vua. Vua Thổ cho như vậy là phản nghịch, ra lệnh cho Rashid đem quân lại dẹp. Xứ Koweït đã nhỏ mà quân đội lại không luyện tập, Mubarrak thua, chạy về thành trốn. Nguy cơ đã tới. Nhưng lạ chưa, đúng lúc đó một thiết giáp hạm của Anh hiện ở bờ biển Koweït nã súng về phía quân của Rashid và Rashid phải nuốt hận mà rút quân về. Bây giờ người ta mới hay là Mubarrak làm tay sai cho người Anh. Thổ đã thua Anh một nước cờ. Địa điểm Koweït quan trọng quá, Anh không cướp của Thổ thì Đức hay Nga cũng chiếm mất.

Biến chuyển lạ lùng đó làm cho Aziz suy nghĩ và mở mắt ra. Trông cậy ở đường gươm lưỡi kiếm, ở lòng dũng cảm, trung thành của quân đội thì hỏng bét Phải có ngoại giao, có mánh khoé chính trị nữa. Và cái xứ Ả-Rập này vậy mà quan-trọng chứ, hết thảy các cường quốc đều dòm ngó nó. Từ trước cứ tưởng đuổi được tụi Thổ đi thì sẽ được độc lập, bây giờ mới thấy rằng công việc khó khăn vô cùng ; bên cạnh Thổ còn Anh, Đức, Nga nữa mà đàn kên-kên này mới nguy hiểm hơn nhiều. Vậy chính sách là phải chiến đấu đã đành rồi, mà đồng thời cũng phải tính toán, mưu-mô, tùy gió xoay chiều, đợi hoàn cảnh thuận tiện để len lỏi, tiến lui, chứ không thể sơ-suất được. Lần này là lần thứ ba, chàng học được một bài học quan-trọng.

Lúc đó Anh đương mạnh, Aziz hướng về Anh, muốn nhờ Anh giúp để trả thù Rashid, nhưng người Anh chê chàng là con nít, không thèm trả lời. Chàng quay lại năn nỉ Mubarrak năm lần bảy lượt. Bực mình quá, muốn tống chàng đi cho rảnh, Mubarrak thí cho chàng ba chục con lạc đà ốm yếu, ba chục cây súng cũ kỹ, hai trăm đồng tiền vàng và dặn kỹ nên việc hay không cũng mặc, không được lại quấy rầy nữa.

Chàng không đòi gì hơn. Được điều khiển một binh lực dù là nhỏ mọn cũng thú rồi. Chàng định kế hoạch : phải đích thân vào hang cọp, chiếm lấy cung điện Ryhad — nói là cung điện chứ sự thực không bằng một biệt thự trung bình ở Sàigòn — rồi kiểm soát cả kinh đô, kiểm soát các bộ lạc ở Nedjd. Lúc đó có đất dụng võ rồi, mới sai « sứ thần » tiếp xúc với người Anh, xem người Anh còn dám chê cái mặt này nữa không nào.

Chàng đem đại sự bàn với cha, cha mắng là vọng động, chàng không nghe, để vợ và con thơ lại cho cha trông nom rồi tiến sâu vào sa mạc với ba chục con lạc đà ghẻ và 30 cây súng tồi. Lúc đó nhằm mùa thu năm 1901, chàng mới được hai mươi tuổi.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LE

PASTILLES: { **VANCO** MÙI « MENTHE »
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng

VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRƯƠNG-VĂN-CHÔM

Dược khoa Tân-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên Đỗ — Saigon

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 – 23.913

V.— CÁC HỌA-PHÁI THỂ-HIỆN

★ ĐOÀN-THÊM ★

Lâu đài của các Giáo-Hoàng Le Chateau des Papes *của* P. Signac.

Tân Ấn-Tượng Néo-Impressionisme

LỐI vẽ Ấn-tượng tuy chinh phục được công-chúng, sau mười năm phổ-biến, đã lộ dần những sở-đoản mà chính nhiều người trong nhóm cũng nhận ra: để không-khí lu mờ các khía-cạnh, chỉ ghi qua ánh sáng vi-vút, tuy nhiều khi cảnh gợi mơ, thường xóa bỏ mất hình khối của mọi vật; song bản-thể thực-tại phải được hiển-hiện, khiến bố-cục vững chãi thì tác-phẩm mới mang tính-cách trường-tồn.

Để tránh những nhược-điểm kể trên, Renoir từ 1880 đã sớm trở lại

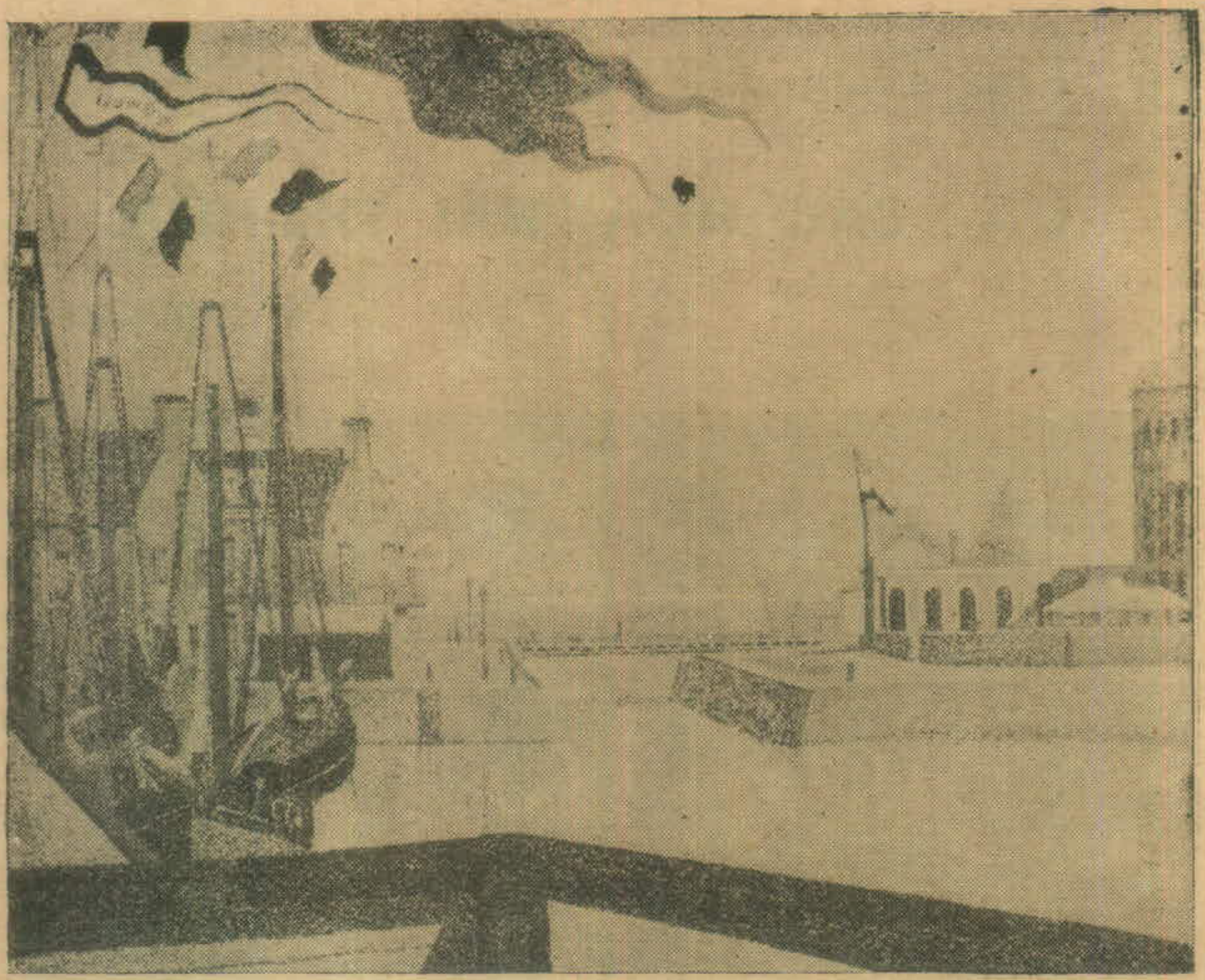

Bến tàu Port-en-Bessin 1888 *của* G. Seurat.

đường lối Rubens và Ingres, với nét vẽ rõ-rệt ở những bức khỏa-thân lộng lẫy.

Nhưng Seurat còn đi xa hơn. Sau khi nghiên-cứu những khám-phá mới của các nhà quang-học Chevreul, Helmholtz và Rood, họa-sỹ muốn dung hòa những vẻ linh-động huyền-ảo của Ấn.tượng với nhu-cầu xây-dựng vĩnh-cửu trên tranh, theo những luật thiên-nhiên ở nhỡn-giới mà khoa vật-lý đã phơi bày :

Ánh sáng và hình ảnh mỗi vật, dù thoảng vào mắt, cũng rung-rinh vài giây, chưa tắt thì nhỡn-quang đã tiếp nhận ánh sáng và hình ảnh vật khác, khiến các xúc-động hỗn-hợp thành một cảm-tưởng bao-quát. Ánh đỏ chưa biến đã trộn với ánh xanh ánh vàng, nên ta thấy sắc chung vàng-xanh-đỏ khác hẳn mỗi màu riêng, nhất là khi khoảng màu hẹp để mắt dễ nhìn nhận.

Sự nhìn nhận càng dễ vì mắt còn nhờ sự tương-phản sáng-tối mà Ấn-tượng đã coi thường bỏ qua ; trên mỗi vật, ánh và bóng chọi nhau mạnh nhất ở các góc các khía, nghĩa là các đường nét phân cách mặt này mặt khác, giới hạn đồ này đồ kia.

Vì thế Seurat đã tìm ra và theo những phương-pháp sau :

— Chia ra thành vết lấm tấm (pointillé) những nét bút mà Ấn-Tượng đã có sáng-kiến buông nhẹ quệt ngắn (division des touches). Các vết màu nhỏ lăn tăn giao ứng trong mắt khán-giả. Cách chấm điểm đó được gọi là « pointillisme »

— Cho đậm-nhạt đối lập rõ rệt nhất ở khía cạnh phân biệt hay nối liền các mặt (plans de jonction). Sáng đi dần đến mờ và tối xẫm ở góc, rồi lại mờ đi và tới khoảng sáng.

— Không thiên về đường nét, màu sắc hay ánh bóng.. Có đủ các yếu-tố thể-hiện thì mới hòa-hợp (harmonie), mà hòa-hợp là mục-đích nghệ-thuật (1). Một vật phải hiện rõ và được sắp đặt trong một toàn-cảnh có qui-mô nhất-định vạch theo lý-trí, chớ không mập mờ buông thả tùy cảm-giác thoáng qua.

Tóm lại, Seurat phần nào đã trở lại Cổ-Điển, mà không thoái-hóa, vì dung nạp cả ưu-điểm của Ấn-Tượng. Tuy-nhiên, trong thực-tế đường lối của ông cũng khó áp dụng; nhìn một vài bức thì thấy quả có vẻ đẹp dung-dị trầm-tĩnh, với bố-cục phân-minh khoáng-đãng, nhưng xem nhiều sẽ chán vì có cảm-tưởng là giả tạo: không lẽ vạn vật đều lầm chầm cả? Chắc vì thế mà tuy người ta phục ông, ít người theo, và ngoài ông cùng bạn thân là P. Signac, chưa thấy ai tới gần chỗ độc-đáo của hai người. Đúng như nhà danh-họa Matisse đã nói: về nghệ-thuật, những qui-tắc do kẻ nào tìm ra chỉ có công-dụng đối với kẻ đó mà thôi (les règles n'ont pas d'existence en dehors des individus: Matisse — Grande Revue 1908.)

*
* *

(1) Đã trình rõ ở B. K số 105 — cuối bài, có trích một đoạn của P. Signac với những điểm chính-yếu trong quan-niệm nghệ-thuật của Seurat.
Tranh của Seurat có in lại ở B. K. số 102 và số 105

Linh-Cảm Nabis (1)

Nhóm này gồm một số họa-sỹ chống cả Tả-Chân lẫn Ấn-Tượng, cùng nhau tìm một đường mới, vào khoảng 1891. Nổi tiếng nhất có Pierre Bonnard (1867-1947), Paul Cérusier (1863-1927) Edouard Vuillard (1868-1940), và Maurice Denis (1870-1943) một người viết văn cũng giỏi và đã trình bày nhiều về quan-điểm của các đồng-chí.

Họ trách Tả-Chân bắt chước tạo-vật và hạ thấp nghệ-thuật xuống mức thiết-thực tầm-thường, và chê Ấn-Tượng tuy đã tế-nhị còn quá lệ-thuộc cảm-giác và ngoại-giới: nhưng hội-họa là một phương-tiện biểu lộ nội-tâm, một sự sáng-tạo của tinh-thần, cảnh vật chẳng qua chỉ hiến cho cơ-hội, xúc cảnh thì sinh tình nẩy ý mà vẽ khác « L'Art est avant tout un moyen d'expression, une création de notre esprit, dont la nature n'est que l'occasion » (Maurice Denis).

Nhưng vẽ khác như thế nào? Bằng những sắc những hình không giống thực, thay đổi đi (déformations) để phù-hợp hơn với ý-thức tâm-tình cá-nhân. Mỗi hiện-tượng trong trời đất đều giao ứng với

(1) Các họa-sỹ nhóm này năng hội họp bàn luận và bông đùa với nhau, vẽ nhiều mà nói cũng nhiều, nên thi-sỹ Cazalis tặng cho danh-hiệu Nabis. — Nabis là tiếng Do-Thái, dịch ra Pháp là Prophètes, những nhà tiên-tri Song về hội-họa, mà dùng chữ tiên-tri, e khó hiểu quá. Bởi họ cũng tìm tòi ý nghĩa tinh túy ở tạo-vật và cảm-giác, nên tôi xin tạm dịch ra Linh-Cảm thay vì Tiên-Tri.

Phụ nữ dưới đèn Femmes sous la lampe 1892 *của* E. Vuillard
Màu xẫm và dịu. Đường nét không thấy : các khoảng màu giới hạn lẫn nhau.

Cảnh tháng tư — Avril 1892 *của* M. Denis.

một tâm-trạng nào đó, nên nghệ-sỹ tùy tâm-trạng mà tìm những nét màu tượng trưng nổi các hiện-tượng (L'Art au lieu d'être la copie, devient la déformation subjective de la nature... Les phénomènes signifient des états d'âme, et c'est le symbolisme ». (M. Denis). Về điểm này, các nhà phê-bình đều nhận thấy nhóm Linh-Cảm chịu ảnh-hưởng rõ rệt của Gauguin, họa-sỹ đầu tiên đã tìm những dấu hiệu riêng tương-đương với mỗi cảnh mỗi vật mà cũng gợi cảm như thiên-nhiên (des équivalents plastiques).

Song biến chuyển thực-tế, thì phải tô điểm cho đẹp hơn, vì họa-phẩm với ý-nghĩa và tính-chất thơ mộng, có ích-lợi trang trí các bức tường : đó là một yếu-điểm trong lý-thuyết Linh-Cảm, thậm chí có lần họa-sỹ trong nhóm J. Verkade đã hô đả đảo những tranh đặt lên giá gỗ (tableau de chevalet) và đòi vứt cả tranh đi, chỉ để lại những bức vẽ tô tường mà thôi (Des murs, des murs à décorer... Il n'y a pas de tableau, il n'y a que des décorations : theo Albert Aurier). Cũng vì thế, họ từ bỏ dứt khoát lối viễn-họa ; tranh treo tường, có hai bề ngang dọc thì hà-tất giả tạo chiều sâu ? Và tranh là đồ trang-trí, thì không được để trống rỗng khoảng nào, « phông » tranh cũng quan-trọng như các phần khác của bức họa, cần mang những hình sắc gì ngoạn-mục.

Đầu phụ nữ Tête de Femme 1892 *của* P. Bonnard.

Muốn ngoạn-mục, làm thế nào ? Kể thì mỗi họa-sỹ trong nhóm đều có lề lối riêng, song những điểm chung cũng dễ nhận : hình dẹt, nhiều khi như bóng người bóng vật hiện trên khoảng sáng (silhouettes) các nét vẽ rất giản-dị, vì cần bỏ qua chi-tiết mà tóm cả toàn-thể để lột rõ tinh-thần (synthétisme) ; màu thì tô rộng và phẳng (aplats) và

không ngại chi dùng những chính-sắc, không e sặc-sỡ, theo lời khuyên của Gauguin : thấy bóng xanh ? thì bôi cho cực xanh đi (et cette ombre, plutôt bleue ? ne craignez pas de la peindre aussi bleue que possible.)

Quan-niệm kể trên đưa đến những kết-quả gì ? khi đọc sách nói về nhóm Linh-Cảm này, tôi đã phập phồng rằng sẽ đứng trước nhiều sự cầu-kỳ hoặc viển-vông. Nhưng may sao, rất nhiều dáng vẻ đáng ưa dễ ưa, vì dung-dị, thân-mật, trang-nhã, ôn-hòa cả về màu sắc mặc dầu sự khuyến - khích của Gauguin : bóng phụ - nữ yên tĩnh dưới đèn trong phòng ấm-cúng (Sous la lampe của E. Vuillard) những cô nhỏ ngây thơ trong trắng (Soir Trinitaire của M. Denis, đã in trong B.K. số 102) cảnh giỡn sóng chiều hôm hay dung-nhan người đẹp (Baigneurs à la fin du jour, và Tête de Femme của P. Bonnard) v.v....

*
* *

Dã-Thú Fauvisme

Như đã lược thuật (ở B.K. số 103) tên Dã-Thú do nhà phê-bình Louis Vauxcelles gán cho, khi nhắc lại lời giễu cợt của khán-giả trước những bức tranh sặc-sỡ trưng bày ở phòng triển-lãm mùa thu 1905, của một số họa-sỹ đã nhiều lần bị chê bai : Henri Matisse (1869-1954) Albert Marquet (1875-1947) André Derain (1880-1954) Vlaminck (1876 - 1958) Raoul Dufy (1877-1953) Van Dogen (1877-).

Họ không lập thuyết, song căn cứ vào các họa-phẩm, hoặc qua những lời tuyên-bố của những người trong nhóm như Matisse hay Derain, cũng thấy đường lối rõ-rệt hay rực-rỡ là khác và hướng về kỹ - thuật hơn là lý-tưởng.

Về phương-diện tiêu-cực, họ chống lại các giáo-điều và ước-lệ cổ-truyền, sự mô-phỏng thực - tế theo những khuôn mẫu được phổ biến từ các trường học và các viện Hàn-Lâm. Họ cũng không tán thành phương-pháp Ấn-Tượng, và trách nhóm này để nhật-quang lấn áp mất cả bản - sắc của cảnh vật.

Theo ý họ, ánh sáng hiện lên tranh, nhờ sự hòa-hợp hay giao - ứng của các khoảng màu, nhưng màu phải là nguyên-sắc lộng-lẫy, không pha trộn trước, lấy ngay từ các ống ra bôi rộng và phẳng chớ không theo vệt nhỏ. Đường nét chẳng cần phải tế-nhị, vì bố-cục vững-vàng không do hình thể, mà do sự dàn xếp các khoảng xanh đỏ tím vàng hợp xung. Xung hợp còn tùy các diện-tích màu loang ra hay hẹp vào, nên đường nét cũng phải lệ thuộc mà biến đổi thành những hình-thái giản-dị hay kỳ-dị nhưng xứng với toàn-diện (stylisation schématique).

Màu sắc là yếu-tố căn-bản. Như Vlaminck đã có dịp tuyên bố, nghệ-thuật phải biểu lộ cá-tính đặc-biệt ; nhưng cá - tính đó không ở đường nét, vì đường nét thuộc lý-trí chung cho mọi người, chỉ ở cách cảm xúc

Nhà bè Bateaux-Lavoirs, 1906 *của* Vlaminck, *(nơi tụ họp của nhóm Dã-Thú, gần khu Ravignan, Paris). Hai bờ sông vàng rực như bốc lửa ; các màu khác : đỏ máu, xanh lơ, xanh-lá-cây, xẫm v. v...*

riêng, mà khi nhìn tạo-vật thì tạo-vật hiện ra trước hết với màu sắc, cho nên chỉ có màu sắc với sức mạnh và tiếng vang của nó, hòa tấu trên bức vải, mới gợi được rung động vì ánh sắc cảnh - vật « Seule la série des « couleurs sur la toile avec toute « leur puissance et leur résonance, « pourrait en s' orchestrant traduire « l' émotion colorée du paysage ». (Vlaminck, theo R. Dovival và P. Tisné, XXè siècle).

Song muốn có hiệu-lực rung cảm, sắc-loại cần được tự-do biến hóa như âm-giai nhạc-điệu, không liên-quan gì đến thực - tế : cũng như Gauguin, nhóm Dã-Thú thấy một vật có thể mang đủ mọi mầu khác thường, trời xanh-lá-cây, mặt tím, cây đỏ chóe... tùy nhu-cầu ứng phản với những màu lân-cận và sắc-tính chung (un tableau est avant tout une organisation de plans colorés). Màu đỏ không xẫm đậm như của Cổ-Điển hay sáng tươi như của Ấn-Tượng, nhưng chói lọi, đập mạnh vào mắt (couleurs d'attaque của Vlaminck) xanh rực vàng rực đỏ rực của Matisse vì có rực có bừng mới bén đáy lòng đầy dục - vọng say sưa « les matières qui remuent le fond sensuel des hommes » hoặc tím lộng,

son hồng, xanh biếc để cùng với những đường nét dập mạnh bè queo mà lột hết vẻ tàn-nhẫn xấu-xa ở mặt mũi người đời (couleurs féroces của G. Rouault khi còn vẽ theo lối Dã-Thú).

Tuy-nhiên, sự dùng màu sắc một cách quá bạo, — có người gọi là hung-bạo — chỉ thường thấy ở những họa-phẩm của nhóm này hồi mới nổi tiếng (1905 - 1907). Những người hăng nhất như Vlaminck, về sau cũng dịu bớt, và tới giai-đoạn ôn-hòa, họ chú-trọng nhiều hơn đến các yếu-tố thể-hiện khác.

Vlaminck mới đầu vẽ rất sặc sỡ bằng những nét ngệch ngoạc (tranh nhà-bè Bateaux — Lavoirs, v.v... Cây Đỏ Arbres Rouges, Vườn Rau Le Potager v v...) Rồi chuyển hướng về hình và khối, ngả sang màu xanh lục xẫm, màu đất (Rặng cây Peupliers, Khu rừng Forêt...)

Derain, hồi 1905-1906, vẽ như thiêu đốt màu sắc : cảnh mặt trời lặn trên sông Tamise, chỉ như vết máu loang lửa cháy, hồng, hoàng bốc lục bích (Coucher de soleil sur la Tamise). Nhưng ông cũng trở lại thiên-nhiên, sát thực hơn, muốn dung hợp nhiều ảnh - hưởng khác nhau của Corot, Cézanne và Renoir (các tranh Paysages, rừng Sous-bois, khỏa-thân Nus với những màu đắp dày như để gợi thể-chất).

Mặt trời lặn trên sông Tamise — Coucher de soleil sur la Tamise 1906 *của* Derain.

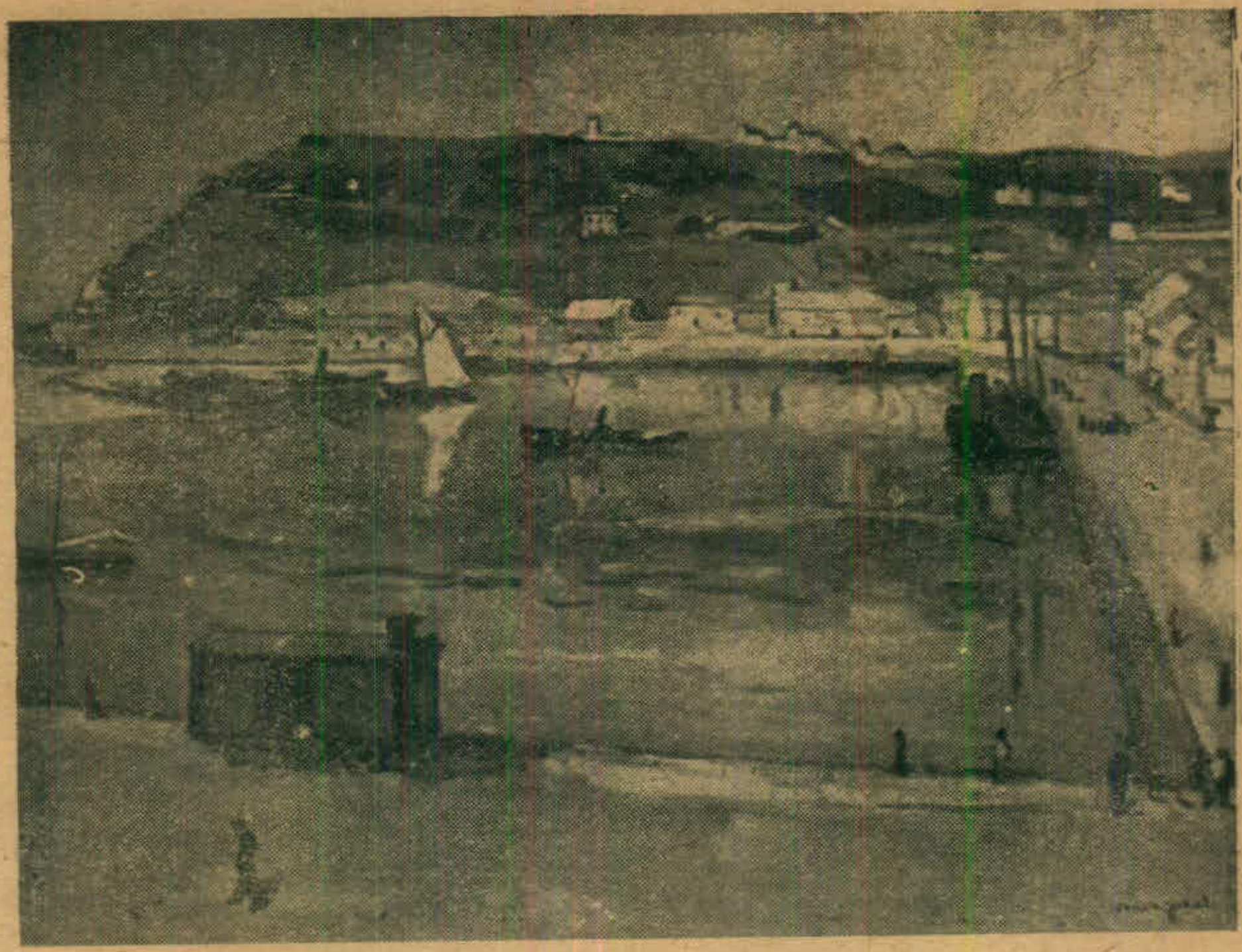

Bến tàu Fécamp Port de Fécamp 1905 *của* A Marquet. *Không rực rỡ : màu xanh-lá-cây đậm nhạt với xanh nhạt, vàng nhạt. Bố-cục vững chãi với đường nét rõ ràng, tương-tự như của Cézanne hơn là của Dã-Thú.*

Marquet ưa vẽ những cảnh êm-đềm hay bát-ngát, nhất là ở bờ sông mặt biển, phảng phất bóng ráng Ấn-Tượng, song bố-cục vững chắc hơn. Ông hay dùng màu xẫm đỏ nâu, và không đồng ý với Derain rằng màu sắc chỉ để phản chiếu những tâm-tình sôi nổi hoặc thử lửa « l'epreuve du feu » (tranh bến tàu Fécamp, Port de Fécamp, rước hoa ở bãi biển, Carnaval sur la plage, sông Seine ở bến Poissy. (1)

Song tiêu biểu nhất cho Dã-Thú và cũng xuất-sắc hơn cả, là Henri Matisse. (2) Trải 60 năm tung hoành trong giới hội-họa, và tuy thay đổi nhiều lần bút-pháp, ông vẫn giữ được những ưu-điểm của Dã-Thú, vì khéo biết cân nhắc châm chước, không thiên lệch về màu sắc, nhưng bao dung cả các yếu-tố thể-hiện khác, nhất là đường nét, và cách sắp đặt các phần trên bức họa.

Màu sắc đối với ông không dùng để mô tả cảnh vật, mà để biểu lộ tâm-tình. Nên tùy tình, theo hứng, và cảm giác khi quan sát mà ông lựa màu, chớ không căn cứ vào khoa-học mà chọn như Seurat hay Signac.

---

(1) Những tranh của nhóm Dã-Thú đã in trong các số trước :

Poisson Rouge et Sculpture của Matisse, B K. số 101. La Danse của Matisse, B. K. số 102. Nu Bleu của Matisse B. K. số 102. La Seine à Poissy của Marquet B,K. số 105. Rentrée de Pêche của Derain B. K. số 105.

(2) Về nhiều điểm khác thuộc Matisse, xin coi lại B K từ số 101.

Gia-đình họa-sỹ Famille du peintre 1911 *của* Matisse — *Dẹt, phẳng, không viễn-họa, trên toàn-diện không chỗ nào trống rỗng, tất cả tranh như bức thảm thêu : tính-cách trang-trí rõ rệt. Các hình người đều là những khoảng màu, nhiều chỗ không thấy nét. Chủ-sắc, là đỏ : đỏ xẫm, đỏ son, đỏ cam, vàng. Hai khoảng tối xanh ở tỏ suởi những vết xanh tim ở thảm, những vết đen ở bàn cờ và chân người đánh cờ, ở áo dài đen lê thê, của người đứng tay mặt, chế bớt rực rỡ của đỏ thẫm.*

Và mặc dầu tranh ông nhiều khi rực rỡ, không thể kết luận vội vàng rằng ở mọi trường-hợp, ông để màu sắc chi phối đường nét mà vai trò trọng-yếu vẫn được ông đề cao.

Theo ông, nếu nét thuộc lý-trí và màu thuộc cảm-giác, thì cần tập vẽ trước để trau giồi lý-trí và đưa màu từ tình-dục hướng thượng lên tinh-thần. Nhưng nét vẽ cần đơn-giản, và ở bức họa, tất cả những gì xét ra vô-ích đều có hại, cần bỏ đi. Vì thế nhiều khi có những đường tắt, nét sơ sài, đủ cho khán-giả hiểu ngầm ngụ-ý, không khác nào thi-nhân nói bóng, gợi qua (métaphores, allusions, ellipses). Song cũng có lúc phải ấn mạnh liền nét (cernes), hoặc kỷ-hà-hóa mà đẽo gọt góc cạnh (géométrisation) để phơi lộ hình-thể và cho cảm tưởng khối-lượng.

Dù sao, màu sắc và đường nét cần được phân phối trình bày thế nào cho tranh vừa có thể trang trí, vừa tỏ rõ tâm-hồn họa-sỹ. Sự bố-cục và kết - quả tùy diện-tích bức tranh, tranh rộng lớn, thì vẽ khác hẳn khi tranh nhỏ hẹp, vì khoảng

Cảnh mận Branche de prunier 1948 *của* Matisse

màu rộng thì sức giao ứng truyền-cảm khác khoảng màu hẹp : nếu họa-sỹ đã vẽ trên mặt 50 x 60 mà nay muốn thay bằng vải 100 x 120, tất phải hoàn-toàn đổi mới nét màu tuy vẫn một đề.tài, chớ không thể nào chỉ phóng đại theo tỷ-lệ hai và một. Ngoài ra, chỗ nào ở bức họa cũng lọt vào mắt, nên mỗi phần mỗi mảng dù quan-trọng hơn kém khác nhau, đều có tác-dụng trên toàn-thể (1).

Nhưng chính Matisse đã áp dụng ra sao lý-thuyết của mình ?

Đường vẽ thường đơn-thuần, nét bút nhẹ nhàng thoải mái, chớ không trau chuốt công-phu như của Ingres (tranh Vũ . bộ La Danse, hay Ca-nhạc La Musique 1910) (2), hình thể gần như chỉ dùng làm khung cho màu sắc, có khi mặt người chẳng có mũi mồm, chỉ là khuôn trái xoan mang một màu xanh (trong phòng xanh Petit Intérieur bleu 1947). Ở nhiều bức khác, nét xẫm đậm ở các góc cạnh, phân cách hình này vật khác (Khỏa-thân Nu bleu 1907, Nu rose 1935), nhưng đồng-thời cũng có thể lặn hẳn, và mỗi vật nổi lên màu chung quanh mà chẳng thấy nét viền (người Bắc-Phi đứng Le Riffain debout 1913, Trái mướp đắng Les Coloquintes 1916).

Về phương-diện bố.cục, thoạt trông không thấy sắp đặt rõ rệt như ở nhiều tranh của họa-phái khác ; ngắm kỹ mới thấy rất phân-minh và hợp-lý, song các ưu-điểm đó kín đáo dưới nét bút phóng - khoáng, thành thử kỹ-

---

(1) « La tendance dominante de la couleur « doit être de servir mieux l'expression.. Le choix « de mes couleurs ne repose sur aucune théorie « scientifique ; il est basé sur l'observation, sur « le sentiment, sur l'expérience de ma sensibilité... « La couleur, moyen d'expression intime et non « descriptive...

« L'étude par le dessin est essentielle. Si le dessin « est du domaine de l'esprit et la couleur celui de « la sensibilité, il faut dessiner d'abord pour « cultiver l'esprit et pouvoir conduire la couleur « dans une voie spirituelle...

« La composition est l'art d'arranger de manière « décorative les divers élements dont le peintre « disposé pour exprimer ses sentiments.. Dans un « tableau, chaque partie sera visible et viendra « jouer son rôle qui lui revient, principal ou secon-« daire ... Tout ce qui n'a pas d'utilité dans le « tableau est par là même nuisible. .. La compo-« sition qui doit viser à l'expression, se modifie « avec la surface à couvrir.

(*Henri Matisse* La Grande Revue 1908 ; — Lettre 1948 à Henry Clifford).

(2) Có in lại, B K số 102.

Phụ-nữ áo đỏ, Femme ou caraco rouge *của* Matisse *khăn tím xẫm, yếm trắng, thắt lưng xanh lá cây, xiêm hồng. Các hình nét rất hợp với nhau, đầu mặt phụ-nữ cũng nở như bình hoa, khăn xoè trên tóc giao nhịp múa với cành lá chung quanh.*

Phụ-nữ với lục-huyền-cầm Femme à la guitare *của* Matisse. *Cũng một cảnh vui sống như Phụ-nữ áo đỏ.*

thuật vững chắc mà dụng-ý không lộ liễu, nên tranh có vẻ hồn-nhiên, khán-giả tưởng vẽ dễ dàng như chơi: trên bức tranh, khó thấy chỗ nào thừa, và giá thử bỏ đồ vật này hay chi-tiết khác, toàn-diện sẽ bị sộc lệch; như ở « gia đình họa-sỹ Famille du peintre 1911 » mỗi hình người, mỗi mảnh tường, mỗi miếng thảm đều có nhiệm-vụ góp phần vào tác-phẩm, bằng kích-thước, bằng vị-trí, bằng sắc-loại, để cùng tăng tính-cách trang-trí (décoratif) mà họa-sỹ hằng mong.

Còn về màu sắc, dĩ-nhiên hồi đầu tranh Matisse không khác mấy của Derain hay Vlaminck, cũng sặc-sỡ chói lọi (Phong-cảnh Paysage à Collioure 1906, — bà Matisse chùm khăn Madame Matisse au châle de Manille 1911...). Nhưng rồi rất nhiều bức êm dịu hơn, xanh đậm xanh nhạt ở « Cửa sổ Fenêtre bleue 1911 », « Bà Matisse 1913 » — lục và hồng ở « Bài học dương-cầm Leçon de Piano 1916 », xanh đen nâu đậm ở « Phòng vĩ-cầm Intérieur au violon 1917 » — vàng phớt hồng non ở « Phòng lớn Grand Intérieur à Nice 1921 ».. Về sau này, Matisse trở lại các màu rực, song khéo dung hòa với những nét uyển-chuyển tề-nhị, nên nhiều tranh sáng tươi và gợi được niềm vui sống mà họa-sỹ coi là mục-đích nghệ-thuật của ông (Trái thơm « Ananas 1940 » — Cành hoa mận Branche de Prunier 1948 -) vàng xanh đỏ được chế hóa để giao hòa, reo lên ánh tưng bừng ở hoa, ở lá, và cảnh vật chung quanh (1).

*
* *

Hồn-nhiên Naïfs

Đầu thế-kỷ XX, như ta đã thấy, khi bao họa-phái thi nhau tìm đường mới, nhóm thiên về nét, nhóm say vì màu, Tân Ấn-Tượng, Linh-Cảm, Dã-Thú, Lập-Thể và các phái liên-hệ (2), nhóm nào cũng có nguyện-vọng đưa hội-họa lên cao, dù họ tả cảnh tả tình hay thăm dò thực-tế, đối lập nhau hay dung hòa với nhau, mỗi thái-độ mỗi lập-trường thường là kết quả của sự xung-đột quan-điểm, sự nghiên-cứu kỹ-thuật, sự vận-dụng lý-trí chẳng nhiều thì ít, không khác nào bên giới văn-chương, nhất là khi các nhà văn nhà thơ cũng hùa vào tranh luận...

Trong khi đó, một số người ít học chẳng tốt-nghiệp trường Mỹ-thuật hay thụ huấn ở họa-viện nào, cứ lẳng lặng vẽ chơi, không nói gì vì chẳng biết nói thế nào hơn những

(1) Họa-sỹ ước ao rằng tác-phẩm của Ông không gợi cho ai những nỗi lo âu vẩn đục, nhưng khiến cho những con người mỏi mệt nhìn tranh ông thì thấy khoan khoái yên vui « Je veux un art qui n'inquiète pas ni ne trouble, je veux que l'homme fatigué, surmené goûte devant ma peinture la joie et le repos ». (Henri Matisse — par Jacques Lassaigne - Skira - La Peinture Contemporaine par R. Genaille).

Nhóm Dã-Thú cũng gây được ảnh hưởng ra nước ngoài. Như ở Đức, nhóm *Die Brücke* phỏng theo mà dùng màu sắc sặc sỡ, với những họa-sỹ có tiếng như Kokoschka, Kirchner v.v... song họ hướng về những đề-tài có tính-cách xã-hội hay triết-lý. — Phong-trào Dã-Thú, tuy-nhiên, chỉ bồng bột vài năm có lẽ vì rực rỡ quá thì dễ chán, tưng bừng quá thì dễ nguội, như Braque đã nói: người ta không thể nào cứ sôi nổi mãi đến cực-độ « on ne saurait rester toujours au paroxysme ». Dù sao, các họa-sỹ trong nhóm như Matisse hay Marquet vẫn được tán thưởng mãi đến ngày nay.

(2) Về Lập-Thể xin coi B. K. số 103

Nàng thơ gợi hứng cho thi-sỹ, la Muse Inspirant le poè'e 1909 *của* H. Rousseau.

Nàng thơ mập mạp giơ tay bắt quyết gọi hồn thơ từ cung mây xuống, không biết thi-nhân đã cảm chưa nhưng dù sao mặt thộn cũng thần-thờ

chủ-nhật Peintres du Dimanche » « họa-sỹ theo thiên-năng Peintres de l'Instinct », hoặc « những kẻ hồn nhiên Naïfs ».

Được liệt vào nhóm này : Henri Rousseau (1844-1910) Louis Vivin (1861 - 1936) Séraphine Louis (1864-1934) André Bauchant (sinh năm 1873) Dominique Peyronnet (1872-1943) Camille Bombois (sinh năm 1883) — Ngoài ra, có lẽ vì thấy những họa-sỹ kể trên được công-chúng hoan nghênh, một số người khác cũng vẽ theo lối ngây thơ, nhưng khán-giả dễ nhận ra sự cố ý của họ, họ không dầu nổi sự thông-thái và điêu-luyện ; ấy là chưa kể những vị vẽ không tài cho lắm nên tự xưng là Hồn-Nhiên để khỏi bị chê bai là vụng dại (2).

Vì thế các nhà nghiên-cứu đã xoi mói rất kỹ về đời tư các họa- sỹ Hồn-Nhiên để xem họ có thực hồn - nhiên hay là tài cao vì học rộng sống nhiều : song quả là họ nhờ thiên - phú.

H. Rousseau xuất thân lính kèn,rồi giúp việc quan-thuế, nên người ta gọi là « douanier », ngoài 40 tuổi mới bỏ nghề mà vẽ ; - Séraphine Louis chăn cừu rồi làm nữ-tỳ ; — A. Bauchant trồng tỉa ở vườn ươm cây ; 46 tuổi mới thử cầm bút sơn; — C. Bombois, con nhà chở

cảm-giác tâm-tình của họ bằng những nét bút không thầy nào hướng dẫn, những màu pha sao cho hợp với sở-thích riêng : thế rồi các nhà phê-bình, cả những họa-sỹ có tên tuổi không quen phục kẻ khác, cũng chú ý và nhiệt liệt tán thưởng loại tranh mới, giản-dị, mộc-mạc, ngộ - nghĩnh ; các tác-giả họa-phẩm này được gọi là « Tân Cổ-lỗ Néo-Primitifs», « họa-sỹ

(1) Về Lập-Thể, xin coi B.K. số 103.

(2) Nhà phê-bình M. Gieure đã giểu rằng : Hội-họa hồn-nhiên là một chuyện, tính-tình hồn-nhiên lại là chuyện khác .. không phải hễ cứ muốn ngây-thơ là thành họa-sỹ ngây-thơ « La peinture naïve est une chose, la naïveté en est une autre... N'est pas naïf qui le veut.. *Maurice Gieure* — La Peinture moderne.

Kẻ dụ rắn — Le charmeur de serpent *của* A. Rousseau

thuyền, nông-phu, công-nhân lục-lộ, vẽ từ 16 tuổi ; — L. Vivin là nhân-viên Bưu-điện cấp dưới ; — D. Peyronnet, 50 tuổi mới thôi việc thợ nhà in để theo hội-họa. ..

Họ vẽ những cảnh hàng ngày, hay tưởng tượng như nhi - đồng mơ chuyện phiêu-lưu hoặc thần-thoại : đám cưới ở thôn quê, công - viên, sư-tử đói vồ lợn, người da đen bị báo cắn, khỉ trong rừng cam, kẻ thổi sáo dạy rắn (1), chim hồng-hạc, nhà thờ Đức Bà ở Ba-lê, (2), buổi khai-thiên lập-địa (3), cây mọc ở thiên-đường (4).

Khi họ tả chân, tranh đầy vẻ ngây-ngô, đã được họa - sỹ nhìn nhận bằng con mắt chăm chú, với tâm-hồn chất - phác : ở đám cưới nhà quê của Rousseau, khách phù dâu phù rể trịnh-trọng trong những bộ lễ-phục, mày râu mới cạo, cha xứ đủ mười đầu ngón tay... ; ngắm nhà

(1) La Noce, Jardin public, Le lion ayant faim, Nègre attaqué par un léopard, Les Singes dans la forêt des Orangers, Le Charmeur de Serpent... của *A. Rousseau*.

(2) Le Flamand rose, Vue de Notre Dame de Paris, của *L. Vivin*

(3) La création du monde, của *A. Bauchant*

(4) Arbre au Paradis của *Séraphine Louis*

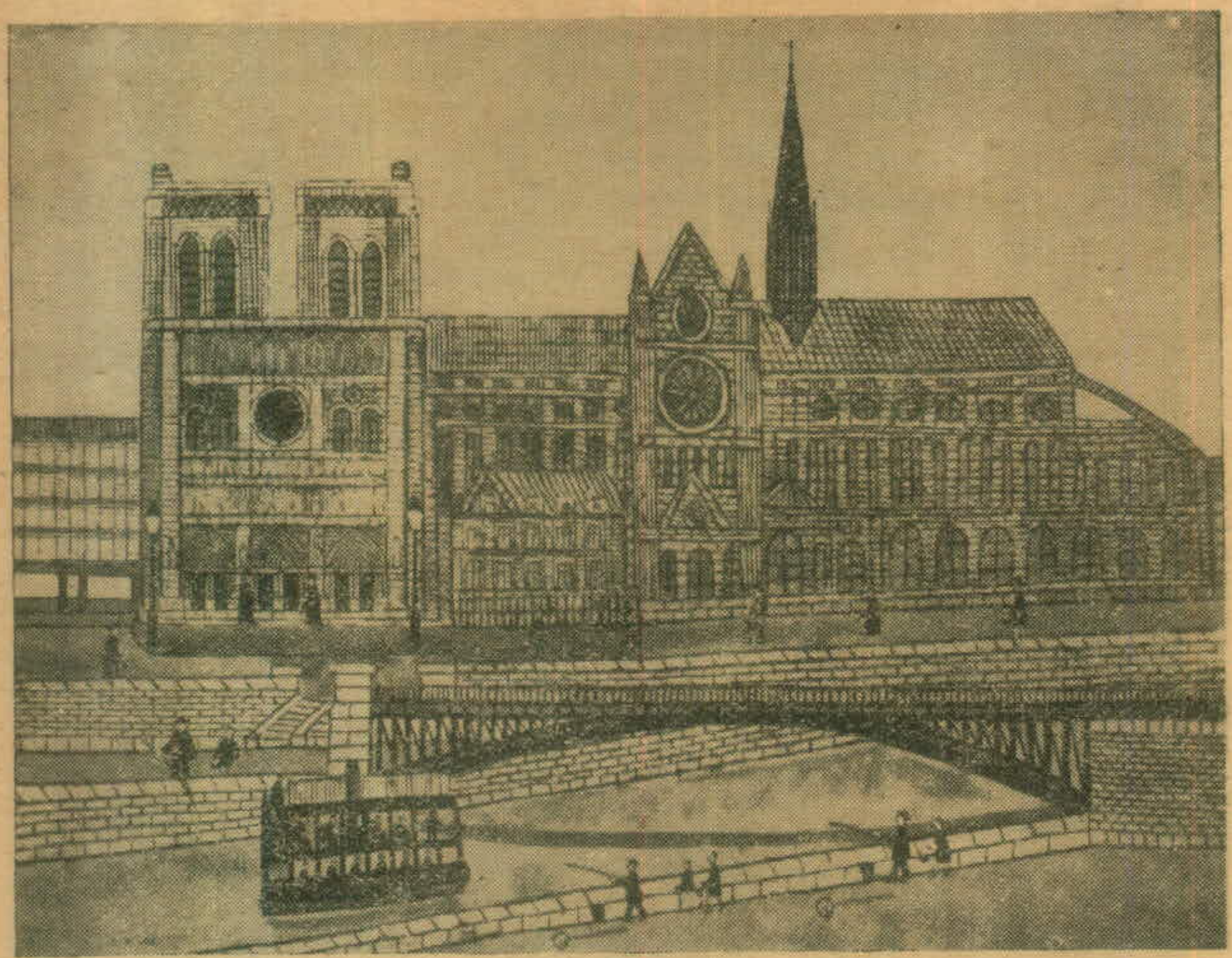

Nhà thờ Đức Bà, Notre-Dame de Paris, 1933 *của* Louis Vivin

thờ Đức Bà của L. Vivin, có thể đếm từng hàng gạch, luật viễn-họa giả-tạo Cổ-Điển được thay bằng lối nhìn linh-động mọi mặt của trẻ nhỏ mà Picasso phỏng theo ; cầu nom chéo, thánh-đường đáng lẽ cũng phải chéo thì lại thẳng ngang, cửa trước tháp lớn, cũng vẽ rõ rệt như phần nhà đáng lẽ bị che khuất

Ở những cảnh tưởng tượng, cây cỏ rõ từng cành nhưng uốn như rắn vươn mình, lá có khi như mắt ở lông công, hoặc tua tủa như móng vuốt, bên cạnh những hổ báo không lấy gì làm dữ lắm, có lẽ dã-thú ở đây cũng hiền như họa-sỹ và cắn vờ vồ vờ như con nít chơi đùa.— Mầu sắc chế hóa rất khéo, dù xanh biếc, nâu xẫm hay đỏ vàng, vẫn hòa hợp và có đặc-tính dễ nhận là thanh-tân, tươi mát như những tâm - hồn còn ngoan - ngoãn trắng trong.

Đ. T.

Kỳ tới : Các họa-phái thể-hiện khác.

VÀI LỜI CỦA NHÀ XUẤT BẢN

ĐẠI NAM VĂN HIẾN

Từ hai năm nay, nhà xuất hản của chúng tôi đã ra đều đặng những tác phẩm của THẾ-PHONG qua các loại truyện, thơ, khảo luận, phê bình. Chúng tôi rất cảm động trước sự khích lệ của bạn đọc và một số bạn văn đã nhận thấy việc in sách rô-nê-ô là hợp cảnh trong tình trạng văn nghệ phẩm bế tắc, ủng hộ bằng cách biểu-đồng tình. Bắt đầu từ năm 1962, nhà xuất bản sẽ không chỉ trình bày tác phẩm THẾ-PHONG, mà còn của nhiều nhà văn, kịch, khác nữa hợp tác. Chúng tôi sẽ in kịch, thơ truyện của HOÀNG NGUYÊN — BÙI BÌNH HIẾU — VŨ LANG — DIỄM CHÂU — CAO MỴ CHÂU... và các bạn khác nữa. Các bạn có ý kiến gì để góp phần với chúng tôi, xin liên lạc :

Ông THẾ-PHONG
C/o DIỄM CHÂU
161, Hồng-Thập-Tự — Saigon

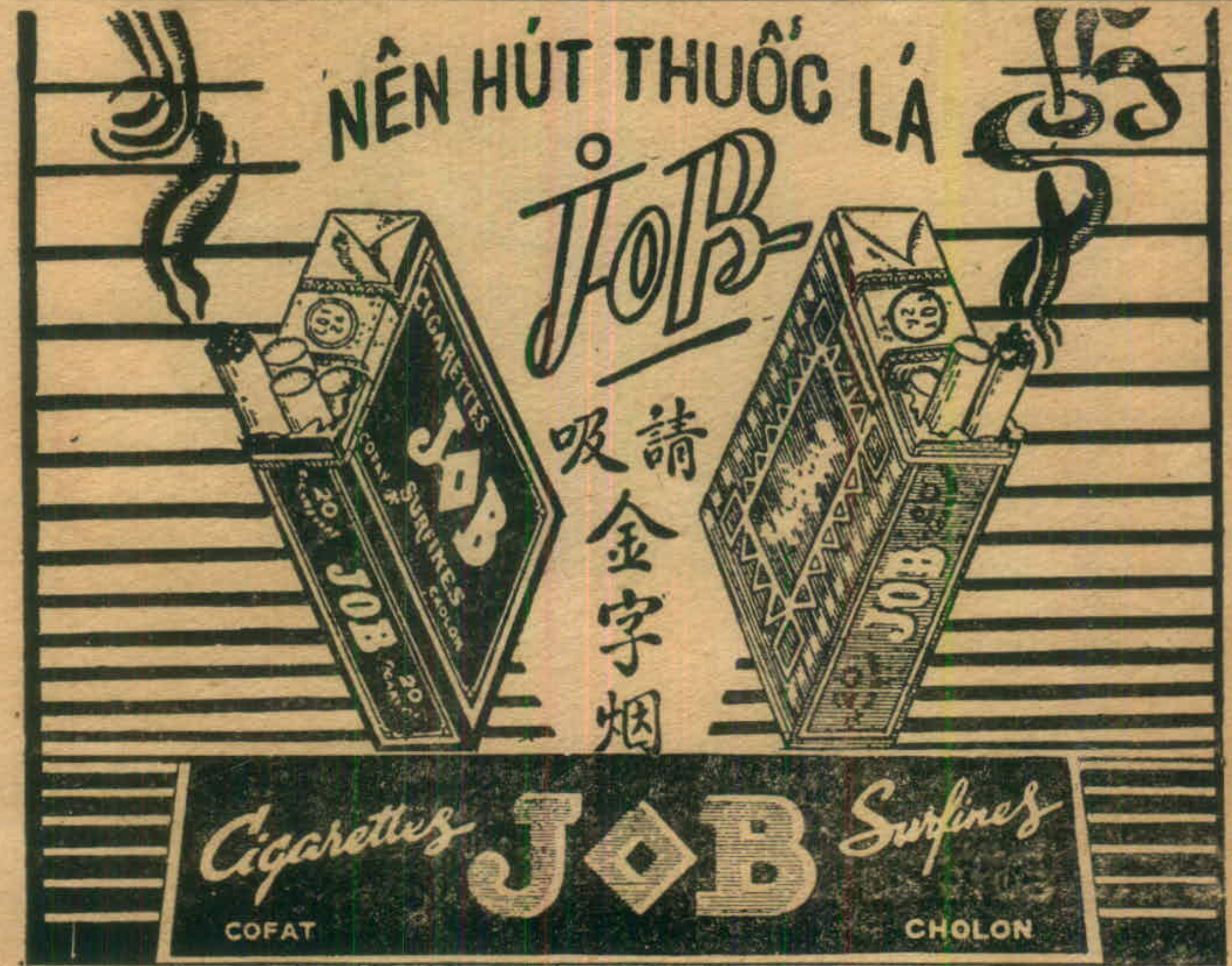

Chận đứng : Mệt mỏi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC

TỔNG PHÁT HÀNH : **Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc**

NGUYỄN CAO-THANG, Dược Sư

34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

NGƯỜI ĐÀN BÀ PHỤC THÙ

★ VÂN-TRANG ★

LỊCH-SỬ có chép về nhiều người đàn bà. Nhưng mà những người đàn bà tên được ghi thanh-sử — nhất là đàn bà Đông-phương — sao lại hầu hết đều dâm-bạo, hung-hiểm, xảo-trá, tàn-ác ? Ác tính ấy có sẵn nơi họ hay là khi có quyền, có điều-kiện rồi mới sinh ác ?

Hoang-phí như Marie Antoinette, đa-tình như Cléopâtre, hung-dữ như mẹ của Néron hay có hàng mấy lồ nhân-tình như Cathérine II cũng ít làm cho ta rợn da gà như cái lạnh-lùng của Bao-Tự, sắc bén của Tây-Thi, dâm-ô của Tể-Khương, tàn-bạo của Võ-Hậu, kiêu-căng của Từ-Hi.

Các đại-diện của phụ-nữ đã để lại tiếng không thơm cho phụ-nữ. Tiếng ấy lại sống mãi với đời, phổ-biến cùng bốn phương, tám hướng, bất chấp thời-gian.

Câu chuyện hiền-thục của Mạnh-Mẫu, hiếu-hạnh của Đề-Oanh v. v... thỉnh - thoảng cũng được nhắc lại, nhưng chỉ nguội lạnh, sơ-sịa không gây hứng-thú mấy cho người viết cũng như người đọc.

Trái lại, cuộc đời của những nữ bạo chúa lúc nào khơi lại cũng thấy nóng hổi, càng ngày càng tìm thấy những khía cạnh mới, càng thấy càng thú-vị !

Các bà ấy làm thế nào mà nhoi mình lên được khỏi cái khuôn sắt phong-kiến đã trói buộc kỹ-lưỡng họ vào nơi thâm-cung tù hãm, suốt đời chỉ là một món giải-trí không đáng kể cho những vị Hoàng-đế quyền-

hành ghê-gớm, cầm quyền sanh sát muôn triệu sinh mạng trong tay ?

Các bà ấy phải là những người có một thông-minh đáng kể, có một sức sống mãnh-liệt, một lòng ham muốn chính đáng của kẻ có tài. Các bà ấy phải đủ tinh - khôn, khéo-léo để lợi-dụng lòng yêu của vua, sự ganh-tị lẫn nhau của các đại-thần, sự mâu - thuẫn chính - trị của các bè phái, lách tránh để lên cho khỏi cuộc sống quá ư nhỏ-nhen, vô-vị sau mấy bức màn the ! Lịch-sử chép rằng các bà ấy nhờ sắc đẹp « tam cung lục viện không bì » mới chinh-phục được trái tim bạo chúa và sau đó, làm cho nó càng bạo thêm lên. Nhưng ta vẫn biết rằng mọi sự trên đời đều tương-đối mà sắc đẹp lại càng tương-đối hơn cả ! Không thể có một nhan-sắc nào là tuyệt-thể trong đời. Chỉ có thể đẹp tuyệt với một người mà thôi, và về... vài đường nét nào đó thôi mà cũng chỉ ở trong phạm-vi nào đó thôi. Qua lúc đó, nhìn chán-chê rồi thì quen mắt, nhan sắc vẫn y vậy mà sức thu hút của nó không còn. Vậy nên nàng Tây-Thi, Dương-Quí-Phi không hẳn là hoàn-toàn thành-công nhờ đẹp. Phải là người thông-minh, biết cách xử-trí, khêu-gợi, lợi-dụng nhan-sắc đúng lúc.

Nếu Từ-Hi thái-hậu mà sống vào thời xưa thì ta sẽ tưởng-tượng bà ta ắt đẹp như là tác-phẩm của một thiên-tài điêu-khắc như ta hằng tưởng-tượng hình dung của Đắc-Kỷ, Bao-Tự vậy. Nhưng ảnh để lại chứng-minh nhan-sắc của bà chỉ trung-bình, có thể lại thiếu dáng yêu - kiều nữa. Nhưng bà đã từ một cung nữ Lan-Nhi leo lên đến cái ghế Thái-hậu, ngồi trên 500 triệu dân Tàu và cầm quyền trong bốn mươi năm, chia cắt mất đất đai, kìm-hãm nước Tàu trong vòng lạc-hậu, đàn-áp, tàn-sát cách-mạng Tàu, oai quyền hung-dữ còn hơn Võ-Hậu ngày xưa !

Người đàn bà vốn tánh vị - tha nhưng sao hầu hết những người có quyền trong tay đều tham-lam, tai-ác và dâm-loạn ?

Người đàn bà vốn tánh đa cảm, chỉ đặt hạnh-phúc trong tình yêu, bước vào cuộc đời vợ chồng với muôn vàn ước-vọng. Vậy mà các bà đã đem cả cuộc đời trẻ-trung kéo dài bên cạnh một ông chồng vua già khụ, đau yếu luôn vì hoang-dâm, trụy-lạc. Nói là « một ông chồng » thì quả thật oan cho các bà vì còn phải chia ra, và cái tử-số nhỏ-nhen nó cũng bắp-bênh như đời cung-nữ. Trong sự tranh giành ác-liệt của chính-cung, thứ-phi, Đông cung, Tây cung và ba ngàn phi-tần sau hậu cung, quả là một trận ác-chiến mà ai dại dột, hay nhân-từ thì chắc - chắn phải bại, chết phơi xương. Làm hoàng-hậu có thể bị thứ phi súc-siểm vài lời mà phải vào nằm chết co trong cung lạnh hay phải móc mắt, thất họng ngay trước sân rồng. Còn cung nữ thì không đáng nói, phạm phải một lỗi nhỏ nhặt nào hay đôi khi oan-uổng nữa, không cần xét-xử, chỉ một cái lệnh truyền ra là phải bưng chén thuốc độc uống cho ngon lành, nếu oán-than thì cha mẹ

sẽ bị truy-nã và cho theo xuống Diêm-đình để dạy con.

Luật-pháp cầm chỉ người đàn bà đến trường thi. Có tài thì nên giấu sau lớp trướng để làm thơ tương-tư như Lương - Ý - Nương, nếu muốn trình được tới mắt đàn ông thì phải là một bức chức-cẩm hồi-văn thống-thiết nhớ chồng. Đến như Mạnh-Lệ-Quân làm Tể-tướng mà khi thú nhận rồi thì lập tức bị mất địa-vị, về lại nấu cơm cho Hoàng-phủ Thiếu-Hoa và vẫn bị chia chỗ làm với Tô-Ánh-Tuyết, ấy khỏi chết là may.

Cơ-cấu tổ-chức không để hở một kẽ cho người đàn bà sống. Họ che kín số phận nửa nhân-loại ấy như đậy nắp một nồi hầm. Bao nhiêu sức sống sục sôi trong ấy như một bong bóng cao-su bơm đầy bị dồn ép. Năm thì mười họa, bọn đàn ông sẩy tay...

Trách sao, trong một chế-độ giáo-dục theo lối từ-chương — và đàn bà cũng không được học — tổ-chức cai-trị theo hệ-thống thần-quyền, mê-muội, thì bất-cứ một con người nào dù là đàn ông nữa, không phạm những lỗi chính-trị tày trời, làm đen tối bao trang sử xanh.

Huống chi ta có thể rõ rằng, sự bất-công, chịu đựng quá lâu đời, dồn ép nơi lòng đàn bà thành một công-phẫn sâu cay. Muốn sống, họ phải ác. Trong cái ao bùn trưởng-giả, sự cạnh tranh càng tàn - khốc bên ngoài, càng âm-thầm quyết-liệt bên trong. Cái tư-hữu làm cho con người ganh-tị, độc-ác. Lý - Chiêu - Hoàng vì hiền-lành, không thủ-đoạn — hay là kém thông-minh — mà tương-lai từ một bà vua có thể biến thành một cô sư-nữ. Trần-Thủ-Độ ác-hiểm giết chết Lý-Huệ-Tôn, lịch-sử kết tội. Nhưng nếu Lý-Huệ-Tôn là người quả-quyết, có bản lĩnh, liệu mạng Trần-Thủ-Độ an-toàn không ?

Từ-Hi đã thuốc chết Từ-An thái-hậu, hạ ngục Quang-Tự, bức tử Châu-Phi, và còn làm bao nhiêu điều tàn-ác, dâm-bạo nữa ! Nhưng nếu không như vậy thì cái phần tư-hữu, bà có được hưởng không ? Hay chỉ có hai con đường : một là làm một thái-hậu hung-bạo như vậy, hai là chịu một đời cung-nữ tối om, có thể suốt đời không có cơ-hội thấy mặt ông vua Hàm-Phong đuôi bím đó.

Nếu là dân giả thường thì cũng khó có một nghề gì để sống, may ra lấy được nguyên một ông chồng mà không phải chia năm xẻ bảy, là đại phước rồi ! Nhưng rủi bất-hạnh mà thành góa-phụ thì hãy coi chừng, dù là góa-phụ hai mươi tuổi đi nữa ! Lễ-giáo, dư-luận muốn rằng bà phải là một người gương mẫu, ở vậy cố quào-quẩu lấy mà nuôi con, chịu đựng cô-đơn cho được suốt đời. Những hy-sinh cao cả của bà sẽ được đáp đền xứng đáng nơi cảnh Bồng-Lai ! Có thể đôi khi ở thế-gian người ta cũng sực nhớ lại bà và ban cho bà một cái bảng gỗ chạm bốn chữ để treo chơi. Dầu hết gạo bà cũng không thể bán và cũng không dám chẻ chụm vì bốn chữ chạm « Tiết-hạnh

khả-phong » không phải góa-phụ nào cũng có được !

Vậy nên khi có quyền, các bà vì gìn-giữ tư-hữu và có lẫn-lộn vào đó một ít ý phục-thù chăng, mà trở nên tàn-ác và kiêu-căng thái-thậm vậy ? Những kẻ bình thường tự-ti, đến khi vùng lên hay quá trớn.

Bên Âu, tương-đối đàn bà được tự-do nên ít có những sự tích kinh-khủng về tình-ái. Nếu Napoléon có quyền chặt đầu Joséphine khi bà ta ngoại-tình thì chắc lịch-sử Pháp sẽ có một An-Lộc-Sơn và mấy trang tình-sử ! Đàng này bà ta xử-sự như một cô « a-bon-nê » mà sau cũng là hoàng-hậu ngồi trên ngai vàng Pháp, tận hưởng máu mỡ của dân. Nếu ở Á-đông thì chắc bà ta có chừng một nhân tình đã phải nghĩ trăm phương ngàn kế, chước quỉ mưu thần và biết đâu bà ta sẽ phải đại ác mà cũng không được toại nguyện, trừ ra nắm được toàn-quyền như Võ-Hậu, Từ-Hi !

Càng bóp-nghẹt, càng bung xa. Chừng nào người đàn bà được giải phóng hoàn-toàn, được giáo-hóa để có ý-niệm đúng về con người, được chọn đúng người yêu và được sống với người mình chọn thì không có lý-do gì để đổi thay bổn tánh hy-sinh của họ. Họ sẽ dùng thông-minh — không phải để nghĩ mưu giết ai — mà nghĩ cách để kiến-tạo nền hạnh-phúc chung cho họ cùng hưởng vậy.

VĂN-TRANG

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — **INCENDIE**
Tai-nạn — Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — **RISQUES DIVERS**
Hàng-Hải — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

khóc một người thơ

☆ *TƯỜNG-LINH* ☆

Mười năm khóc chuyện buồn thiên hạ
Chừ cỏ xanh rồi, ai khóc anh ?
Bia mộ : người đi vào tuổi đá
Nghìn sao ngơ ngác hỏi đêm thanh

Từ thuở nằm yên dưới mộ sâu
Nếu anh còn nhớ, nhớ về đâu ?
Chuyện lòng nói hết hay chưa hết,
Còn nợ nần chi mộng buổi đầu ?

Anh phụ tình xuân, bỏ tuổi hoa
Quên đêm rờn rợn sóng trăng ngà
Quên chiều nắng nhạt mây vương núi
Bỏ ngỏ rèm khuya gió thoảng qua...

Hôm nao có một người con gái
Thơ thẩn tìm anh trong nghĩa trang
Tôi biết : người xưa anh đã gặp
— Bên anh, bia mộ có tên nàng.

Mai sau, có những người con gái
Nhìn lá thu rơi trước cổng trường
Trong những tim hồng, anh sống lại
Mùa thơ vạn kỷ sáng yêu thương

Mất tuổi xanh, chừ được cỏ xanh
Mười năm lòng rách vá chưa lành
Mà thôi anh nhé, chiều nay đẹp
Đời vẫn cần Thơ — tôi khóc anh.

TƯỜNG-LINH

TÁI-NGỘ

★ *VŨ - HÂN* ★

Trông nhớ lâu rồi, nay gặp nhau.
Tưởng chừng tái ngộ giữa Mai-Sau.
Nhìn ai nào thấy gì thay đổi,
Nhưng thoảng năm xưa Đôi Mắt Sầu.

*
* *

Mắt ấy đã một lần tiễn bạn
Một chiều ngược gió vượt sông sâu...
Cách giang, ngó lại bờ lau cũ,
Man mác thuyền sương nguyệt gác sào

*
* *

Xin vẽ giùm ta hình ảnh đó
Thơ ơi ! thực tế quá buồn đau !
Năm canh muốn xáo thành năm mộng
Để được cùng Thơ nhập Sắc màu ...

*
* *

Màu sắc, Âm thanh tình hữu thủy,
Hòa nhau muôn kỷ vẫn vô chung.
Lời nguyền thuở trước, Thu vắng vặc,
Chừ gặp nhau đây, lòng hỏi lòng ? ....

Huế — Bước vào mùa Sen — 61

(Mai Sau)

V. H.

TRẦN-VĂN-KHÊ

LÁ THƯ BA-TƯ

Tê-Hê-Răng, thượng tuần tháng 4 - 1961

Nguyễn xa cách,

BỮA nay bắt đầu viết thư cho bạn, mà chẳng biết bao giờ xong, bao giờ gửi. Không lúc nào con người tôi sống dồi dào, mãnh liệt bằng những lúc đi tham-dự các hội-nghị âm-nhạc. Nhưng không lúc nào lại ít thời giờ hơn. Sáng dậy, trong lúc ăn điểm tâm đã để ý tìm những người mình muốn gặp, nói qua mấy câu chuyện, rồi 9 giờ rưỡi, nghe hay thảo luận đến trưa, nghỉ xả hơi, ăn cơm xong lại bắt đầu nhập hội đến chiều; ăn xong thì đêm nào cũng phải đi tham-dự hoặc thưởng thức những buổi hòa nhạc quốc-tế, như thế từ hôm mới bắt đầu đến lúc chia tay. Có rảnh một vài buổi chiều thì đi viếng châu thành, gặp bạn bè, nên tối nào cũng mệt lả người không còn sức viết thư cho bạn. Mà viết cũng không làm sao nói hết cho bạn nghe những cái hay, cái đẹp, cái lạ của một người du khách khi đến một nước có 4000 năm văn-hiến, một nước thuộc về vùng Cận-Đông, một vùng mà những chuyện một ngàn lẻ một đêm đã thị vị hóa ít nhiều.

Hôm nay, tôi chưa nói chuyện với bạn về hội-nghị âm-nhạc, cũng không thể nói hết những điều tôi nhận xét khi viếng nước « I-Răng » (Iran), mà ngày xưa người ta gọi là Ba-Tư (Perse) — chỉ nói qua vài cảm tưởng

hay nhận xét chung khi tôi mới đến Tê-Hê-Răng ; về hội-nghị hoặc cuộc du-lịch trong nước Ba-Tư, đi viếng thành I-Xơ-Fa-Hăng (sfaham) xin hẹn lại khi khác. Có lẽ bạn dư biết Ba-Tư ở đâu rồi. Nếu bạn chịu khó lấy địa đồ ra nhìn, bạn sẽ thấy rằng nước Ba-Tư như cây cầu bắt giữa hai châu Âu, Á, giáp ranh với nước Đại-Hồi (Pakistan), nước A-Fơ-Ga-Ni-Xi-Tăng (Afghanistan), nước Nga-Xô, nước I-Rắc (Irak) phía Bắc có biển Ca-Xơ-Pi-En (Caspienne), và trứng cá xô-mông mà người ta gọi là ca-vi-a (caviar) là một nguồn lợi lớn vùng đó. Phía Nam có vịnh Ba-Tư một vùng lắm dầu lửa, dầu xăng (essence). Diện-tích thì gần bằng ba nước Việt mà dân số chỉ có 19 triệu chỉ kể người định cư, chớ có một số người lưu động luôn nên khó mà biết tổng số được. Nước Ba-Tư có một vùng cao-nguyên ở từ 1000 đến 1500 thước trên mặt biển, nên lúc mới đến Tê-Hê-Răng và sau đi I Xơ-Fa-Hăng, tôi thấy lừ đừ trong người và có hôm muốn chảy máu mũi. Nhưng khi quen rồi thì thấy thở nhẹ nhàng lắm. Khí hậu ở đây hơi gay gắt : mùa đông rất lạnh và mùa hè rất nóng. Mùa nầy là tốt nhứt, trung bình, theo giấy tờ của ban tổ-chức thì 25 đến 30 độ, nhưng thật ra thì từ 16 đến 24 độ.

Về nông nghiệp thì người Ba-Tư trồng lúa, lúa mì, chà là, trà, bông vải. Gạo Ba-Tư hột nhỏ và dài, nấu rất ngon cơm. Người Ba-Tư rất hãnh diện với cách nấu cơm của họ lắm. Hột cơm dài, xốp, lại thơm.

Về sản-phẩm thì nước Ba-Tư có dầu lửa, đồng, chì, ni-ken, đá cẩm-thạch và nhiều thứ ngọc-thạch.

Về kỹ-nghệ thì họ đặc-biệt có những xưởng vô hộp trứng cá xô-mông (cavia) xưởng dệt vải, dệt lụa, và tiểu-công-nghệ thạnh hành nhứt là dệt khảm (tapis).

Dân Ba-Tư gốc người A-Riêng (Aryens). Từ 1000 năm trước Tây-lịch người A-riêng đã chiếm vùng cao-nguyên Ba-Tư. Ngày nay, họ lai Á-Rập cũng nhiều. Đạo chánh thức của nước Ba-Tư là Hồi-giáo thuộc về phái Shia. Theo bản thống-kê thì 98 phần trăm dân số có đạo Hồi-giáo. 93 phần trăm thnộc phái « Shia » và 7 phần trăm thuộc dân số Xu-Ni (Sunni).

Chánh-thể của Ba-Tư là quân-chủ lập-hiến. Nước Ba-Tư có một truyền-thống văn-minh rất cổ. Thành Persepolie (Pec-Xê-Pô-Li-Xô) còn lưu lại di-tích của những lâu đài xây dựng từ 2500 năm. Nước Ba-Tư có những hiền-triết danh vang thế-giới như Avicennes (A-Vi-Xan). Safiud-in (Xa-Fi-U-Đin) vừa là triết-lý-gia, toán học, nhạc-sĩ, nhạc học-giả, và từ

thế-kỷ thứ XV, có nhiều văn-nhân thi-sĩ dưới thời Safavid (Xa-Fa-Vi-Đơ) còn được truyền tụng.

Nhắc sơ lại cho bạn nhớ qua những nét đại-khái của lịch-sử và địa-dư Ba-Tư, những điều mà trước khi đi tôi đã đọc qua trong sách.

Ở Ba-Tư 10 ngày, dự hội hết 6 ngày, thì lẽ tất nhiên trong 4 ngày đi dạo, đi viếng các thắng cảnh, làm sao biết được bộ mặt thật của một nước, một dân-tộc mà mình không nói được tiếng. Tôi chỉ ghi lại cho bạn vài nhận xét của 1 người du khách.

Tôi đến Tê-Hê-Răng bằng máy bay phản-lực Caravelle (Ca-ra-ven) của hãng Suisse-Air (Hàng-không Thụy-Sĩ). Thụy-Sĩ mua máy bay Caravelle của Pháp, nhưng cách chiêu-đãi của Thụy-Sĩ làm cho cuộc hành-trình rất dễ chịu. Máy bay nầy lướt mây êm như thuyền lướt mặt hồ, tận không trung 11.000 thước trên mặt đất, màu xanh thẳm của vòm trời, những cụm mây trắng dày phản chiếu ánh mặt trời, như những khối bông gòn khổng lồ hay những viên kim-cương thật lớn, làm cho người du khách có cảm giác đang lạc lối vào Đào-nguyên. Đặc-biệt của Công-ty hàng-không Thụy-Sĩ, là cho hành khánh nghe những điệu nhạc êm khi phi-cơ cất cánh hay sắp xuống phi-trường. Lúc ấy các máy phản-lực quay quanh, hú to nên người chỉ huy phi-cơ trước khi báo cho hành khách biết sắp đến phi-trường thì từ các máy phóng thanh, một điệu nhạc êm chảy nhẹ rót vào tai, làm mình theo tiếng nhạc đến lúc bánh xe đụng mặt đất thì nhạc êm dần. Tôi hỏi thăm những người đã đi máy bay Caravelle của Công-ty hàng-không Pháp họ bảo là không có việc máy bay cất cánh theo tiếng nhạc như thế đâu. Cái thú vị thứ nhì trong lúc đi đường là được ăn nhiều, ăn ngon và trước khi ăn các cô chiêu-đãi-viên đi phát cho mỗi hành khách một khăn lông có tẩm nước nóng pha dầu thơm như lúc mình vào cao lầu hối thén trong Chợ-Lớn. Còn những cái thú vị khác trong khi ngắm hoàng hôn xuống từ trên giữa lưng trời những màu sắc lạ, chân trời ửng mầu ngũ sắc như một cái móng dài, không làm mình có cảm giác của người đang sống một giấc mơ.

Giấc mơ đó đã làm tôi quên nói chuyện Tê-Hê-Răng với bạn rồi ! Trở xuống mặt đất bạn nhé.

Tê-Hê-Răng là kinh-đô của Ba-Tư. Dân số gần 2 triệu. Châu thành rộng, đẹp, có những nơi kiến-trúc còn giữ lại đặc tính của người Ba-Tư, mặt tiền cẩn gạch láng đủ màu, nhưng một phần lớn bị nhà cao, cửa rộng theo lối Tây-Âu hay kiểu nhà chọc trời của Mỹ làm cho người du-khách

có cảm giác đang ở trong một thành phố nào ở Âu-Châu. Nhưng ở Tê-Hê-Răng chưa có đào cống theo kiểu égout (ê-gu) của người Âu, nên dọc theo hai bên đường còn có những rãnh sâu cho nước mưa chảy đi. Thành phố còn nhiều công viên rộng lớn và mặc dầu số xe hơi nhiều mà còn lắm chỗ đậu. Trường Đại-học mênh mông, so với trường Sorbonne (Xoọc-Bon) ở Ba-Lê thì rộng gấp mấy. Các giảng đường to lớn, nơi sinh-viên đệ-trình luận-án rất oai nghiêm, và bên ngoài, có cây cao bóng mát, cỏ xanh, hoa đẹp. Ngoài phố, những chiếc xe ô-tô-buýt sơn đỏ hai từng y hệt thứ xe ô-tô-buýt Luân-Đôn làm tôi giựt mình không biết mình đang ở bên kia bờ biển Manche hay ở cạnh bờ biển Caspienne. Một anh sinh-viên Ba-Tư cắc cớ hỏi tôi vậy chớ ô-tô-buýt ở đây khác với ô-tô-buýt bên Anh chỗ nào ? Tôi thì thấy không khác chi cả. Anh thích chí cười nói : « Bên Anh xe chạy bên trái, nên chỗ ngồi tài-xế ngồi bên mặt của chiếc xe còn ở đây thì xe chạy bên mặt và chỗ ngồi của người tài-xế bên trái ». Người Anh có mặt tại Tê-Hê-Răng bằng xe ô-tô-buýt, người Pháp bằng một viện khảo-cổ, và người Mỹ bằng Cocacola và Pepsicola. Giáo-sư Regamey (Rê-Ga-Mê) người Thụy-Sĩ đọc được chữ Ba-Tư. Nhiều khi đi đường thấy một tấm bảng to với những chữ lăn quăn, lít quít, cố đọc cho ra thì gặp Pepsicola.

Bữa tối, mới tới, việc làm tôi vừa ngạc nhiên vừa sợ là xe tắc-xi. Ở Tê-Hê-Răng, xe tắc-xi rất rẻ, đi gần đi xa miễn là trong thành phố thì chỉ 15 rials (mỗi rials hơn 1 đồng bạc một chút). So với bên Pháp thì rẻ hơn nhiều. Đã vậy mà còn khỏi cho tiền nước. Nhưng mấy anh tài-xế tắc-xi bên nầy không biết tiếng ngoại-quốc, không biết rành đường, không chịu nghe lời người hành khách — có lẽ vì tôi và những người đến dự Đại-nhạc-hội là người ngoại-quốc chăng ? — và cầm lái xe không kể chết. Bữa đầu, vì máy bay đến trễ lại vào lúc 5 giờ sáng nên người đón tôi đã về ngỡ là tôi không đến, tôi phải tạm trú tại khách-sạn Excelsior (Ách-xen-xi-o) đợi sáng đúng 9 giờ đi vào dự hội. Nhờ anh quản-lý khách-sạn — anh nầy biết nói tiếng Anh — gọi một chiếc tắc-xi nói rõ là tôi muốn đến trường Đại-học. Họ liền nói cho tôi biết rằng thứ sáu bên nước Ba-Tư là ngày nghỉ, cũng như chúa nhựt ở mấy nước khác, thành ra trường Đại-học đóng cửa, đến đó làm gì ? Tôi phải đưa chương-trình Hội-nghị ra cãi với họ, họ mới lắc đầu và chìu lòng tôi họ gọi một chiếc tắc-xi, cắt nghĩa cho anh tài-xế biết tôi muốn đi đâu, rồi anh nầy gật đầu mở máy cho xe chạy. Tôi nói cho anh ấy biết rằng trường Đại-học ở đại-lộ Shah Reza thì anh cười, châm một tràng tiếng Ba-Tư mà tôi nghe như là tiếng Á-Rập, rồi lắc đầu chạy. Tôi đoán chừng anh ta ngạo tôi là ngoại-quốc làm sao thuộc đường bằng anh ta nên yên lòng ngồi đợi. Anh quản-lý khách-sạn nói trường Đại-học không xa, đi độ 5 phút là tới mà anh tài-xế tắc xi

nầy chạy hơn 10 phút chưa tới. Không phải anh định chạy lâu để ăn tiền nhiều vì xa gần cứ một « cuốc » là 15 rials, thì tội gì anh chạy vòng ? Tôi nhắc lại đại-lộ Shah Reza thì anh ta lại châm một tràng tiếng Ba-Tư. 20 phút sau, anh ta có vẻ đắc thắng, mở cửa xe cho tôi xuống, tôi nhìn kỹ thấy chữ « Youth House » (Nhà cho thanh-niên có thể là một quán trọ rẻ tiền cho thanh-niên). Tôi đưa bản chương-trình tiếng Pháp và tiếng Anh ở chữ Université (Đại học). Anh ta không đọc được, lại mở máy cho xe chạy. 15 phút sau, xe ngừng trước cửa một cái « Youth House » khác. Tôi bảo anh cứ trở lại đại-lộ Shah Reza cho tôi và hỏi thăm một người đi đường, may gặp người biết tiếng Anh, họ chỉ lại đúng chỗ thì anh tắc-xi đưa hai tay lên trời nói : « A ! Congrès » (Công gờ-re hội-nghị). Mình tuy mất thì giờ nhưng tội nghiệp anh chàng chạy ba đồng bảy đổi mình cho 20 rials. Anh ta mỉm cười đưa tay chào. Chiều hôm đó đi dạo phố với giáo-sư Baud-Bovy (Bô-Đơ-Bô-Vi) giám-đốc âm-nhạc-viện Jơ-Neo, gần đến giờ dự buổi hòa nhạc khai-mạc, chúng tôi gọi một chiếc tắc-xi trở về khách-sạn thay y phục. Định đi bách hộ quanh quẩn gần đây nên tôi không có đem theo tấm cạt khách-sạn New Plazza (Nhiêu-Pờ-lát-za), lúc lên xe nói New Plazza, anh ta lắc đầu rồi cứ mở máy cho chạy về phía phi-trường Giáo-sư Boud-Bavy bảo tôi rằng sao anh tài-xế nầy chạy đi đâu lạ quá. Nhớ lại lúc ở khách-sạn mới bước ra, giáo-sư Boud-Bovy và tôi ngắm ngọn núi xanh có tuyết phủ mà trầm trồ, tôi vỗ vai anh tài-xế tắc-xi mà chỉ ngọn núi vừa nói vừa ra dấu rằng tôi muốn đi về hướng đó mà anh ta lắc đầu nhứt định chở chúng tôi ra phía phi-trường. Giáo-sư Boud-Bovy có đem theo một quyển sách về vùng Cận-Đông, lật ra tìm may gặp địa đồ, thấy rằng khách-sạn New Plazza gần đại-lộ Homayoun (Hơ-Mai-Yun) bảo anh ta chạy về đó, thì anh ta đưa hai tay lên trời la : « A ! Homayoun ! ». Rồi châm thêm một tràng tiếng Ba-Tư có ý bảo chúng tôi người ngoại-quốc mà vô ý không đem theo cạt của khách-sạn cho ! Họ đã không biết rõ đường mà lại còn chạy bán chết bán sống. Qua mặt, và quẹo thì mạnh ai nấy chạy không nhường người bên mặt đi tới, nhiều lần « chặt cua » phía trái, chưa hết « cua » thì đầu xe ô-tô-buýt đỏ đã sát bên hông mặt của xe mình đi. Lên xe mỗi lần cứ phập phồng, cứ sợ bị xe bên mặt đâm vào hông

Nói chuyện với bạn hơi nhiều về các anh tài-xế tắc-xi có lẽ vì hôm mới đến suốt ngày sốt ruột vì các anh ấy. Chớ người Ba-Tư tôi gặp trong trường Đại-học và ngoài phố khác hơn các anh ấy nhiều.

Ngoài phố, đầu tiên tôi để ý rằng người Ba-Tư thích để râu mép. Trong 10 người, hết 9 người để râu mép và đàn bà thì ở tại kinh-đô có

i số ăn mặc theo Âu-Mỹ, phần đông vẫn còn quàng áo phủ cả mình và che một phần mặt. Nhứt là trong thôn quê — có dịp tôi sẽ thuật cho bạn nghe hôm giáo-sư Boud-Bovy và tôi đi vào nhà quê — và trong xóm lao-động, người phụ-nữ còn che mặt. Chị bán bánh mì che mặt — bánh mì Ba-Tư dẹp như bánh tráng và màu như giấy sút bên mình ; hôm khác khi viết thư cho bạn về cách ăn uống ở Ba-Tư tôi sẽ nói rõ hơn — người đi chợ che mặt, cho đến các cô bé tí hon độ 5, 6 tuổi thế mà thấy tôi nhìn cũng lấy khăn che mặt lại chỉ chừa đôi mắt. Cái đó nhiều khi cũng lợi bạn nhỉ. Thấy đàng xa đi lại một bóng dáng của một thiếu-nữ hay thiếu-phụ. Không biết người đó mập hay ốm chỉ thấy thướt tha trong áo quàng phủ cả người. Không biết có sứt môi hay mũi xẹo chỉ thấy đôi mắt sáng ngời. Nhưng người nghèo thường hay đau mắt, nhứt là đàn ông. Họ bị nhặm mắt có lẽ kinh-niên như người dân Việt-Bắc thời tiền-chiến tranh. Trẻ con phần nhiều đi giày nhưng chân rất dơ và trong các xóm nghèo còn có rất nhiều người ăn xin. Nhưng họ cũng có giữ sự tự trọng của con người. Nhiều khi trẻ con thấy người ngoại-quốc đưa tay xin kẹo xin tiền thì có những người lớn lại mắng chúng nó rồi quay lại cười với mình như có vẻ xin lỗi. Và cách tiếp đãi của họ có cái nồng hậu của người phương Đông.

Về âm-nhạc, thì họ có một truyền thống rất phong-phú. Nhạc-thuật cổ-truyền của họ rất cao và cũng như trong các nước Cận-Đông và Viễn-Đông, nhạc-thuật Tây-Phương làm cho họ đang lâm vào cảnh bối rối chẳng biết nên giữ truyền thống hay canh tân hay theo lề lối Tây-Phương. Đề cập đến vấn-đề nầy thì chắc không chấm dứt bức thư nầy được.

Xin hẹn bạn khi khác. Trong lúc đang hết sức bận rộn, tôi chỉ ghi lại vài cảm tưởng, không đầu đuôi, không mạch lạc, cốt để bạn thấy rằng đi đâu tôi cũng chẳng quên bạn và lòng tôi bao giờ cũng hướng về đất nước.

Xa xôi . . .

TRẦN-VĂN-KHÊ

Quan niệm sáng tác của các nhà thơ, nhà viết truyện, nhà soạn kịch

Người phụ trách : **NGUIỄN-NGU-Í**

I.— Sáng - tác để làm gì ? Để cho mình hay cho thiên hạ ? Để cho bây giờ hay để cho mai sau ?

II.— Sáng-tác theo một đường lối nhứt định nào hay là tùy hứng ?

III.— Những gì đã xảy ra trong tâm-trí và trên trang giấy của tác-giả từ khi tác-phẩm bắt đầu thai-nghén cho đến lúc nó thành hình.

IV.— Những kinh-nghiệm sống và sáng tác thích nhất.

VII

Vi-Huyền-Đắc, *soạn kịch*

Tôi vừa tắt máy xe ở trước vỉa thềm « Hoàng-Mai hiên », thì chủ nhơn ở trong nhà đà lên tiếng :

— Tôi đợi anh đã có một tiếng đồng hồ. Hẹn 4 giờ rưỡi chiều, mà mãi đến 5 giờ rưỡi mới nghe tiếng xe anh !

Tôi vừa lau mồ hôi trán, vừa bắt tay anh và vừa cười một cách héo khô dưới ánh nắng mặt trời còn gay gắt.

— Anh ơi ! Anh ngồi trong mát mà đợi, anh có biết đâu cái nóng lòng và cái bực trí của người nhớ giờ hẹn mà cái của bạn đường máy móc có tuổi trở chứng này, đã làm tôi vất vả dọc đường chẳng ít, từ khu Bàn-Cờ của tôi đến cái ngoại ô Gia-Định này của anh.

Tác-giả « *Khóc lên tiếng cười* » để nở một nụ cười mênh mông rồi đưa tôi lên gác. Vừa hớp tách nước trà, tôi vừa ngó qua cửa sổ theo tay anh chỉ : có cây đủng đỉnh vẻ an nhàn, có cây xoài chưa tỉnh giấc, có mấy bụi chuối mà gió phũ phàng chưa xé lá tả tơi... Êm êm, dịu dịu.

— Của anh ?

Cười, có nghĩa : « Nếu là của tôi, thì khoe với anh chi ». Tôi cũng cười theo,

nhớ đến trái cấm, nhớ đến cái giàu của những tâm-hồn nghệ-sĩ.

— Tôi soạn sẵn cái này cho anh đây ! Và tác-giả « *Nghệ-sĩ hồn* » trao cho tôi

*
* *

Thư mục của Vi-Huyền-Đắc :

KỊCH DÀI :

— *Uyên-ương*, kịch 4 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội, ngày 5, 6 và 12, 13 tháng năm 1928, do hội Uẩn-Hoa tổ-chức (Thái-Dương văn-xã, 1927).

— *Hoàng-Mộng-Điệp*, kịch 5 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội ngày 12 tháng tư năm 1930, do ban kịch của trường Cao-đẳng Mỹ-thuật trình-bày (Thái-Dương văn-xã, 1928).

— *Hai tối tân-hôn*, kịch 3 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội, ngày 4 tháng sáu 1931 (Thái-Dương văn-xã, 1929).

— *Cô đầu Yến*, kịch 4 đoạn (Thái-Dương, 1930).

— *Cô đốc Minh*, kịch 4 đoạn (Thái-Dương, 1931).

— *Nghệ-sĩ hồn*, kịch 3 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội, ngày 5 tháng ba 1933, do ban kịch của trường Cao-đẳng luật-học trình-diễn (Thái-Dương, 1932).

— *Mạc-Tin*, kịch 4 cảnh-suất, bản dịch ra Việt-văn của vở « Martine » của Jean-Jacques Bernard (Đời-Nay, 1936).

— *Kinh-Kha*, kịch 3 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hải-Phòng ngày 10 tháng mười 1934 (Hàn-Thuyên, 1937).

— *Kim-tiền*, kịch 4 đoạn và 1 khai-từ, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội, ngày 31 tháng ba 1938 (Cơ sở Báo chí và xuất-bản Tự-Do, 1960.)

— *Éternels regrets* (Trường-hận), kịch Pháp-văn, 6 cảnh-suất và 1 khai-từ. Đã trúng giải-thưởng của Hàn-lâm-viện Nice trong cuộc thi mùa đông 1936-1937 (Thái-Dương, 1938).

— *Ông ký Cóp*, kịch 3 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hải-Phòng, ngày 10 tháng mười 1938 (Hàn-Thuyên, 1937).

— *Giê-Su, đấng cứu-thế*, kịch 4 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Nha-Trang, Phan-Rang và Đà-Lạt, tháng sáu 1958, do ban kịch của Nhà đệ-tử tu-viện Thánh Giuse tại Nha-Trang, Phước-Hải.

— *Khóc lên tiếng cười*, kịch 4 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hải-Phòng, năm 1940, do ban kịch Thế-Lữ trình-bày.

— *Lệ-chi-viên*, kịch 4 đoạn, diễn lần thứ nhất ở Hà-Nội, tháng mười năm 1934 (Đại-La, 1945).

— *Bạch-Hạc-Đình*, kịch 4 đoạn.

— *Thành-Cát-Tư-Hãn*, kịch 3 đoạn và 1 khai-từ (Người Việt tự-do, 1956).

— *Genghis-Khan*, kịch Pháp-văn, 3 đoạn và 1 khai-từ.

KỊCH NGẮN :

— *Vở kịch hay nhất*, 2 đoạn.

— *Nhà có phúc*, 2 đoạn.

— *Chung-thân đại-sự*, 1 đoạn (dịch Trung-văn).

— *Láng diềng*, 1 đoạn (dịch Trung-văn).

— *Trả thù* (dịch Pháp-văn).

TIỂU-THUYẾT DỊCH :

— *Một gia-đình*, bản dịch cuốn Nhất-gia của Từ-Vu (Nguyễn-Thế, 1957).

— *Khói lửa kinh-thành*, bản dịch bộ Kinh-hoa yên-vân của Lâm-Ngữ-Đường.

— *Người bạn lòng*, bản dịch cuốn Hồng-nhan tri-kỷ của Tuấn-Nhân.

KHẢO-CỨU :

— *Việt-tự*, một lối viết Việt-ngữ bỏ 5 dấu (Thái-Dương, 1929).

— *Máy hơi nổ*, dùng trong các kiểu xe tự-động.

*
* *

Tôi lẩm nhẩm : cả dài, ngắn : 22 vở kịch, trong đó có 4 vở kịch dịch, hai vở kịch viết bằng tiếng Pháp, vốn liếng người đàn anh này cũng đã khá nhiều, hẳn kinh nghiệm của anh về bộ môn kịch nghệ rất là phong phú ?

— Ta ra ngoài này nói chuyện, có quạt máy.

Nhưng cái quạt máy xoay qua, xoay lại ấy không làm tôi quên cái nóng còn nung người lúc bấy giờ bằng cái thiết tha, cái sôi nổi của người hai thứ tóc gầy gầy, cao cao ấy. Và câu chuyện tâm-sự lôi hai người chúng tôi về quá-khứ :

— Tôi bước vào gia đình văn nghệ, thật là một sự bất ngờ, anh ạ. Gia đình tôi là một gia đình sống về thực nghiệp. Cha tôi hoạt động về kinh tế. Không có ngọn gió văn nghệ nào phe phẩy trong tiểu và đại gia đình của tôi cả. Khi học, tôi lại thích... khoa học, mà chẳng để ý gì tới văn chương. Tôi lại nuôi giấc mơ được sang Pháp học về ngành máy và điện. Giấc mơ này rất có thể biến thành sự thật nếu đừng có trận giặc 1914-18 xảy ra. Tôi đành học ở trường Mỹ-nghệ thực hành ở Hải-Phòng. Học ba năm, tôi ra trường, về trông nom việc đấu-thầu cho cha tôi.

« Lúc bấy giờ, tôi cũng thuộc vào lớp thanh niên thích cái gì mới. Cho nên tôi đã vỗ đến đỏ cả hai bàn tay khi xem kịch « Chén thuốc độc » của Vũ-Đình-Long, khoảng 1921-1922. Tôi đăm ra mê kịch, cũng như thuở bé, tôi mê tuồng, mê chèo vậy. Nhưng tôi thấy chưa vừa lòng về vở kịch đầu tay đó của ông Long, vì nó còn mang tính chất tuồng chèo : có pha trò, có vai hề chọc cười khán giả. Tôi cho đó chưa phải là kịch.

— Nên anh « nổi loạn » : giã từ đời doanh nghiệp, để phiêu lưu trong nghiệp văn chương ?

— Đâu dám nổi loạn, chỉ có không bằng lòng, rồi phản ứng.

— Bằng cách xăn tay áo viết kịch..?

Anh cười, rót thêm trà, và kéo cái quạt máy lại gần người khách đường xa. . . Giọng anh hăng lên.

— Tôi cho kịch phải là kịch thuần-túy, không nên pha-trộn trò hề vào.

— Nghĩa là phải có cái gì. . . kịch liệt ?

— Tôi chưa hiểu anh muốn cho hai tiếng kịch liệt cái nghĩa nào. Kịch, theo tôi, là phải phản ảnh cuộc đời, không được gò bó theo một đường lối nào . . .để cố ý làm cho khán-giả phải khóc hay phải cười.

Cái nóng nung người vẫn còn nóng nóng ghê, mà anh trong lời nói trong cử chỉ, có vẻ là một nghệ-sĩ đương bị ngọn « lửa thiêng nung-nấu ở nội-tâm », nên tôi hỏi sang chuyện khác :

— Anh nói thuở nhỏ mê tuồng mê chèo, mà khi lớn anh có mê cải lương Nam-Kỳ không ?

— Sao lại không ? . . . Vì tôi vốn có óc chiết-trung nên tôi yêu thích bất cứ loại nghệ-thuật nào. Bình-kịch hay thoại-kịch đều có một đặc-tính và một sức hấp-dẫn cả. Nếu người soạn vở có thực tài và diễn-viên lột được hết tinh-thần, loại nào cũng làm cho khán-giả thích-thú, và hoan-thưởng.

— Có phải vở kịch đầu tay của anh là vở *Uyên-ương* không ? và anh lấy đề-tài ở đâu ?

Mắt anh nheo nheo, lưỡng quyền anh như cao thêm trên gương mặt xương xương.

— Ở cả cuộc đời, và ở sách vở.

Anh ngừng một chặp, nhấp miếng nước trà, rồi mới tiếp :

— Xem sách Tàu, tôi đặc biệt để ý đến tích tình chim uyên ương. Thật là kỳ dị ! chim đó sống lúc nào cũng có đôi, quấn quít lấy nhau. Một con chết, thì con kia cũng chết theo. Tôi liên-tưởng đến một mối tình chung thủy của hai người yêu nhau, yêu nhau tha thiết và chân thành. Và tôi mượn của cuộc đời một câu chuyện để làm cốt kịch. Kịch đem diễn, làm cảm động người xem ; được diễn nhiều lần, và đều được hoan nghênh. Được khích lệ một cách cụ thể, nên tôi đi hẳn theo con đường kịch.

— Kịch « Uyên-ương », anh viết có lâu không ?

— Không lâu. Ấp ủ trong ba tháng, rồi tôi viết một hơi, tôi nhớ trong vòng hai tuần thì phải. Có điều đáng nhớ, là tôi soạn vở kịch đầu của tôi ở Nam-Vang, năm 1926 ; tôi đọc ở Sài-Gòn cho... Anh biết ai là người đầu tiên nghe tôi đọc tác phẩm đầu lòng của mình không ?

Tôi lắc đầu. Anh thong thả nhấp trà.

— Tản-Đà. Tản-Đà pha trà thì tuyệt ! Và Tản-Đà nghe xong, buông ra ba tiếng : « Nghe được đấy. » Và diễn ở Hà-Nội, năm 1928, do hội Uẩn-Hoa ; đạo diễn là anh Tam-Lang.

— Còn vở thứ nhì của anh ?

— Lần này, thì do đời cung cấp đề tài. Chẳng là lúc đó, có phong trào cổ xuý phụ nữ ra làm việc xã hội với bao sự lố-lăng nên tôi không mấy hoan nghênh. Lúc đó, tôi cho rằng cái « ngai vàng » của đàn bà là ở trong gia đình. Vở « *Hoàng-Mộng-Điệp* » do ban kịch của trường Cao đẳng Mỹ thuật trình bày năm 1930 tuy gặt được nhiều tán-thưởng của khán giả, nhưng cũng hái được khá nhiều lời đả-kích. Trong số các nhà báo đả kích « Hoàng-Mộng-Điệp », hăng hái vào bậc nhất là Vũ-Trọng-Phụng. Lúc ấy, Phụng vừa thâu nhập tư tưởng Mác-Lê, nên chỉ-trích tôi chẳng tiếc lời. Nhưng sau, gặp tôi và anh em quen nhau, Phụng xin lỗi tôi, vì rõ đó chẳng phải là chủ trương của tôi : không cho phụ nữ gánh vác việc đời, mà chỉ là để bài-xích những cái rởm, cái lố-lăng của thời-đại.

— Thế còn « *Hai tối tân hôn* » ?

— Trong vở kịch thứ ba này, tôi cho rằng lòng hiếu thảo và lòng hi sinh có thể chuộc được các tội lỗi, lỡ lầm, và cái lý tưởng cao quí nhất là sự tha thứ.

— Vậy theo anh, kịch để phụng sự...

— Tôi không nghĩ đến phụng sự cái này hay cái nọ. Đã là kịch, với tôi, thì lúc nào cũng đi sát sự thật và tả tâm tính con người.

« Kịch là một biến cố ; khai thác biến cố đó, kịch gia phải làm sao cho nổi bật tánh tình của từng vai một. Muốn đạt được điều này, dĩ nhiên là kịch gia phải sống nhiều, vì không thể thêu dệt được. Muốn đưa lên sân khấu một ông giáo chẳng hạn, người soạn kịch phải rõ cách dạy của ông giáo ấy, tánh nết cùng những thói, những tật của ông ta. Muốn đưa một nhân vật mình ra tòa, mà tác giả không từng xem một phiên tòa xử, thì hỏng.

— Thế thì cái chánh trong kịch không phải là phần kịch tính ?

— Đứng về mặt kỹ-thuật mà nói, người ta hay chú trọng đến cái cốt của vở kịch. Nhưng tôi cho điều đó phải đứng hàng thứ hai. Hàng thứ nhất, phải để cho con người, rõ ràng hơn là cái tâm tính của các nhân vật.....

« Chủ chốt là con người. Ta phải làm sao cho nổi bật nhân vật, dù nhân vật ấy chỉ ra mắt người xem có năm phút. Thế, ta phải biết nhân vật mình cho thấu đáo, để có thể dùng một câu, một câu thôi, mà làm nổi vai của người ấy.

— Vậy, đối với các vở kịch của Đoàn-Phú-Tứ, chắc anh không hài lòng. Bởi lẽ anh ấy chịu ảnh hưởng kịch Pháp nhiều quá, rồi chuyển tình ý của kịch Pháp qua kịch Việt ; do đó anh gán cho người Việt những ý nghĩ, những lối nói không phải của người Việt ?

Anh chỉ hớp nước trà để thay câu trả lời. Một chặp, anh nói :

— Kịch đi sát sự thật, mà phải hợp tình, hợp lý, làm cho người xem thấy diễn viên trên sân khấu là người đời đang hoạt động.

— Những vai chánh trong các kịch của anh, chắc không phải hoàn toàn tưởng tượng ?

Anh gật gù.

— Lắm khi, một nhân vật trong kịch là hai, hay ba nhân vật ngoài đời chắp lại. Như vai chánh trong vở « *Kim-tiền* », nhà kinh doanh Trần-Thiết-Chung là hình ảnh của tôi, một phần, và của mấy nhân-vật khác chắp lại. . . . . .

— Còn cái ông ký ăn cơm nhà lo chuyện thiên hạ ?

— « *Ông ký Cóp à ?* » Nhân-vật này có thật. Tôi tìm một câu chuyện rồi lồng ông ta vào đó.

Lời người phụ-trách cuộc phỏng-vấn. — *Thể theo lời yêu cầu của bạn đọc, bắt đầu từ kỳ này, chúng tôi xin đăng sơ lược tiểu sử văn nghệ của các nhà văn đã vui lòng phát biểu ý kiến, chỉ trừ trường hợp các nhà văn không khứng*

Nguiễn - Ngu - Í

« Tôi nói thế này chẳng biết có quá đáng không... « *Kịch là kinh nghiệm của sự sống* ».

« Anh từng thấy có những thần đồng về Thơ, về Nhạc, về Họa, về Toán.., mà không có thần đồng về Kịch. Muốn thành công về ngành kịch, phải có tài năng hợp cùng kinh nghiệm phong phú về cuộc sống. Kinh nghiệm cần cho kịch gia hơn là cho thi sĩ, cho tiểu thuyết gia. Tiểu thuyết, thi ca, người ta đọc có một mình ; còn kịch, phải trình bày trên sân khấu, trước hàng ngàn người : cùng một lần, mà bị cả một số đông chê thì phải biết !

— Người diễn viên làm trung gian cho tác giả và khán giả, anh thấy họ cần có những đức tánh gì để cho vở kịch được thành công, tự nhiên là vở kịch ấy phải có một giá trị nào.

— Vai trò của diễn viên quan trọng lắm. Nó làm bật lên hay làm chìm xuống nhân vật trong kịch và ảnh hưởng đến sự thành bại của vở kịch phần nào. Một diễn viên hay, theo tôi, phải đặt mình trong vai mình đóng, mà phải tỉnh chớ không được mê. Người diễn viên phải luôn luôn nhớ rằng : *mình đóng vai nào đó trên sân khấu, chứ không phải mình sống trên sân khấu.* Mình phải thắng mình. Mình phải hóa ra hai. Mình làm ra vai mình, tức là mình góp phần sáng tạo vào đấy. Chớ chẳng phải do cái hứng nhất thời.

« Như có một diễn viên đóng vai người tình bị phụ đúng cái lúc anh ta bị phụ tình. Anh đóng xuất sắc, khán giả khen anh là đóng y như hệt Nhưng rồi, sự thật không phải thế, có sự hiểu lầm ; anh ta vẫn được yêu, thành sau đó anh ta đóng vai cũ gượng gạo, vì anh đã sống vai anh trên sân khấu, chớ không phải anh đã đóng vai ấy.

Tôi rời sân khấu để về với tác phẩm.

— Thường anh viết một vở kịch có lâu không ?

— Cũng tùy anh à. Như vở kịch đầu, vở « *Uyên ương* », từ ngày thai nghén đến ngày hoàn thành, độ ba tháng rưỡi.

Còn như vở « *Thành-Cát-Tư-Hãn*, tôi nghĩ đến nó từ sau khi Hitler lên cầm-quyền ở Đức, rồi tôi đã rao trước trên vở Eternels regrets năm 1938, mà mãi đến năm 1955 tôi mới viết ra được.

— Anh đã cấu tạo nhân vật lịch sử này cách nào ?

— Thành-Cát-Tư-Hãn đã làm tôi nhọc không ít. Tôi phải mua sách Tàu, sách Tây để khảo cứu về thời đại ông ta, về dân tộc Mông-Cổ, và về con người của ông ta. Tôi đã ký-chú các chi-tiết trong tám năm ròng, rồi chiến tranh, tản cư, mất hết cả. Hồi cư về, năm 1950, tôi mới lại bắt đầu ghi chép lại.

— Anh còn nhớ vì đâu anh có ý định viết vở kịch này.

— Nhớ, anh ạ. Một câu của P. Valéry : « La faiblesse de la force, c'est de ne croire qu'à la force » (Cái chỗ yếu của sức mạnh, là chỉ tin cả vào sức mạnh) và câu này của Đổng-Trác khi quyết định thiên đô nhà Hán : « Ngã vị thiên hạ kế, khởi tích tiểu dân tai. » (Vì cái kế làm chủ thiên hạ, ta hà tất phải thương cái lũ dân đen.)

— Hẳn vở kịch sau chót nầy đã để cho anh nhiều kỷ-niệm ?

— Nhiều thì có nhiều, nhưng giờ anh hỏi, tôi lại nhớ anh Võ-Đức-Diên quá. Năm 1955, anh lập lại đoàn Anh - Vũ. Cần « lăng-xê » bằng đôi vở kịch mới, đặc biệt. Biết tôi « nuôi » Thành-Cát-Tư-Hãn từ lâu, anh thúc giục tôi, tôi hoàn thành vở này. Nhưng vì một sự rủi - ro, đoàn Anh-Vũ tan, vở kịch không ra mắt công chúng. Rồi, gần đây, anh vội vĩnh biệt chúng ta !.....

Anh không nói nữa. Bóng chiều đã ngả vào phòng. Người giai nhân trời Âu có cái đẹp dịu hiền với mái tóc xõa dài phơ phất bỗng trở nên mơ hồ như người trong mộng đang ngập ngừng giữa hai thế giới thực, hư. Mắt tôi vẫn không rời tấm lịch to treo trên tường gần đó, mà tắc dạ ngùi - ngùi. Nhớ lại buổi tiệc thân mật cuối cùng dùng với anh bạn họ Võ ở một cao lâu Chợ-Lớn. Khi chia tay, anh bạn to lớn ấy đã nghiêng tai nói nhỏ, hẹn hò... Bỗng tuần sau, hay tin anh mất một cách bất ngờ, để lại một chỗ trống lớn cho giới kịch nghệ vốn ít oi càng thêm ít ỏi. Thương người đã khuất tôi lại buồn cho người trước mặt : quyết tâm phụng sự môn kịch mà nay đành ngồi dịch tiểu-thuyết Tàu : có võ mà không có đất !

Chúng tôi im lặng hồi lâu. Anh phá tan bầu không khí phảng phất u buồn trước.

— Anh thích nhất vở kịch nào của anh ?

Bỏ cái thế giới Tình, thì ta nói chuyện Tiền vậy. Anh trả lời gọn lỏn :

— « *Kim tiền* » !

Rồi anh phân-trần : «Ông thân tôi vốn xuất thân nghèo, và gây sự nghiệp với hai bàn tay trắng. Khi tôi mới lớn lên, người bảo : « Đời này, muốn sống, muốn bằng người và vượt hơn người phải có tiền. Con không có đồng xu dính túi, thì con không ăn được, thì con không học được, con không đi được, con nói chẳng ai nghe. Không tiền, thì con sẽ bị đời hành hạ, giày vò, chà đạp một cách kinh khủng.

« Muốn sống, con ơi ! phải có tiền ! »

« Nhưng sau, tôi nghĩ và tôi cho rằng trên đời còn có cái gì quí hơn tiền. Tiền có thể mất. Nghèo, đành là khổ ; có tiền, càng tham, thành tôi mọi đồng tiền, quên mất cả tình, cả nghĩa,

---

★ I. — VI-HUYỀN-ĐẮC

Sanh ngày 18 tháng chạp mậu-tuất (nhằm 30-1-1899) ở làng Vạn-Xuân, quận Ninh-Hải, tỉnh Hải-Ninh (Bắc-Việt).

Cộng tác với các báo : Đông-Tây, Phong - Hóa, Ngày - Nay... trước 1945, và sau 1954, giúp các báo : Tự-Do, Bách-Khoa, Phổ-Thông...

Tác phẩm, xin xem trong bài, đoạn « Thư mục ».

rồi cũng khổ. Tôi muốn đưa ra ý kiến : có tiền vừa đủ tiêu thì dễ có hạnh phúc. Nhưng đây là một vấn đề nan giải của loài người, cũng như chiến tranh. »

Trong cảnh tranh tối tranh sáng, chúng tôi nhè nhẹ xuống thang. Tôi sực nhớ, hỏi anh câu chót :

— Anh có kinh nghiệm gì sau ba mươi mấy năm đeo đuổi môn kịch ?

— Tôi chỉ có chút kinh-nghiệm này : ta chớ nên đem tác-phẩm của mình uốn-nắn, gò bó vào một khuôn-khổ nào, phải để cho nó có một tính-chất thật là phóng-khoáng. Có được như vậy, vở kịch mới đạt tới sự phổ-biến sâu, rộng, vì đó là đặc - điểm của sự bình - dị, sự minh-khiết.

Và anh cười cười, chẳng biết cười mình hay lại cười ai.

Đêm vừa kéo màn lên khỏi mái hiên Hoàng-Mai ; tịch mịch cũng bao trùm cái xóm ngoại ô gần nghĩa trang này. Tiếng máy nổ quá to của chiếc xe tôi lúc đó sao nó vô duyên và tàn nhẫn lạ. Và tiếng nổ ấy, tôi nghe sao như là :

— Kịch ! Kịch !

— Nhưng mà *bi* hay *hài* đây ?

NGUIỄN-NGU-Í *viết lại.*

***

Bà Thu-Vân, *làm thơ, viết truyện ngắn, tùy bút.*

Kính Anh,

[...] Tôi đã cố quên hết sách vở và những điều được nghe về sự sáng-tác, để thử kể lại một cách thành thật những gì đã xảy đến cho tôi, khi tôi bắt đầu cầm bút viết...

Viết để làm gì ?

Khởi đầu là để giúp vui cho một vài bạn hữu đến chơi ở sở Trà của tôi, vào những sáng chúa nhựt. Đó là những bài thơ và tùy bút. Tôi bình lên cho các bạn nghe, khi các bạn ngồi ngoài nhà mát, nhấm nháp chung trà.

Những bài nầy nay mất mát cũng nhiều, chỉ còn sót lại một vài bài như : « Đất Mẹ, Trăng Ngàn » v.v... Vì viết để cho mình và một vài bạn hữu, nên về sau lâu ngày, bản-thảo lạc mất, cũng không còn nhớ đến nữa.

Trở lại câu hỏi : *Sáng-tác để làm gì ?*

Xin trả lời bằng một câu rất cũ, cũ đến gần thành sáo :

— « Vì thấy cần phải sáng-tác ».

Để thể hiện những giấc mơ thoáng qua đầu.

Để ghi chép những tình cảm, cảm xúc xuyên qua lòng. Thể tùy bút hoặc thơ là những thể rất thích hợp để tả tình, tả cảnh.

Họa-sĩ dùng màu, nét, nhạc-sĩ dùng âm thanh, điêu khắc gia dùng đường nét, còn tôi trót dốt về thuật sử dụng các khí cụ ấy, đành phải dùng ngòi bút là thứ mà tôi đã được học ít nhiều ở trường, làm phương tiện duy nhứt để diễn tả những gì chứa đựng ở lòng mình.

Tôi nhiều khi tự ví : con người tôi như một gốc thông, một chiếc thuẫn. Gió thổi vào tự nhiên thông reo, thuẫn cất lên cao. Sống giữa cuộc đời tự nhiên

đón gió từ tám hướng giạt về, thổi phồng lên một tấm lòng để cảm nhiễm cùng ngoại vật.

Và khi thu nhận của ngoại giới nhiều quá, nghe đầy ứ cả lòng, lại thấy cần phải trút bớt ra : tiếc vì mây núi không nghiêng tai, nên phải gởi vào trang giấy.

Đó là trường hợp sáng tác thơ và tùy bút là những loại tôi bắt đầu viết trước tiên cả.

Còn trường hợp dựng nhân vật tiểu thuyết hay truyện ngắn ? Đôi khi một câu chuyện không đâu, một ý nghĩ thoáng qua, một mẫu người chợt gặp trên đời, trong sở, trên xe, ngoài đường lộ, cho tôi một nhân vật, một cốt truyện.

Lẽ cố nhiên, mẫu người hay mẫu truyện cũng có sắc thái gì riêng biệt mới đập vào tri giác tôi và ở lại đó. Rồi trí tưởng tượng của tôi tiếp tay vào, dần dần xây dựng truyện. Cả những khi tôi đi, đứng, nằm ngồi, khi ăn, khi ngủ, cái mầu truyện được gieo giống ươm mầm cứ tự nhiên âm thầm nẩy nở trong đầu óc tôi.

Trong tôi là một con người muôn mặt.

Vừa có bậc nữ lưu đứng đắn, vừa có người đàn bà lẳng lơ, vừa có một thầy tu, vừa có một kẻ cắp.

Nhưng có lẽ cái bản chất đa hình vạn trạng ấy đã giúp tôi nhiều trong việc xây dựng những nhân vật tiểu thuyết của tôi, gồm đủ hạng người, từ người chân chính đến kẻ lưu manh.

★ II.— Bà THU-VÂN

Tên thật : Lê-Thị-Anh.

Sanh năm 1925 tại làng Long-Hậu, quận Lai-Vung, tỉnh Sa-Đéc (Nam-Việt).

Cộng-tác với giai phẩm « Văn-hóa Ngày nay », « Tân-Phong », tuần báo « Văn-đàn ».

Đã xuất bản « Đất mẹ » (tạp bút, 1960).

Nếu tôi chỉ có thuần tinh túy của một vị thầy tu, thì tôi khó mà chun vô lớp da của một người kĩ nữ chẳng hạn. Mà khi tả người kĩ nữ, nếu không chun được trong lớp da người ấy, thì nhân vật tả ra không thể sống động được mà chỉ là một thứ hình nộm.

Tôi nghĩ diễn viên trên sân khấu với người viết tiểu thuyết rất gần nhau về điểm đó.

Chính tôi nhiều khi cũng lấy làm lạ cho tính cách phức tạp của tâm hồn mình.

Nhiệm vụ người viết tiểu thuyết còn khó khăn hơn một bực nữa. Vì phải « đóng vai » đủ hạng người trong xã hội : đàn ông đóng vai đàn bà, đàn bà đóng vai đàn ông, già đóng vai trẻ, trẻ đóng vai già v.v. Cần phải hoàn thành cái trò thoát xác mình ra để chun vào trong lốt của kẻ khác.

Theo ý tôi, nghệ thuật sáng tạo là ở chỗ đó.

Mà tôi đã làm thế để làm gì ? Đầu tiên, tôi không cố ý. Những mẫu chuyện ngẫu nhiên xô đẩy đến với tôi, những con người sống động, buồn, yêu, giận, ghét, cứ lô xô lộn xộn trong đầu óc tôi với những mẩu truyện tâm tình rắc rối của họ. Tới một lúc nào đó, tôi bắt đầu sống với họ. Nhiều lúc tôi không sống trong đời thật của tôi nữa, mà lại nhập bọn với họ, những con ma do trí tưởng tượng của tôi đẻ ra.

Cho tới một ngày kia, chúng ám ảnh tôi quá sức, không chịu được nữa, tôi cảm thấy cần phải tự giải thoát cho mình.

Dưới đầu bút, cá tánh lũ ma dại của tôi càng thêm rõ rệt. Nhiều chi tiết hiện ra thêm. Viết xong, tôi cảm thấy nhẹ nhàng vô cùng, và thôi không bị ám ảnh đó quấy rầy nữa.

Viết là để hưởng cái thích thú ngã trên mặt giấy những gì trí tưởng tượng cấu tạo trong đầu, những cái gì nung nấu, thiết tha, u uất, đáng thương, đáng ghét, đáng khinh, đáng sợ, đáng kính, đáng cười đang xô đẩy nhau trong ấy.

Nhân vật, thì tôi lấy của người nầy một chút, người kia một chút, quẹ quàng đắp vá lại. Truyện, thì tôi cũng lấy chỗ nầy nửa mẩu chỗ kia một góc để cấu tạo nên. Ít khi là một mẫu người nguyên vẹn hay một mẩu truyện nguyên vẹn. Nhưng cốt sao cho có vẻ « chuyện thật ngoài đời » là được rồi.

Chữ viết là những mẩu chốt tôi dùng để ghi, để vẽ những nhân vật đang dao động trong một bầu không khí riêng biệt. Sau nầy, khi tôi đọc lại, bầu không khí đặc biệt ấy sẽ vụt sống trở lại dưới mắt tôi. Tôi sẽ cùng họ diễn lại những câu chuyện đã qua, thương, ghét, buồn, vui, y như cái hồi họ cùng tôi còn chung sống.

Người khác, khi đọc truyện tôi, có trông thấy họ chăng ? Hình dung đậm lợt cách nào ? Sống động ra sao ? Đó là điều mà tôi thường băn khoăn tự hỏi, không dám quá tin nơi tài ghi chép của mình.

Sáng tác cho mình hay cho thiên hạ ?

Chỉ mỗi một ý nghĩ viết cho thiên hạ đã làm cho tôi thấy ngòi bút bị gò bó rồi.

Cứ viết những cái gì mình thích viết, muốn viết, nếu người đồng thời thính đọc, đó là điều may cho mình, không thì đành chịu. Mình không phải là « chứng nhân của thời đại », biết sao ?

Câu hỏi : *Viết cho bây giờ hay cho mai sau ?* Thú thật, tôi chưa dám nghĩ đến.

Và tôi cũng không có ý định sáng tác theo một đường lối nhất định nào. Tôi không chủ trương viết tiểu thuyết luận đề. Tôi chỉ muốn diễn tả lại cuộc sống rồi tự nó muốn nói gì thì nói. Luận đề, nếu có, phải tự nhiên bàng bạc trong cuộc sống, lẽ cố nhiên một cuộc sống đã được lọc xuyên qua cá tính của tác giả [...]

THU-VÂN

Trong những kì tới :

Nguyễn-Vỹ, Doãn-Dân, Hoàng-Khanh, TchyA, Đông-Xuyên, Phạm-Việt-Tuyền, bà Tùng-Long, bà Ái-Lan, Hợp-Phố, Thiên-Giang, Mặc-Thu, Bút-Trà, Linh-Bảo...

HỒN MA TRỞ VỀ

★ *VIỆT-BẰNG phỏng dịch*

MỌI sự ở nhà ông Bá-Liên, đâu có xảy ra đều đều như vậy. Ừ ! Không ! Khi còn chiến tranh nhân ngày lễ Giáng-Sinh, cậu con ông được phép về thăm nhà.

Đêm ấy gian nhà gỗ của dòng họ Bá-Liên tuy không đẹp đẽ, cũng không mới mẻ gì nhưng vang dậy tiếng cười nói vui vẻ. Cả bọn thanh niên trai trẻ trong làng đều đến họp mặt ở đấy. Cũng có cả vài vị bô lão nữa. Họ vui ca mấy bài vào dịp Giáng - Sinh, đùa rỡn cả trăm thứ đến đỗi quên cả buổi lễ « Mi-sa » lúc nửa đêm đi.

Nhưng năm ngoái đây, vào độ sang Thu cậu con ông Bá bị tử trận, đâu về miền Giô-nô thì phải. Người ta chỉ gởi về cho người cha già chiếc lông diều thường cài trên chiếc mũ nỉ của cậu trai thôi.

Vợ chồng ông Bá-Liên bỗng già sọm lại và người đâm gầy gập làm đôi được. Và có người bảo rằng căn phòng lớn rộng ở nhà họ dường như thu hẹp lại hẳn. Đêm ấy chả có cậu trai tráng nào trong làng đến hát hò những bài ca Phụ: - sinh nữa. Và cũng không một tiếng cười vui nhộn nào còn vang lên trong căn phòng rộng năm xưa ngập đầy ánh vàng của hương rừng và mùi lúa chín nữa.

* * *

Cổng nhà ông Bá-Liên mở nghe kin-kít : Có vài người quen biết đến thăm hỏi.

Sau buổi Lễ và sau khi uể-oải nhận phần bánh thánh và các thức ăn nửa đêm, mọi người ngồi quây quần lại bên nhau.

Ngoài trời giông gió nổi lên ; gió như quét sạch cả cánh đồng. Tuyết không ngớt vung táp vào gian nhà gỗ. Căn nhà như rung chuyển, rên-rỉ dưới cơn giông tố.

Mấy ông khách ngồi chơi trên chiếc ghế dài độc nhất, họ châm đóm để hút vừa cố nặn óc mà không nghĩ ra nổi câu chuyện gì để kể cho an dạ những kẻ đau khổ kia.

Lão Biên hồi tưởng lại trận đại chiến trước. Vài ý nghĩ thoáng đến với lão, lão muốn diễn tả lại thành lời.

— Có lẽ hơi khói còn bốc nghi-ngút ở ngoài chiến địa khủng-khiếp...

Mọi người đều đồng ý :

— Phải rồi, khói còn bốc !

— Tôi cho rằng khói còn bốc một thời gian nữa.

— Đúng đấy, đúng đấy !

Lão Biên lại tiếp :

— Một thời gian nữa, hơi khói còn bốc.

Đánh nhau đã bảy năm rồi cơ mà. Giờ đến anh em trong xóm làng mình phải giả nợ đấy.

Chiến tranh kéo dài đã bảy năm và trong bảy năm ấy tính phải đến bảy mươi bảy cậu. Nhà lầu, vàng bạc, đất đai, mùa màng, tất cả có là bao... nhưng lũ con trẻ của chúng ta !

Các người kia ngồi nghe phát thở dài :

— Phải rồi !

— Ừ, con trẻ chúng ta ! Lão Biên nhắc lại và đưa mắt nhìn thương hại vào bà Bá già.

Như một dư âm ảo não, ông Bá-Liên thở dài rồi nói thêm :

— Ừ, Phải đấy, con cái chúng ta. Lạy Chúa, con cái chúng tôi... ai biết được chúng phải phí phạm đến bao nhiêu, ai bù đắp được.

Lão Biên vội tán đồng : — Chả có ai cả.

Mọi người, ai nấy ngồi im thin thít, tưởng chừng như căn phòng chỉ chứa toàn hoang liêu tịch mịch.

Bà Bá-Liên ngồi lại một xó lau nước mắt. Còn ông Bá thì nghẹn ngào tấm tức mỗi lúc một còm thêm lên.

Một lát, lão Biên lại lên tiếng :

— Đếm làm sao được ? Đếm bằng cách nào cơ chứ ? Ở bên kia thế giới có lẽ bọn chúng nó cũng buồn tênh, tự hỏi chả biết làm gì bây giờ ?

Mọi người lại cùng hưởng ứng :

— Phải rồi ! Phải rồi !

— Người ta bảo có một anh hiện về... một anh lính...

Ai nấy đều chăm chú nhìn Lão Biên.

— Người ta bảo có ma hiện về... đi về lang thang ; có từng sư đoàn đông đủ cả.

— Phép lạ của Chúa, đã ban chắc ?

— Ừ, phép lạ đấy ! Lão Biên lấy lại, mà ở ngay đây, hôm nay vào lúc xế chiều có một vật gì trông không phải người, không phải lính mà cũng không ra ma.

Ông Bá-Liên, miệng lầm thầm, mắt thì nhìn lão Biên.

— Hắn ở trong gian phòng nầy, cùng chịu rước lễ với bọn ta, cũng ăn một miếng thôi không hơn không kém, rồi biến đi. Tôi theo hắn ra ngoài nhà nầy... Nhưng không thấy vết chân, cũng chẳng thấy dấu tích gì khác.

Lão Biên vừa nói vừa nghiêm nghị gật gù chiếc đầu :

— Sau trận chiến tranh nào, cũng có chúng trở về như vậy cả !

Xung quanh căn nhà nhỏ, gió bão gầm than.

Lão Biên vẫn chưa thấy mỏi miệng nên còn kể tiếp : « Chúng lang thang đây đó khắp thế gian, chỉ dừng bước nghỉ chân khi khói tan... Họ còn nói — có điều đúng đấy — bọn chúng toàn là dân miền quê cả như bọn mình đây. Các người có biết không, thằng dân quê không ranh ma tí nào, thì làm sao hiểu nổi chiến tranh là cái quái gì ?

Tại sao lại có chiến tranh ? Chiến tranh bằng cách nào ? Hễ bảo nó đi đánh thì nó chỉ biết có đi đánh ! Có người kể chuyện rằng có một tên lính, — không tìm ra tên họ, cũng chả rõ cấp bực của chú ta — choảng nhau kịch liệt như sư tử, trong khi đạn lửa bay như mưa táp, gang sắt đổ xuống giữa cảnh sấm sét hãi hùng... Rốt cuộc chú ta chết vì bị bắn thủng lỗ-đỗ như chiếc vá hớt bọt. Đạn xé thây anh ta từng mảnh. Khi anh về thế giới bên kia thì không biết phải hiến mình cho vị Thánh nào nữa, áo quần tả tơi, bùn lầy be bét, rét lạnh, run-rẩy đến xương tủy... Chú chàng đã bắn hăng, đã sát hại, đã tranh đấu kịch liệt... Làm cái nghề nầy, lên quái thế nào được cõi Thiên-Đàng ? Chú khốn nạn bèn xuống Âm - Ty. Xuống, xuống mãi, xuống sâu mãi trong lòng đất ; tiến bước giữa các đám rễ cây, khắp mặt mùa màng, băng lách qua các xứ sở, dưới đất những chỗ chôn dấu châu báu, xông pha mải miết, gặp chăng hay chớ. Sau cùng anh đến được một nơi ngạt cả khói, nóng như thiêu như đốt. Đấy là cửa Âm phủ. Quỷ gác cửa mới hỏi, tại sao chú chàng lại đến đấy. Lính ta mới thưa :

« — Con đến để trình rằng, con đã sát hại cũng lắm người trong trận chiến-tranh... » Tên Quỷ, con của Sa-Tăng, giữ chặt chìa khóa cửa lại, tay làm điệu bộ như muốn bảo :

« Thế thì việc quái gì đâu ! » Rồi nó trỏ cho anh chàng đến bàn giấy trình diện.

Một con quỷ khác có đeo lon hỏi :

« — Mày từ đâu đến đây ? »

« — Dạ, thưa con từ Ba-Lan đến ạ. »

« — Này, này ! Như thế dễ chừng mày đã choảng nhau với người khắp nửa tinh cầu rồi đấy hả ? Nó vừa hỏi thế thì các quỷ khác cười rộ lên. Rồi tất cả a lại, xúm nhau đồng lục soát tên chàng trong các sổ sách. Chúng tìm, tìm mãi, không moi đâu ra được. Con quỷ kiên-nhẫn tìm lâu hơn hết mới nói : « — Không có ai tên như vậy ở đây cả ! Phải có thì giờ mới vào hết sổ sách Ba-Lan cho đầy đủ được ! Cũng phải mất trăm năm nữa ! Hoặc có lẽ hơn cũng chưa biết chừng. Tốt hơn là mầy cứ xuống tận đáy Địa-Ngục đi ; May biết đâu dưới ấy người ta mới nhặt nhạnh những ngữ như mầy đấy. »

Nhưng sổ sách địa ngục A - tỳ cũng không có tên gã nốt.

Các oan hồn ở tận đáy ngục nầy đều cúi mình khi hắn đi qua, như một vì Thánh, và chúng lại bảo hắn : — « Hay Ngài thử lên Thiên Đàng xem sao ? »

Cậu Lính không tin tai mình đã nghe thấy lời đó. Thằng dân quê hèn mọn như chàng mà từ bãi chiến trường được lên thẳng một mạch chầu Giời à ? Mà ăn nói làm sao với lũ lính oai vệ của nhà Giời đây ? Nhưng dù sao, hắn cũng phải đi mới được.

Qua các đồng ruộng, núi non, men theo các đường ngang lối tắt, ngắn dài dưới ánh mờ của trăng sao. Rồi chàng cũng đến nơi

Khi người Lính gác nhà Giời vừa hé cửa Thiên Môn thì đã có người hỏi ra :

« — Anh là ai ? »

Hắn vội đáp : « Thưa tên Mỗ... thế ấy, thuộc Sư Đoàn nọ, bị đạn kia xả bắn vào miền gần một thành phố lớn, trong một cơn mưa gang sắt phũ phàng và trong một cơn sấm sét kinh khủng... »

Người ta lại tra sổ, hết trang nầy qua trang khác. Không chỗ nào có ghi tên hắn cả.

Cậu Lính liền sụt sùi khóc cho số mệnh não-nề của mình, rồi quay ra lối đường về.

Cô hồn lang thang không nhà cửa, mặc cho tình cờ đưa đẩy đến đâu hay vậy.

Khỏi cửa, cậu ngước mắt nhìn thấy trên sườn đồi trắng xóa có một vựa lúa giống như chỗ của các mục đồng dùng trú mưa. Cậu liền tiến về phía ấy : Trong chuồng bò, Đấng Hài-Đồng mỉm cười, nằm trên máng cỏ, hai cánh tay bé bỏng vẫy vẫy. Miệng cười hướng về cậu lính ta.

Đức Mẹ Cứu - Thế nghiêng về phía con mà bảo :

— « Chúa sẽ gọi cả đoàn chiên và Chúa sẽ nhận cả vào lòng Chúa ».

Cậu lính nghiêng mình chào Đức Mẹ Từ - Ái và Con của Người, rồi lại ra đi lang thang khắp trần gian. Cuối cùng chàng về tới quê hương, xứ sở : Ba Lan ! Trên đường đi, khi ngang qua những miền hoang liêu cô tịch, chập chờn quái đản ; hắn nhìn thấy từng đạo lính, những kẻ khốn nạn, cũng lang thang như mình. Muốn kể câu chuyện làm quà cho họ, hắn bèn bét lên vừa làm hiệu cho bọn chúng nhưng không đứa nào hiểu được hắn... Lời nói vô ích thật ! Cậu đành lẫn vào đám tàn quân lưu lạc. Cùng với bọn chúng cậu đi thất thểu trong cõi xa vời và ngóng đợi tiếng gọi của Chúa Hài-Đồng. Cậu chờ cho tắt khói, hơi tan, cho tàn tia lửa oán thù cuối cùng... »

Lão Biên ho lên một tiếng, giọng nói thêm trong sáng ra, rồi lão tiếp :

— Thế chú chàng ? chú chàng đến nhà bác Bá-Liên tối nay... có phải là một...

Mọi người đều nói :

— Có lẽ, có lẽ đấy là...

Người cha sụt sùi :

— May ra là con tôi đấy !

VIỆT-BẰNG *phỏng dịch theo*

« Polish Short Stories » — của Feliks Gwizdz — Minerva Publishing Company, London xuất bản.

tỉnh mộng

★ MỘNG-TRUNG ★

Chợt nghe hơi gió phất qua đầu
Bỡ ngỡ thực hư chửa biết đâu
Cao tiếng cành xuân chim gọi thức
Sáng lòn cửa mộng nắng lên màu.

Giựt mình mang máng tưởng đang mơ
Lên tiếng, thời gian điểm bốn giờ
Ấp gối làm ngơ ru giấc lại
Mặc cho chim nắng rộn tình thơ

Mặc hè dệt gấm trải bao la
Hãy ngủ, tình đêm vẫn mặn mà
Nhưng vận trắc bình thao thức mãi
Ghép hồn vũ trụ thấm hồn ta

Rồi thơ bừng dậy mở song nhìn
Nắng chảy mênh mông mộng trắng trinh
Gió sớm trên ngàn chưa vần bụi
Trần gian tỉnh giấc đón bình minh

Chuyển mình cảnh tục thoát cơn mơ
Nhuốm bụi tình thơ cũng hững hờ
Eo óc giọng gà chen tiếng máy
Cạn nguồn thơ bỗng thấy bơ vơ

MỘNG-TRUNG

TRUYỆN DÀI

TUYẾT - HƯƠNG

PHẤN ĐẤU

tiếp theo B.K. số 106

V

Chỉ trong quãng thời-gian đủ nghe một câu nói, tôi biết mình sắp được đi đổi gió ở miền biển.

Có thể cho đây là một sự hiếm có, một việc khác thường và khó tin. Suốt đời tôi chưa đi đâu không phải vì bị bắt buộc. Nhờ những lần tránh bom, tản cư, di-cư mà tôi được biết « quả đất » còn rộng lắm, được biết thêm vài chân trời mới lạ, tầm mắt nhìn xa hơn đôi chút.

Song tôi không thể ước ao được chứng kiến trái đất rộng, khám phá các chân trời mới và mở rộng tầm mắt mãi. Bởi vì tôi đã chán ghét, ghê sợ chiến tranh. Cái điều lợi cho tôi không đáng kể, còn sự tai hại chung tất cả thì rộng lớn không biết đâu mà lường.

Tôi đã bằng lòng đời sống cấm cung của mình để đừng bao giờ xảy ra cái điều tôi đã chán ghét, ghê sợ. Chán đến hết cách nói. Ghê sợ đến hết cách diễn tả.

Trước khi đi, tôi đến thăm bác-sĩ. Nói là đến thăm cho phải phép đó thôi. Ẩn ý của tôi là đến « khoe » bác-sĩ. Tôi muốn khoe cuộc đi chơi lịch-sử này, song không có ai ngoài thầy thuốc của tôi. Chẳng biết có đoán ra cái ẩn ý ở đôi mắt của tôi, ông ngạc-nhiên hỏi :

— Tại sao cô lại ra biển ?

Tôi đã trả lời rất đúng sự thật :

— Tại vì tôi được đi.

Thấy ông hơi nhíu mày, tôi đoán ông không muốn tôi được đi. Lần đầu tiên tôi đoán nổi ý nghĩ trên nét mặt của thầy thuốc. Và tôi chờ đợi. Chỉ một câu nói của ông là sẽ tiêu tan tất cả. Tôi nín thở chờ đợi, hồi hộp và lo lắng.

Có phải vì cảm thông tất cả những gì đang xảy ra trong tôi ? Đột nhiên bác-sĩ ngửng lên, mỉm cười vui vẻ nói một cách dễ dãi :

— Cũng được. Nếu cô muốn đi... Bởi vì không thể đi chỗ khác.

Xem lại đơn thuốc rồi bác-sĩ dặn :

— Ra ngoài ấy cô không được phơi nắng. Đừng để bị sương và lạnh. Phải để ý nghe, nếu thấy khó chịu hay có gì hơi khác thì phải về ngay không được chậm trễ...

Lẽ dĩ nhiên tôi vui lòng « tuân lệnh » ngay, trước cả khi có thì giờ nghĩ xem ra biển mà không được phơi sương, phơi nắng thì ra để làm gì.

Cuộc đến thăm chấm dứt. Bác-sĩ chúc tôi chóng bình phục. Tôi cảm ơn. Chắc bác-sĩ tưởng tôi cám ơn lời chúc. Sự thật tôi cám ơn vì ông đã vô tình giúp cho tôi được đi. Không thể còn gì ngăn trở.

*
* *

Nắng bắt đầu tươi, tôi cũng bắt đầu cảm thấy... mùi biển. Hai bên đường rải rác những tấm biển chào mừng du khách. Chắc còn nhiều thứ đẹp hơn, đáng chú ý hơn, song tôi không thể thấy gì khác.

Dựa vào nệm xa, tôi nghĩ :

— « Giá cuộc hành trình này xảy ra lúc mình khoẻ mạnh... »

Ừ, nếu xảy ra lúc tôi khoẻ mạnh, có lẽ tôi sẽ trông thấy, cảm thấy những thứ trong lúc này tôi không thể tưởng tượng ra, không thể thấy gì khác ngoài mỏi mệt.

Cái gì cũng phải có lúc hết. Vũng-Tầu của tôi đây rồi. Yên tĩnh quá ! Những đường phố xe của tôi đi qua vào giờ này mà còn vắng hơn cả ban đêm phố tôi ở Saigon.

Tôi đến Vũng-Tầu vào một ngày đẹp trời. Gió biển quả là khoẻ mạnh. Tôi có cảm tưởng đứng không cẩn thận sẽ bị gió cuốn đi mất như những tấm khăn giải bàn.

Tất cả những cảm tưởng và nhận xét trong buổi đầu tiên về biển của tôi có thể tóm tắt trong một câu ngắn ngủi :

— « Ước gì ngủ được một giấc. Mệt quá ».

*
* *

Nếu không nhớ đến cuộc hành trình hôm qua, sáng nay tôi tưởng như mình vẫn ở nhà.

Cái nhà tôi ở nhìn ngay ra biển. Chỉ cách một khu vườn, một con đường, và một cái đập đã ngăn cách đường đi với biển. Đó là một « chướng ngại vật » rất chướng mà ngay khi ấy tôi nghĩ :

— « Nếu không có nó, mình sẽ có một bãi biển để bơi ở ngay trước cửa nhà. »

Nhưng mọi người không đồng ý, bảo rằng nếu không có đập, sóng sẽ cuốn mất con đường, cuốn cả khu vườn và cái nhà tôi đang ở xuống đáy biển.

Mới nghe có thể coi như một chuyện hoang đường vậy. Nhưng tôi cũng phải nghe một cách biết điều. Vì tôi được chỉ cho thấy di tích của cái đập trước bị sóng đánh vỡ, Từng tảng xi măng cốt sắt rất to bị cuốn ra xa, bị đập vỡ vụn. . . Thật ra cũng nhờ tôi đã hiểu quá rõ về những sức mạnh vô hình. Không trông thấy, song không thể chống lại. Tôi đã tự trải qua một cuộc thí nghiệm nên mới hiểu tường tận được như đã hiểu.

Để đền bù lại sự thất vọng lúc ban đầu, về sau này tôi cũng tìm ra công dụng của đập đối với tôi.

Buổi sáng, tôi có chỗ ngồi cao ráo chắc chắn để thưởng thức cảnh bình minh trên mặt biển. Buổi chiều, tôi sẽ chọn chỗ có cột đèn để dựa lưng, ngồi một cách thoải mái ngắm cảnh hoàng hôn, thả tâm hồn theo những làn ánh sáng hấp hối, chiêm ngưỡng một cách say đắm và kính phục tài pha và biến đổi màu sắc của Tạo-hóa. Trong khi ấy, từng đợt sóng đuổi nhau ở dưới bãi, lặng lẽ hay ồn ào, vui vẻ hay buồn tẻ. Tùy theo tâm tính của biển lúc đó.

Và những buổi trời trở gió, biển có sự bực bội trong lòng, thả sức biểu diễn sức mạnh cho hả cơn giận dữ. Ngồi trong nhà, đóng cửa cẩn thận, tôi có cảm tưởng như đang diễn ra ở ngoài kia một cuộc tấn công rất ghê gớm. Từng loạt đại bác nổ liên tiếp, chuyển động cả một góc trời, tiếng âm vang rung cả mặt đất.

Cuộc tấn công của biển vào đất liền. Để chống đỡ, đất liền chỉ có một cái đập.

Những lúc ấy tôi mới cảm thấy sứ mạng của cái đập quả là vĩ đại, nếu so sánh sự bé nhỏ mong manh của nó với biển cả. Tôi không thấy nó là một chướng ngại vật rất chướng ngăn cách biển và tôi nữa.

Trước nhà có hàng hiên rộng. Buổi sáng người nhà bắc ghế vải cho tôi nằm chơi mát, ngắm cảnh biển cả. Chỉ việc nằm yên lặng ở đây cũng được chứng kiến nhiều thứ lắm. Giờ khởi hành, thuyền đánh cá đi từng đoàn, tiếng động cơ vang cả mặt biển. Thật là vui tai vui mắt. Có những chiếc thuyền kém « văn-minh », không có máy, phải hai người ra sức chèo. Dáng điệu người chèo thuyền vô cùng nhịp nhàng và đẹp. Hôm nào thuận gió, các cánh buồm được giương lên, người không phải chèo, động cơ cũng được nghỉ. Từng đoàn thuyền lướt ra khơi, lặng lẽ và khoan thai. Ánh nắng lên dần, mặt biển xanh như nền trời. Các cánh buồm tản mác trên mặt biển. Tôi có cảm tưởng như những cánh bướm lượn trên nền trời.

Tôi nằm đây, xa Saigon, xa tất cả, cả những tư tưởng rối loạn và phức tạp. Nằm đây nghe tiếng gió sẽ sàng nói chuyện tâm tình với lá cây, tiếng chim non gọi mẹ. Đôi sáo mỏ vàng mới tìm đến nhánh bàng cạnh thềm làm tổ, bay liền nhau như hình với bóng, thỉnh thoảng cất lên tiếng hót lảnh lót. Lâu lâu tiếng vó ngựa đập xa xa... Tất cả những tiếng ấy hợp với tiếng rì rào của sóng biển đưa lại, tôi tưởng tượng đây là một cảnh tiên. Một tiên cảnh có phép mầu nhiệm làm cho tôi quên những phiền muộn, phức tạp của đời sống và sẽ biến tôi thành một người khoẻ mạnh, vô bệnh tật.

Ý tưởng đó siết bao hiền lành và êm dịu !

Hình như tôi trở nên bận rộn. Lúc nào cũng bận rộn về thở. Tôi thở từng hơi dài

và đều, rất đày đặn. Phổi không lười biếng và làm việc cẩu thả như lúc ở nhà nữa. Anh hưởng tốt lành đầu tiên của biển.

Tôi không nghĩ gì hết, thì giờ ở đây chỉ để thở. Muốn giải trí, tôi tìm hiểu cách sinh hoạt, giờ giấc đi về của những thuyền đánh cá.

Nhờ thế, tôi được biết thuyền đánh cá đi không theo giờ nhất định. Có khi đang đêm đã thấy họ gọi nhau ơi ới. Trông ra biển, đêm không trăng, chỉ thấy từng đoàn ánh đèn le lói theo nhau đi, tiếng động cơ đều đều và ngái ngủ vang trong đêm tối. Có khi nắng ngập cả vườn mới thấy người ta rục rịch giương buồm. Bến của dân chài ở ngay cuối bãi. Nằm đây tôi nhìn rất rõ ràng Nhà ở trên đồi cao, không bị che khuất. Tầm mắt rất là rộng rãi.

Thì ra cá kéo nhau đến có giờ. Quen nghề, trông nước người ta biết lúc nào cá đến, ở đâu có cá.

Vậy mà trước kia tôi cứ tưởng thuyền đánh cá ở đâu, cá phải tìm đến đó.

Tôi không thích xem thuyền đánh cá về. Chỉ vì một lần tò mò, tôi đến tận nơi xem. Lúc đó người ta đang gỡ cá. Những con cá trắng như bạc, một bên mình ánh mầu hồng, mắc chặt vào mặt lưới. Chúng chết từ bao giờ, người đã cứng đờ mà đôi mắt vẫn mở thật to. Bụng chúng lép xẹp, không còn một chút không khí. Chúng đã bị tắc thở như... Tôi không dám nghĩ tiếp nữa. Nhưng tôi hiểu cái lúc nghẹt thở ấy nó thế nào. Và tôi thương những con cá ấy như đã thương tôi.

* * *

Chưa bao giờ tôi thấy một chữ có nhiều nghĩa bằng chữ tắm biển.

Tắm như ai cũng hiểu, chỉ là vào trong buồng kín, rửa suốt người bằng nước và sà phòng. Tuyệt đối không cho ai nhìn thấy mình trong lúc tắm. Và như thế tắm có nghĩa là làm cho sạch toàn diện thân thể.

Nhưng tắm biển thì nghĩa vô cùng rộng rãi. Tôi đã mất bao nhiêu công, để bao nhiêu thì giờ nghiên cứu về phương pháp tắm biển. Có lẽ chưa tới đâu hết. Bởi vì tôi chỉ xem người khác làm, có nhiều thứ tôi không thể làm nổi. Một là bị thầy thuốc cấm làm, hai là không đủ tài, hoặc giả không dám, không có đủ can đảm.

Có thể tạm chia ra ngần này thứ :

Tắm cạn, tức là ngồi trên bãi cát nhìn nước biển và tưởng tượng như mình đang... tắm. Phương pháp này rất thông dụng trong giới sợ nước, nhưng lại thích ra biển.

Tắm nắng, nghĩa là nằm úp bụng xuống cát, dơ lưng cho mặt trời nhìn. Kiểu này rất kỵ quần áo và bóng tối. Quần áo càng nhỏ bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Và kết quả của sự tắm nắng ấy hoặc là có nước da như cái bánh mật, hoặc là sẽ như con tôm bấy luộc, bóc vỏ được. Cả hai kết quả đều có lợi. Ai cũng biết mình đã ra biển và đã can đảm không sợ... nắng.

Tắm biển thông dụng cho người yêu nước. Hơi giống kiểu tắm của tất cả mọi người. Chỉ khác ở ngoài trời, giữa đám đông, mặc quần áo, nhưng không dùng sà phòng. Kiểu này chia ra nhiều loại : tắm nửa chừng, nước chỉ ngập đến ngang người, có khi chỉ từ đầu gối trở xuống. Tắm như cá sống, nghĩa là tưởng tượng như mình là cá vẫn sống quen ở dưới nước, bơi lội tung tăng. Tắm như cá

chết, nghĩa là nằm ngửa mặt lên trời, người thật thẳng và cứng đờ, nổi lềnh bềnh trên mặt nước, mặc sóng gió muốn đưa tới đâu cũng được. Kiểu này thông dụng trong giới bụng nở hơn ngực. Họ có biệt tài về môn này.

Tôi đã phải mở tròn xoe mắt nhìn một cách thán phục một bà ước lượng độ ngoài bẩy chục cân. Nằm ngửa trên mặt nước, hai cánh tay khoanh dưới đầu làm gối, toàn thân bà ta nổi phềnh lên như quả bóng cao-su đầy hơi. Khi tôi thành thật ngỏ lời khen ngợi, bà ta đáp một cách rất khiêm tốn :

— Tại tôi không biết bơi. Đứng mãi mỏi chân, phải nằm nghỉ như thế cho đỡ mệt.

Quần áo tắm biển cũng rất nhiều kiểu. Đàn ông giản dị, suềnh soàng lắm, chả có gì đáng chú ý. Đàn bà nhiều sự hơn, cần phải có mỹ-thuật, hợp thời trang...

Thường gặp nhất là kiểu áo tắm liền một miếng, che kín từ ngực tới đùi. Kiểu nguyên-tử thì nhỏ lắm, mắt kém phải đeo kính mới trông thấy. Mặc kiểu này cần phải có trái tim thật vững chắc. Kiểu kém thông dụng, vì không mấy được chiêm ngưỡng, chỉ hạng các bà đã hết trẻ trung, hơi lỗi thời dùng. Đó là ở trên cạn làm sao thì dưới nước như vậy.

Thôi thì đủ mầu sắc, đủ các kiểu thân hình. Cân đối như quả bầu, đường cong... queo như thanh củi khô... Thật là một cảnh tượng không thể chán mắt, vô cùng ngoạn mục và vui nhộn.

Đã ra đến biển, ai cũng lợi dụng triệt để thời gian ở biển, thú vui của biển. Có người thuê xuồng đạp từ lúc đến cho tới lúc về. Người có xe nhà thì cố đi một lần cho hết. Thưởng thức, nếm thử nước mỗi nơi một tí cho đỡ phí thì giờ. Sáng tinh sương tới Vũng-Tầu, xuống bãi trước, ra bãi sau, đến bãi Dâu. Chiều ghé Long-Hải, Nước-Ngọt. Vừa tối mịt thì về tới nhà.

Có lẽ vì thế nên khi hỏi thăm biển thế nào, thường được nghe trả lời :

— « Biển như một... vũng nước rộng, có rất nhiều quán bán giải khát... »

Dường như không có đâu bình dân bằng biển. Đủ hạng người mà không mấy rõ rệt sự cách biệt. Ai cũng có thể đi biển với túi tiền, với phương tiện của mình. Đã đến biển là tự nhiên như ở nhà mình vậy.

Không thể xoay nổi một phòng ở khách sạn để có giường đệm bông trong khi trời nóng như thiêu, công chúng tự lấy lề đường, bãi cát làm nhà. Một cái chiếu đủ cho cả gia-đình. Không cần màn. Muỗi nào đứng yên được với gió biển ? Tới bữa, chỉ kiếm ba hòn gạch, một ít giấy vụn, cành cây khô là đủ có một bữa cơm ngon lành. Ấm cúng nhờ nắng, ròn rã nhờ cát.

Thật không có nơi nào giản dị và dễ sống như biển. Và cũng không có nơi nào tự do về cách ăn mặc như biển.

Cũng bộ quần áo, ở thành thị, thôn quê, miền núi, không ai dám mặc, dù ở trong nhà. Ở biển thì đi diễu trên bãi cát rất tự nhiên.

Chính dân miền biển lại có những tư tưởng rất ngược đời. Ít ngày đầu, gặp ai tối cũng làm quen và hỏi :

— Bà (hay cô, ông...) hay đi tắm vào lúc nào ? Buổi sáng hay buổi chiều ?

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ai cũng nhìn mình bằng con mắt rất khó hiểu. Khiến tôi có cảm tưởng là mình « nhà quê » quá.

Sau này tôi mới được biết dân chuyên môn sống ở miền biển rất sợ tắm biển. Người ta sợ đen. Một vài cô có muốn thân hình đẹp, phải đi tắm trước khi mặt trời dậy, sau khi mặt trời về nhà.

Tắm thế không mấy vui. Vì ở trong tối, ai biết mình đẹp hay xấu, béo hay gầy, trắng hay đen. Song chừng nào đi ở phố, sẽ không biết mình là dân... đồng chua nước mặn. Sẽ không có so sánh phân biệt.

* * *

Tôi vẫn biết rằng sự cấm đoán của thầy thuốc là vì quyền lợi của người ốm. Tôi vẫn nhớ những lời dặn của bác-sĩ : « Không được phơi nắng. Không được để bị sương và lạnh. Hễ thấy khó chịu phải về ngay... »

Tôi vẫn nhớ và rất kính trọng lời của thầy thuốc. Nhưng buổi sáng sáu rưỡi nắng đã ngập bãi biển, mà bấy giờ rưỡi chưa hết lạnh. Buổi chiều sáu giờ chưa hết nắng, năm rưỡi đã bắt đầu có sương, lạnh. Như vậy tôi ra biển để làm gì ?

Lẽ dĩ nhiên nóng hay lạnh là do sự « cảm thấy » của riêng tôi. Không thể hỏi người khác. Những người bình thường.

Hôm đầu tiên tôi thi hành rất đúng lời bác-sĩ, tuy rất đẹp trời. Ngày thứ hai, không thể cưỡng lại tiếng gọi của biển cả, tôi lấy cớ « lúc ấy » trời không nắng, không lạnh, đi ra bãi biển rồi xuống « thử nước » một tí. Ngày thứ ba tôi chỉ nhìn biển qua cửa sổ.

Muốn thử lần nữa, ngày thứ tư tôi chọn bốn giờ rưỡi tới năm rưỡi chiều. Giờ ấy nắng bắt đầu dịu và chưa có sương, chưa lạnh.

Một hai lần, nghe ngóng không thấy gì lạ, tôi nhất định chọn giờ ấy làm giờ tắm biển. Đã xuống đến biển thì lời căn dặn : « Đừng làm quá sức, thấy mệt phải nghỉ ngay... » thành vô dụng.

Tôi muốn ở bãi biển suốt ngày. Sự vui đùa khoẻ mạnh của mọi người làm tôi khoan khoái, cũng muốn vui lây. Sóng biển quả là một người bạn tinh nghịch không biết mệt, không biết thế nào là buồn, là chán, không để cho tôi đứng yên hay buồn, chán, dù một giây.

Ở bên sóng, tôi cảm thấy mình khoẻ mạnh, ham sống, tràn trề nghị lực và sức chiến đấu.

Đôi lúc sự yêu thương, cảm mến quá cuồng nhiệt, tôi muốn ôm lấy những làn sóng, muốn áp má mình vào má của sóng, muốn ghì chặt lấy những cánh tay mạnh mẽ của sóng... Tôi muốn ôm trọn tất cả những đợt sóng đáng yêu, đáng mến này vào lòng, trong đôi tay mềm yếu của mình. Tôi sẽ giữ sóng ở bên tôi mãi mãi.

Nhưng sóng chỉ là người bạn tinh nghịch, có tâm hồn bao la như biển cả. Đời đời sống cho lý tưởng : là bạn của tất cả mọi người, đem vui sống cho tất cả mọi người.

Ở bên sóng tôi cảm thấy tâm hồn mình trở nên rộng rãi hơn, sự yêu thương không còn ở riêng một khu vực nào. Ước gì lòng yêu thương của tôi được như sóng, vô cùng vô tận, tràn hết tất cả... Tôi sẽ làm cho sự thù ghét, giận hờn chết hẳn ở trong lòng người.

Tôi ưa ngồi trên cát, duỗi chân cho sóng ôm lấy, đưa đẩy bập bồng. Nhắm mắt lại, tôi thấy mình không còn ngồi đây nữa. Với những lời thì thầm êm

dịu, sóng đã đưa tôi đến tận nơi nào. Đi khắp các nơi sóng đã từng đặt gót. Cứ yên lặng nghe một cách ngoan ngoãn, sóng sẽ nói mãi bằng một giọng đều và rất ấm. Sóng kể những chuyện ly kỳ, vui thích, hay đau thương rùng rợn mà sóng đã mục kích ở khắp các chân trời.

Nhưng nếu mở mắt ra, hỏi sóng một điều mình thắc mắc, muốn biết, sóng sẽ giận dỗi tan ra. Có dáng điệu sẽ không trở lại. Nhưng chỉ một tí thôi. Vì sóng không hề giận dỗi ai lâu. Sóng là một người rất lắm điều, bướng bỉnh. Chỉ thích nói chứ không muốn nghe. Thích kể chuyện mà không muốn trả lời.

Những lúc ấy tôi muốn tất cả mọi người được ra biển sống như tôi. Tôi muốn tất cả mọi người sẽ yêu sóng như tôi, cảm thấy những điều như tôi. Tôi muốn tất cả sẽ sung sướng, như tôi đang được sung sướng.

Ở đây đời tốt đẹp hơn sự thật nhiều. Ở đây chỉ có lòng thương yêu và sự bình thản. Tất cả đều bao la bát ngát như biển cả.

TUYẾT-HƯƠNG

---

những bàn tay mạnh

★ *BÙI-KHÁNH-ĐẢN* ★

Biết bao giá-trị những bàn tay
Hoạt-động trong công việc mỗi ngày
Chỗ nổi lằn chai gang thép cọ
Nơi loang vết nhọ mở dầu dây
Ngón mềm mê mải đưa dòng chữ
Gân cứng say sưa vạch luống cày
Xã-hội tương-lai đều dựng bởi
những bàn tay mạnh của hôm nay

B. K. Đ.

TAI HỌA CUỐI CÙNG

★ *Truyện ngắn của* VÕ-HỒNG

NGÀY này sang ngày nợ túi bụi vì công việc, chỉ thỉnh thoảng có một ngày chủ-nhật rảnh, gặp một vài người bạn quen nói chuyện bâng quơ, thế mà cũng đủ để Phương phải nghe một tin không chút gì lý thú : tin tận-thế.

Tin phát ra từ cuối năm 1959 và được nhiều người biết là vào dịp Tết Canh-Tý 1960. Tết là dịp người ta chúc nhau khỏe mạnh, giàu sang và sinh đẻ sai. Tiếp theo là uống rượu mùi, hút thuốc lá thơm và nhá hạt dưa. Nhưng nếu chỉ làm có bấy nhiêu việc đó thì phiền lắm, phiền cho chủ-nhân cứ phải nhìn mãi ảnh mình treo trên vách, phiền cho khách cứ từng chặp lén ngó đồng hồ tay. Không, người ta phải kiếm chuyện để nói cho đầy ít nhất là 15 phút xã giao. Mọi câu chuyện hợp thời được bới ra, trong đó có câu chuyện bức thư ở Fatima tiên-đoán vận-mệnh của trái đất, của nhân loại. Người đầu tiên nói cho Phương nghe tin này là một ông bạn có tuổi.

— Không khéo chúng ta rồi nguy cả.

Vốn không có tính tò mò nên Phương chỉ mở to mắt ngồi đợi ông bạn tự ý nói tiếp câu khai mào bỏ dở :

— Năm 1960 đúng là năm Giáo-hội mở bức thư tiên-tri ở Fatima.

Phương nhìn lên tấm lịch treo tường.

— Chúng ta hiện ở vào tháng Giêng 1960 rồi. Chắc bức thư đã được mở rồi.

— Chắc đã mở rồi nhưng chưa thấy công bố nội-dung. Chắc hẳn có những sự đáng lo ngại cho vận-mệnh nhân-loại.

— Chắc hẳn.

Phương đáp lại như một tiếng vang. Thấy chàng không có ý sốt sắng dự đoán và tưởng tượng, ông bạn già lặng lẽ nhấp nước trà và lặng lẽ hút thuốc.

Ấy thế mà sang ngày Tết lại chính Phương là người hay nhắc đến bức thư tiên-trí này nhất, Chàng còn hăng hái lý luận, dự đoán nữa. Sự phát-triển nhanh

chóng của khoa-học nguyên-tử, sự chạy đua võ-trang của thế-giới, những cuộc biểu tình, những bản kiến-nghị yêu cầu đình-chỉ thí-nghiệm nguyên-tử của các nhà khoa-học và của các dân tộc văn-minh khiến Phương nghĩ đến vận mệnh của thế-giới một cách bi-quan. Và thế là chàng tự ý giải-thích bức thư tiên-tri theo quan-điểm bi quan của chàng. Những người nghe đều gật đầu suy-ngẫm. Ít có vấn-đề nào lại khéo gây sự đồng-ý bằng vấn-đề này. Không ai phản-đối hết. Vì tận-thế là chết cả, người giàu kẻ nghèo, người sang kẻ hèn tất cả đều chết một cách bình đẳng. Không còn ai được quyền thương-hại ai và lẽ tất nhiên là khỏi có ai phải bực mình vì bị người khác thương hại dùm. Thật là bình-đẳng đến mức lý-tưởng. Khi biết chắc không có ai được hưởng đặc-quyền sống sót, mọi người cam chịu tận-thế một cách bình tĩnh, bằng lòng. Nhưng... may thay, đó mới chỉ là những ức-đoán vừa có vẻ thật, vừa có vẻ không, nhất là vừa đủ để vui câu chuyện trong ngày Xuân. Chứng có là khi bắt tay giã-từ, chủ và khách vẫn long trọng chúc nhau một lần nữa :

— Ngồi nói chuyện với Bác thế mà đã lâu rồi, không dám quấy thì giờ Bác nhiều hơn. Thôi thì lại xin kính chúc Bác một năm đại phát-tài, thăng quan tiến chức...

— Dạ, cám ơn Bác. Cũng xin kính chúc Bác và quí quyến một năm mới thọ-phúc khang-an.

Quả thật vậy, câu chuyện tận-thế cuối cùng chỉ là một câu chuyện.

*
* *

Những ngày xuân êm-đềm và thong-thả qua đi, mang theo đi luôn những ước mong, những niềm tin dễ dãi. Cuộc sống bận rộn lại lôi kéo Phương vào một nhịp quay cuồng khiến chàng nhiều hôm quên cả bóc tờ lịch trên tường. Lặn hụp trong sự sống, quay cuồng theo sự sống, sống theo thói quen, nhiều lúc sống một cách vô ý-thức khiến đôi khi ngồi bình tĩnh nghĩ lại chàng đau xót thấy rằng mình đã quên mình đang sống. Và như thế là cái tin tận-thế đã được đẩy lui vào dĩ-vãng nếu một buổi chiều kia, tiện chân không ghé vào nhà một chị bạn, chị Dung. Chính chị Dung ra mở cổng. Vừa bước trở vào phòng khách thì một mâm cơm ăn nửa chừng làm chàng hoảng-hốt dừng lại. Dù là gia-đình quen, quen đến cái độ coi như bà con, Phương cũng thấy ngượng vì mình đến thăm không nhằm lúc. Bữa cơm ăn dở dang trông hỗn độn như một bãi chiến-trường, nhất là bãi chiến-trường ấy lại diễn ra ở trên chiếu, giữa phòng khách. Thật vô-tình mà đến ba, bốn tầng bất ổn đã kết-hợp lại trong sự tổ-chức cuộc ăn chiều này, ăn quá sớm so với thường lệ. Bà cụ má chị Dung giục chàng bước vào :

— Cậu Phương vào tự-nhiên. Mời cậu ngồi ở xa-lông nói chuyện.

Chị Dung cũng tươi-cười mời :

— Anh ngồi chơi. Bà con ở trong nhà mà. Trời nóng quá, bà má bày đặt ăn cơm trên chiếu.

Phương lật đật an ủi chị :

— Đó cũng là một cách trở bữa ăn, chị Dung ơi! Thay đổi chỗ ngồi cũng làm cho mình ngon miệng như là thay đổi món ăn vậy.

Bà cụ muốn dài dòng, đâm ngang câu chuyện một cách thực-tế :

— Lũ nhỏ này, — cụ chỉ sáu đứa cháu nội ngồi la liệt trên chiếu, — chúng nó ồn ào quá. Ngồi vào bàn ăn thì đứa kéo ghế, đứa giựt khăn bàn, đứa chồm lên, đứa làm đổ canh, đứa hụt chân ngã, phiền mình, khổ mình. Đem dọn « cha » nó xuống đất cho rảnh việc.

Phương cười to, cười ngon lành vì lối nói không kiểu-cách của bà cụ. Lũ nhỏ lấy cái không khí cởi mở tự-nhiên, đã trở lại ồn ào, nhai cơm, húp nước canh gõ đũa vào chén, hít mũi, nói chuyện. Nhưng chị Dung thì hình như vẫn chưa tìm lại được sự tự-nhiên. Chị và một miếng cơm quá nhỏ, nhai cơm mà không gắp thức ăn. Chị nhìn ra sân nheo nheo mắt. Một tay cầm đôi đũa chống hững hờ vào giữa bát cơm. Như chợt nghĩ ra một điều gì vừa ý, chị quay sang Phương :

— Lũ nhỏ này lộn xộn quá, anh thấy không ? Thật là điểm tận-thế mà.

Thằng cháu Thạnh chừng chín tuổi, lè nhè cướp lời :

— Cô giáo con cũng mới bảo là sắp tận-thế đó, cô Năm ơi. Ghê lắm.

Chị của Thạnh, bé Điểm, góp ý liền :

— Mấy đứa bạn của tao, con Gái, con Nga, thằng Ánh, cũng nói sắp tận-thế.

Bé Đức, Tuyết ngậm một miệng cơm đầy, lúng búng nói :

— Thầy giáo con. . .

Thằng Căn, đũa còn khuấy trong bát canh chưa quơ được một miếng thịt vừa ý, ngửng mặt lên :

— Bà nội à, anh xích-lô chở con đi học nói rằng tới ngày tận-thế thì. . .

Bà cụ nạt lên một tiếng :

— Thôi im đi, tụi bay nhỏ.

Nghe tiếng nạt, lũ nhỏ gác bỏ thắc mắc cúi xuống lầm lũi ăn. Bà cụ quay lại phía Phương :

— Ai cũng nói đến ngày tận-thế. Cậu Phương có sợ tận-thế không ?

Thật là khó trả lời vì chàng chưa hề cân kỹ xem bên sợ và bên không sợ bên nào nặng nhẹ hơn.

Chị Dung đỡ lời :

— Bà già hỏi ngộ quá. Sao lại không sợ ?

Phương thấy rằng chị Dung có lý. Ừ, sợ chứ sao không sợ. Nói quách như chị Dung có phải tiện không và có phải thật thà hơn không ? Sao lại tránh nói sợ khi ít nhiều mình cũng sợ thật ?

Chị Dung tiếp :

— Kinh-Thánh có dạy rằng khi Quỷ Vương ngự trị, khi dân Do-Thái lập quốc, khi trên trời có những điềm lạ, đó là lúc tận thế.

— Tận thế nghĩa là hết sống, chết thì càng khỏe chứ sao. Khỏi phải bận tìm kế sinh nhai.

— Nhưng chết đâu có êm ái như anh tưởng. Thiên tai xảy dồn dập. Nơi này núi lửa phun lên, nơi kia sóng thần cuồn cuộn tràn vào thành phố, nơi khác động đất...

Như được khơi nhằm mạch, óc Phương nghĩ ngay đến những thiên tai chàng đã thuộc lòng lúc đi học, những quanh cảnh chàng đã từng tưởng tượng thấy : trái đất nứt ra, người vật nhà cửa đổ nhào xuống rồi đất khép lại..., hỏa sơn phun khói phun tro đầy trời và tro rơi ngập cả thành phố làm chết ngạt người trong đó. Rồi sét đánh, rồi mưa lũ, gió to, nước dâng vân vân... Khắp nơi, tiếng người rú lên kinh khủng, tiếng kêu gào đau xót, tiếng khóc thảm thương trong khi Tạo-hóa hoặc như vô tình, hoặc như phẫn nộ, lần lượt gieo các tai họa xuống. Các tai họa lúc thì diễn ra một mình, lúc thì đồng diễn phụ họa, lúc thì theo nhịp thong thả, lúc thì rộn rã tới tấp, nhân loại sẽ có cảm tưởng như đang dự một cuộc đại hợp tấu mà các mục trong chương-trình được tuần tự trình-bày.

Lúc giã từ chị Dung và bà cụ, Phương nhận những lời chào mà hơi thẫn thờ không để ý. Những tiếng thưa của lũ nhỏ « Thưa chú đi về... Dạ thưa chú... Chú đi về ạ... » Ồn ào và có pha nghịch ngợm chỉ được chàng trả lời bằng giọng « ừ... ừ, chào mấy cháu » hết sức là hình thức. Vì ra đến ngoài đường mà những tiếng gào khóc, tiếng sét nổ, tiếng gió rít và tiếng nhà đổ, cây đổ, tiếng nước réo như vẫn quay cuồn trong óc chàng. Đến góc phố Nguyễn-Hoàng — Lê-quý-Đôn, xe chàng suýt đâm vào hai chiếc xe đạp đi ngược chiều. Sắp sửa cáu vì mình đi đúng luật-lệ, chàng chợt mỉm cười khi người đi xe đạp trái luật quay lại chào chàng. Đó là hai cô thiếu-nữ lạ mặt nhưng đẹp. Hai màu áo đỏ giống nhau. Hai mái tóc ngắn giống nhau. Thế là từ đó trên đường về, chàng không còn nghe tiếng gào khóc, tiếng sấm sét nữa mà chỉ còn văng-vẳng tiếng nũng-nịu. « Xin lỗi ông, ông có làm sao không ạ ». Và thay vì những ánh sáng của chớp giật, ánh trăng đỏ máu hay bóng tối ngập trời, chàng thấy màu răng trắng giữa hai khuôn môi tươi và ánh mắt long-lanh ướt.

Một lần nữa, câu chuyện tận-thế vẫn chỉ là một câu chuyện.

*
* *

Thì bỗng một buổi trưa nọ ngồi giở tờ báo hàng ngày Phương đọc nhầm một tin vặt :

« Sáng 7-7 tại hẻm nhỏ ngang đường « Mạnh-Tử (Chợ-lớn) có bà lão bán guốc « vì nghe người ở nhà đọc báo bàn luận « và tin một nhóm Thiên-văn-gia Ý-đại-lợi « tiên đoán vào ngày 14-7 là ngày tận-thế « nên nghe xong bà lão bỗng tái mặt rồi « té bất tỉnh tại chỗ.

Chàng quay lại hỏi con :

— Hôm nay mấy Tây rồi bay ?

Thằng Đức nhanh nhẩu đáp :

— Mùng 9.

Bé Ngân tụt xuống ghế đi lên phòng khách. Rồi từ trên ấy tiếng Ngân vang lên :

— Mùng 9 ba à, mùng 9.

Đức hỏi :

— Chi vậy ba ? Ba hỏi chi vậy ?

Phương quay nhìn lại con. Trên nét mặt con chàng thấy có một vẻ gì háo hức. Hình như chúng đang đợi một tin gì vui chẳng hạn chúng sắp được dẫn đi xi-nê chàng sắp đưa chúng đi mua áo hay mua dép, hoặc có tin ông bà chúng ở Lò Gốm

sắp vào thăm. Chàng nhìn con giây lâu, so sánh cái tin dữ dội kia với những cặp mắt hiền lành, với tâm-hồn tin tưởng ngây thơ của con. Chàng ấp-úng :

— Ba hỏi cho biết vậy thôi.

— Không phải. Ba nói dối con, — Đức phụng-phịu.

— Không, ba nói thật đấy.

Để tránh khỏi nói dối con nhiều nữa, chàng giục :

— Thôi, mấy đứa con học bài đi.

Chàng chăm chăm nhìn con, óc loay hoay với cái tin vừa rồi. Tin tận - thế. Chàng lẩm nhẩm : Còn 5 ngày nữa. Ừ, thật không ngờ mà cái tin kinh khủng này lại đến mau thế. Từ hồi còn nhỏ đi học, chàng đã nghe người ta chuyền miệng cho nhau rằng năm 2000 sẽ tận-thế. Có đại hồng-thủy. Và trước sau không biết đến mấy lần chàng đã nhẩm tính xem đến năm 2000 mình được bao nhiêu tuổi. Thấy lúc ấy mình đã không còn trẻ nữa, chàng yên tâm không băn khoăn, không tiếc rẻ. Nay bỗng nhiên án tử-hình được tuyên-bố đột ngột. Đang làm ăn lương thiện, con người chợt được tin mình phải tội chết và chỉ trong 5 ngày nữa là bị đem ra hành hình. May thay, tin đó có nhiều hi-vọng là tin thất thiệt. Nhưng biết đâu ? Ừ nhỉ, nhưng biết đâu ? Trái đất chỉ là một hạt bụi bay lửng lơ trong vũ trụ cơ mà. Mà hạt bụi thì đâu có thể đòi hỏi cái quyền tự mình viết lịch-sử cho mình ? Huống chi là con người, quá nhỏ so với cái hạt bụi đó. Ồ, chúng ta thật y như là một bầy kiến cận - thị, vui vẻ, ồ - ạt tin tưởng, lục cục mang những mẩu cơm, mẩu bánh, cánh dế, chân sâu để về cất trong tổ. Lũ kiến, chúng bận đã thảo luận cùng nhau những chương-trình xây dựng tổ, chương-trình tiết-kiệm để qua mùa đông, chương-trình phòng vệ. Chúng hẳn đang sung sướng vì nếm trước hạnh phúc ở đầu kia chương-trình. Chúng đâu có ngờ đến cái bàn chân của một đứa bé tinh - nghịch đứng gần đó sắp sửa giáng xuống, chà qua chà lại, biến chúng và cả họ hàng chúng thành một cục nhầy nhụa viên tròn, biến lịch-sử của chúng — sao lại không gọi như thế được, — thành một chuyện huyền hoặc. Ôi ! Lịch-sử của con người sau ngày tận thế cũng vậy. Ai có thể tin rằng trái đất hoang - vu kia đã là cái nôi và là ngôi mộ của hằng hà sa số con người ? Rằng nơi đó con người đã xây dựng Hạnh Phúc và nuôi dưỡng Thù Hằn ? Còn ai tranh giành nhau nữa không, một rẻo đất, một góc vườn ? Đất rộng mênh mông đầy dẫy ra đó. Còn ai tự-hào hay ganh tị vì sự chiếm-hữu của mình hoặc của người khác nữa không ? Xe cộ bỏ không đó, lâu đài hoang lạnh đó, vàng ngọc vung vãi ra đó bên cạnh đá sỏi. Những con gà con vịt, nói chung là chim chóc, những con bò con cừu, nói chung là gia-súc, sinh sôi nẩy nở không hạn chế, đi lang thang tự do, không còn là đối-tượng thèm muốn, tranh giành, cướp giấu của con người nữa. Và cây cối ! Cây cối không bị ai hạn-chế sức phát-triển, sẽ khỏi phải tuân theo trật-tự do ai định hết. Những cây cỏ dại được dịp để lấn áp những cây kiển, những cây xưa nay được loài người chăm sóc nâng niu. À, nhưng rồi sẽ diễn ra một cuộc trả thù ghê gớm đây. Những con vật, những cây cối được loài người bảo

vệ sẽ bị các con vật, các cây cối mà loài người vốn thù ghét. hành hạ trở lại. Ồ ! Những con gà, vịt, bồ câu.... sẽ không được tự do sung sướng nữa đâu mà chúng bị mèo, chồn sát hại. Bụi tùng bụi cúc không bị cắt xén, uốn theo hình phượng hình lân nhưng sẽ không kịp hớn hở mà đâm chồi tự ý vì những bụi gai bụi cỏ tràn lên ăn hiếp. Phương không ngờ rằng sự lý luận, sự tưởng tượng lại mau dẫn chàng đến một ngõ kiệt như vậy. Té ra sau cuộc tận thế, thoát khỏi bàn tay và khối óc chinh phục của con người, các sinh vật vẫn không tìm thấy tự do, tự do triệt để. Chàng thất vọng. Như một chiếc phi - tiễn muốn vượt không gian mà vẫn bị sức hút của trái đất kéo lại, trái đất to lớn luôn luôn có mặt để nhất định không buông thả một ý chí nào muốn vượt khỏi quyền hạn của nó. Chàng thất vọng. Sự thất vọng to lớn và thành thật đến nỗi tới đây, chàng không còn biết rằng mình đã suy tư bắt đầu từ điểm nào. Khi nhớ lại rằng mình đang phải đối diện với cái Chết, cái Chết rùng rợn mặc dù là đại đồng, cái Chết sẽ đến đúng kỳ hạn, chàng tự trách là mình đã nghĩ vẩn vơ vô ích hết sức. Điều đáng cho chàng phải lo nghĩ là nên có thái độ như thế nào. Vừa loay hoay tìm thái độ thì con chàng đã nhẹ nhàng nhắc :

— Một giờ rưỡi rồi đó ba. Sao ba chưa đi nghỉ ?

Chàng vâng lời con, bỏ tờ báo xuống bàn, bước vào phòng riêng.

— « Còn 5 ngày nữa — chàng vừa lê dép vừa tự nhủ — chưa gấp phải định thái độ ».

Những ngày sau, chàng hay lưu ý xem phản ứng của những người xung quanh đối với tin tận thế đã loan trên báo. Mặc dù bản tin chỉ chiếm nhu-mì có mấy dòng và được xếp bằng chữ nhỏ nhưng chàng chắc chắn nhiều người đã loan truyền đi rồi. Mấy khi tờ báo đăng một tin có liên quan đến nhiều người như vậy ? Nhưng sao sự sinh hoạt hình như không có gì thay đổi ? Người nào cũng chăm chăm đi về cái hướng của mình định đến, vượt lên những kẻ chậm chạp hơn họ. Các hiệu ăn vẫn đông khách hàng. Cả đến những hiệu uốn tóc. Xe đạp vẫn trôi cuồn cuộn trước các trường học. Những chiếc xe nhà binh vẫn gầm thét hiên-ngang. Chàng không biết nên thương-hại những người vô-tư kia không. Họ có giống những con kiến mà mình đã lẩn-thẩn nghĩ bữa trước không ? Hay là họ khinh ngay cái nhóm tiên-tri ngớ - ngẩn của xứ Ý-đại-lợi mà không thèm tin ? Thật là nát óc khi muốn tìm một câu trả lời thoả-đáng. Chàng đành chỉ xét đến trường-hợp của riêng mình. Nếu có tận-thế thật thì trước hết mình cũng không tiếc gì lắm. Cuộc đời sướng khổ đã nếm qua, chàng không thấy háo hức nữa. Có 4.000$ nợ bà Ngọc chàng chưa trả. Chết khỏi trả nợ không phải là điều mừng vì trước hay sau gì chàng cũng định trả đầy đủ cho người ta. Bạn chàng vay 2 000$ đã hơn một năm nay, muốn vỗ nợ nên cố tránh mặt, lì không trả. Chàng đã mấy lần muốn viết thư mắng cho một trận rồi bỏ luôn nhưng may là rốt cuộc chàng đều nhịn không viết thư. May lắm, vì nếu viết thư mắng thì được gì ? Có điều đáng để tiếc nhất là dành dụm được 300 000$ mà bây giờ sắp không dùng đến được. Đó quả là một sự ân-hận. Đáng lẽ mình đã tiêu-pha cho hết, mắc nợ thêm vài trăm ngàn rồi hãy tận thế. Làm ăn chí-thú và lương-thiện quả không phải

là thượng-sách trong cuộc sống có hi-vọng kết-thúc bằng tận-thế. Chàng muốn chuộc lại sự lầm lấn của mình. Phải sống bất lương ! Chàng có trước mặt hai ngày nữa. Thật chả bõ. Tuy vậy chàng cũng thử tìm xem mình có thể sống bất-lương như thế nào. Lừa đảo ? Nhưng lừa-đảo để làm gì nữa trừ phi để muốn được chết cạnh một triệu bạc chẳng hạn như một thằng khùng. Ăn chơi phóng túng ? Không chắc đã sung sướng khi óc mình không thoát sự ám-ảnh của cái Chết Nhưng xét cho kỹ, ăn chơi phóng túng có nghĩa là làm gì ? Là cờ bạc, rượu chè, thuốc phiện và đĩ thoã. Bảo rằng phải vội-vã đi đánh bạc cho thoả thích để mà chết là một chuyện ngớ ngẩn không ai có thể nhịn cười được. Còn uống rượu thì được bao nhiêu ? Tửu lượng của chàng không quá một chai bia mỗi lần, sự hoang phí không quá mười lăm đồng bạc thì nói đến rượu chè chỉ là một sự mỉa mai lớn. Thuốc phiện thì chàng chưa tập hút. Những món say sưa gây được bệnh ghiền mà chàng từng nếm như rượu, thuốc lá, cà phê, lúc mới tập đều gây cho ta những cảm-giác khó chịu hơn là thích-thú. Thuốc phiện chắc cũng thế. Vậy không điên rồ gì mà đi mua những cảm-giác khó chịu khi không chắc sẽ nếm những thích-thú sẽ đến sau. Đi thoã có lẽ là cái thú dễ dàng hơn hết. Nhưng cũng chưa chắc. Tìm một người đẹp vừa ý mình mà lại bảo là dễ dàng ? Tiền dễ tạo hơn tình nhiều chứ. Đồng tiền không hề chọn người tạo ra nó. Xấu hay đẹp, ngay hay gian, thông minh hay ngu xuẩn không phải là tiêu-chuẩn mà đồng tiền nhắm. Chứ tình yêu có con mắt hơn, đòi hỏi nhiều điều-kiện hơn. Ồ ! Té ra muốn chơi bời phóng túng cũng không phải là một việc dễ dàng. Sống cuộc đời đạo-hạnh ai cũng khen vì ai cũng cho là khó, nhưng sống trái lại, sống trụy lạc, sống bê tha, sống điêu xảo nào đã dễ chi ?

Tóm lại, cứ theo cái đà lý-luận này, Phương đã sống cuộc đời rất bình thường cho đến ngày 13 tháng 7. Trưa hôm đó, chàng nhìn lũ con ăn uống ngon lành mà thương hại. Có lẽ nên cho chúng biết rằng ngày mai là tận thế đi. Để chúng tùy nghi mà sửa soạn lấy. Có thể lắm chứ, trẻ con cũng có những băn khoăn riêng của chúng, những nếp tâm-tư mà người lớn không hiểu được. Nhưng nên nói thế nào cho chúng đừng sợ hãi đây. Thằng Đức nhút nhát hơn cả, cứ mỗi lần nghe xe chữa lửa rú lên là nó sứ xanh mặt lại. Sét nổ cũng là một nỗi lo âu của nó. Cả chị Hai, chị bếp nữa. Cũng cần cho chị ấy biết kẻo lỡ cuộc tận-thế kéo dài chị ấy có đủ thì giờ để trách mình sao không cho biết trước. Riêng đối với chị này thì phải cho biết khéo léo thế nào để chị đừng rối trí đến nỗi bỏ quên bếp núc, bỏ đói cha con chàng. Ý đã quyết, chàng đợi lúc chị Hai lại bàn xới thêm cơm, chàng lấy giọng điềm-nhiên hết sức bảo con :

— Tụi bay biết không ? Có ông tiên-tri Ý-đại-lợi nói rằng ngày mai tận-thế.

— Tận-thế là sao hở ba ?

— Nghĩa là mọi người đều chết hết.

Thằng Đức reo lên :

— Thế thì sướng, khỏi phải đi học.

Sợ rằng con còn hiểu lầm giá-trị của sự « tận-thế » nên mới có thái-độ có vẻ đùa nghịch dễ dàng, chàng cẩn thận giảng tiếp :

— Tận-thế nghĩa là chết hết cả đó, không còn ai sống nữa.

Bé Ngân đang ngậm miếng cơm, mở mắt nhìn chàng giây lâu, nhìn ra chuồng bồ-câu ở ngoài sân rồi hỏi :

— Thế mấy con bồ-câu cũng chết hết hở ba ?

Chàng không trả lời để giữ vẻ nghiêm trọng của vấn-đề. Chàng đợi phản-ứng của Lý vì Lý lớn hơn cả. Chàng thấy Lý vừa nhai cơm vừa suy nghĩ. Cuối cùng, nó nhìn lên chàng, nói :

— Trưa nay ba có rảnh không ? Ba giảng dùm cho con bài Grammaire. Chàng nhìn ba đứa con, thất vọng như một anh hề pha trò mà không ai cười. Chàng dự-trù nghe những tiếng rú kinh-ngạc và sợ sệt. Chàng đã chuẩn-bị sẵn những lý để trấn-tĩnh, để an ủi. Hão huyền cả. Tin tận-thế rơi vào trống không, không ai phụ-họa. Chị Hai thì lặng lẽ lại ngồi chùi nắp soong. Nếu chị tin rằng ngày mai tận-thế thì chắc chắn chị không huy động cả hàng tá nắp soong ra mà chùi cẩn-thận thế kia. Tâm hồn bơ vơ, chàng đành bắt chước mọi người mà trở lại cái nhịp sống hàng ngày. Chàng nhẫn-nại ngồi giảng bài Grammaire cho con. Chừng mươi phút sau, nguồn vui trở lại. Chẳng thấy rằng thái độ vô-tư của lũ con mình, bình-tĩnh của chị Hai mới chính là thái-độ mình muốn có.

Dầu vậy, chàng cũng không thể không bắt đầu ngày 14 tháng 7 một cách long trọng. Lúc cầm cái bàn chải răng, chàng nói :

— « 14 tháng 7 là hôm nay đây ».

Và khi ngồi ở sở làm, chàng vẫn nghĩ phòng xa : Có thể có một tiếng nổ rầm rồi tất cả tối sầm lại. Hoặc nhanh hơn nữa, tiếng nổ chưa nghe mà bỗng nhiên không ai còn biết gì hết. Y như người bị sét đánh không kịp thấy chớp, không kịp nghe tiếng nổ, không kịp biết là mình như thế nào. Và thế là cáo-chung lịch-sử của nhân-loại. Thật chưa bao giờ con người sắp dự một cuộc biến-chuyển vĩ-đại mà khỏi phải xếp đặt gì hết. Phương quay nhìn những người bạn ngồi cùng phòng với mình kia. Anh Sinh lách tách gõ máy chữ, chăm chỉ nghiêm trang coi như việc gõ máy chữ là việc quan trọng nhất trong nhân-loại. Chị Oanh cộng một hàng số mà bôi đi xóa lại. Phải rồi, chị cứ mỉm cười thế kia còn tay trái thì cứ mân mê mái tóc : quả là chị mới uốn tóc chiều qua. Con người mâu-thuẫn thật. Giá mà nổ ầm lên một tiếng rồi có ai la « tận thế rồi, trời ơi ! » thì anh Sinh sẽ không còn thấy đánh máy chữ là quan trọng nữa và chị Oanh sẽ quên rằng mình mới vừa uốn tóc. Phương vừa buồn cười vừa thương-hại cho con người nhỏ nhoi yếu đuối. Và chàng cũng cúi đầu xuống trang sổ như những người bạn của mình. Nhờ công việc như vậy mà rồi giờ khắc qua đi như thế nào chàng cũng quên không để ý. Mãi cho đến chiều tối, túc nằm ở ghế dài đặt trước hiên chàng mới đủ thì giờ mà nghĩ và nói :

— Có lẽ không có tận-thế.

Nhưng chàng còn nghi rằng tận-thế có để dành cho đêm nay. Ồ ! Như vậy thì rùng rợn lắm. Thà để cho con người thấy rõ vận mệnh dành cho nó, giữa ban ngày. Tận-thế xảy ra ban ngày sẽ có nhiều tiếng khóc, tiếng gào nhưng bớt được

tiếng kêu gọi nhau, tìm kiem nhau. Ban đêm !... Nhưng thành thật mà nghĩ, Phương thấy rằng mấy anh chàng tiên tri Ý-đại-Lợi đã thua cuộc rồi. Ba phần tư thì giờ đã trôi qua, trái đất và mặt trời vẫn hòa-thuận với nhau như hàng triệu triệu năm trước. Xung quanh tiếng trẻ con học bài vang vang, tiếng đọc kinh tối ở nhà bên cạnh đều đều một giọng Những bản nhạc vẫn trầm bổng phát tự chiếc máy phát-thanh. Những giọng ca lả-lướt yêu đương, những bức thông - cáo trịnh trọng, những bản tin - tức rộn ràng như nhắc chàng nhớ rằng trên mọi địa - điểm của trái đất, con người đang sống, đang tiêu-khiển, đang làm việc và đang hi-vọng. Cái cảm giác về sự sống chung-đụng này giữa mọi người trên thế giới không biết vì sao lại làm cho chàng thêm tin tưởng rằng loài người còn tồn tại. Sự tin tưởng làm chàng phấn-khởi, nhất là khi nhìn bé Ngân nằm ngủ say sưa, đầu đặt trên gối, hơi thở nhịp nhàng. Nhìn một đứa bé ngủ, người ta quả có thêm sự yên-tĩnh trong tâm hồn.

Lúc chàng lên giường thì những câu chuyện nhảm nhí ở một trang báo Nhi-đồng choán khoảng thì giờ còn lại ngăn cách chàng với giấc ngủ. Và khi chàng chìa tay ra ngoài màn bấm vào cái nút của chiếc đèn giường, óc chàng trống rỗng, không có một ý gì ám ảnh hết. Thật quả là không xứng với những giờ quyết-liệt còn sót lại. Điều đó, lẽ tất nhiên sau này chàng mới nghiệm thấy.

Sáng hôm sau chàng chỗi dậy theo mặt trời. Chị Hai quét vườn, tiếng chổi lê sạt-sạt. Hai con vịt bàng xóm lẻn chui rào tự lúc nào đã bắt đầu cuộc tảo-thanh xung quanh vại nước. Gió thổi lao xao lay động tàu lá dừa và cành lá na, lá mận. Màu lá xanh chứa sức sống dồi dào. Chàng ngẩng lên nhìn trời. Những vảy mây bạc viền màu hồng cũng tưng bừng sự sống. Tất cả mọi vật xung quanh chàng như cùng ca ngợi cuộc đời một cách mãnh liệt, vui say. Chàng nói lên như một lời giã từ :

— Thế là hết tận-thế.

VÕ-HỒNG.

CÁO LỖI

Vì lý do riêng, bài « Somerset Maugham » đăng trên B. K. số 103 ngày 15-4-61 chưa đăng tiếp ngay được. Vậy xin trân trọng cáo lỗi cùng bạn đọc Bách-Khoa.

mát trời

ĐOÀN - THÊM

Giăn sóng hè nguôi nắng
Giờ xanh lặng vẻ thu
Mưa gieo vườn óng cỏ
Gió biếc nhẹ cành ru

Trưa nay đời dịu bóng
Hương đọng ứa tình ngâu
Mành nước che hiên bạc
Nhô bông, lựu nầy mầu

Buông kín, mây thầm ngủ
Lòng sông ngả ánh trời
Tơ màng căng mối nhện
Ngọc dỏ đẫm hồng tươi

Dang tay chìm đáy mộng
Nghiêng gối tưởng kề vai
Dụi mắt đèn rung sáng
Chiều hôm ngỡ sớm mai.

Đ. T.

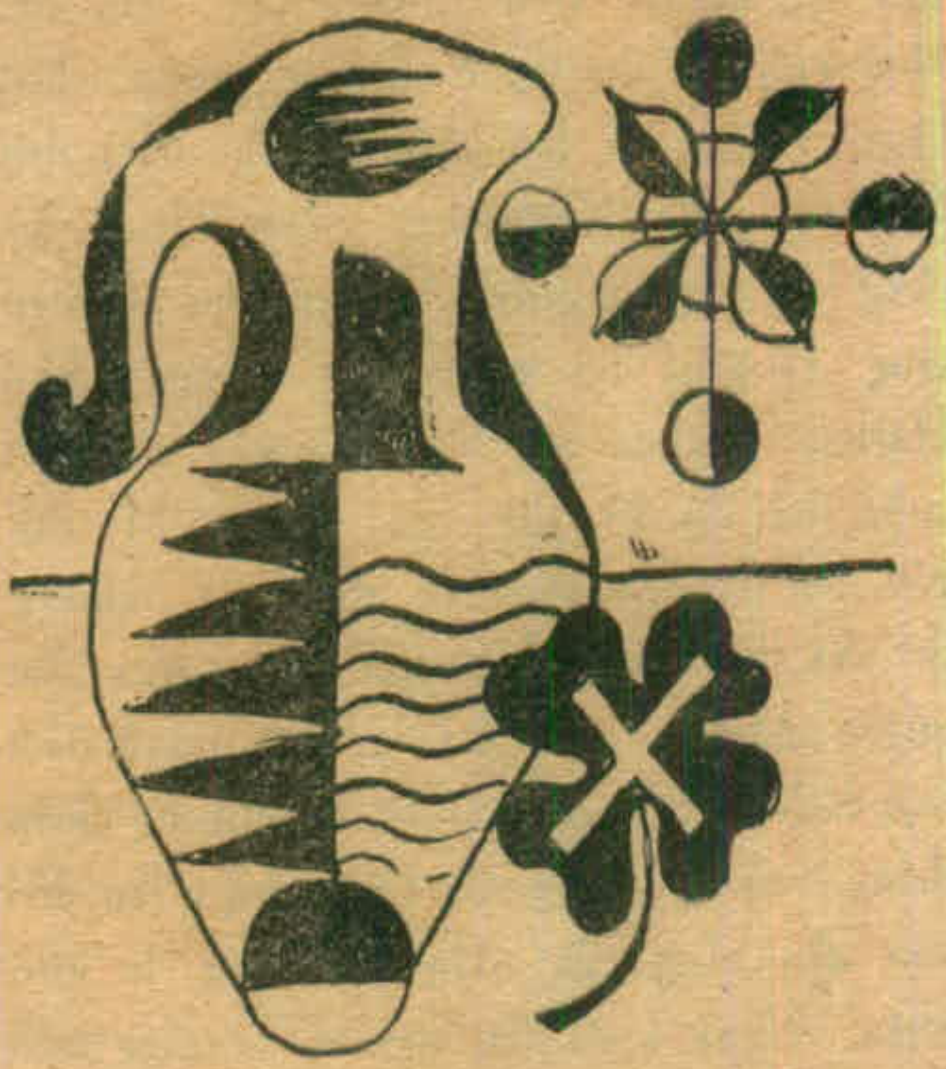

SINH-HOẠT

★ *THU-THỦY* ★

Vấn đề da đen ở Hoa-kỳ

Từ hôm 20 tháng 5 nước Mỹ khó chịu vì sự theo dõi tò mò của thế-giới đối với những sự việc xảy ra tại Montgoméry. Riêng về các dân tộc Á-Phi, sự tò mò có nhuốm ác cảm mỉa mai. Thật là tai hại cho Mỹ, vì ai cũng biết lúc này các cường quốc Tây-phương, cả Anh lẫn Mỹ, đều muốn gần gũi Á-Phi Và việc Liên-Hiệp-Anh lên án chính sách của bác-sĩ Verwoerd, việc Mỹ ủng hộ Angola tại Liên-Hiệp-Quốc, những thái độ đẹp đẽ ấy vừa nhóm lên ít nhiều cảm-tình của Á-Phi thì vừa xảy ra chuyện Montgoméry !

Thật ra điều đáng tiếc ấy không phải là một chuyện tình cờ ; nó diễn ra ở Montgoméry, thủ đô tiểu bang Alabama, cũng lại không phải là tình cờ nữa Vấn đề dân da đen đã từng gây ra biến cố lịch sử dưới thời tổng thống Abraham Lincoln, đã từng làm đầu đề cho bao nhiêu là thơ, văn, nhạc họa ở Hoa-Kỳ rồi, và trên toàn thế giới những tác phẩm như *Cản lều chú Tom*, những tác giả như *Langston Hughes*, những hiện tượng như nhạc *jazz*. . . không mấy người k ông biết. Người da đen càng ngày càng có ý thức về

giá trị và quyền lợi của họ, trong lúc ấy người da trắng vẫn không chịu coi họ ngang hàng, do đó : xung đột. Mà Alabama là một trong số năm sáu tiểu bang bảo thủ nhất về vấn đề chủng tộc tại Hoa-Kỳ. Để xóa bỏ lằn óc kỳ thị chủng tộc, chính phủ liên bang kêu gọi các tiểu bang để cho học sinh da đen và da trắng cùng có thể vào học lẫn lộn với nhau trong các trường dạy chung, nhưng trong niên khóa 1959 - 1960 người ta nhận thấy tại các tiểu bang Nam Caroline, Georgie, Mississippi, Louisiane và Alabama không có lấy một quận nào chịu tuân hành chính sách ấy. Riêng ở Alabama, về bậc tiểu học và trung học có 292.300 học sinh da đen trên tổng số 790.000 học sinh, tức là 37%, như vậy đâu phải ít. Một lực lượng chừng ấy người bị bạc đãi nếu có phản ứng hơi ồn ào một chút, âu đó cũng là lẽ dĩ nhiên.

Khởi đầu vụ lộn xộn ở Montgoméry do một nhóm học sinh vài mươi người từ miền Bắc xuống cổ động cho sự bình quyền giữa đen trắng. Họ bị hàng nghìn người da trắng uy hiếp. Rồi thì tiếp theo sự việc cứ rắc rối thêm mãi. Phe bênh vực da đen tổ chức thêm những đoàn *lữ hành tự do*, phe chống đối da đen lại tổ chức những chuyến *xe ca thù hận*. Những đoàn *lữ hành tự do* và những *xe ca thù hận* đều cứ lừ-lừ tiến về các tiểu bang miền Nam tức là quê hương của óc kỳ thị chủng tộc, cả *tự do* lẫn *thù hận* đều cùng như đổ thêm dầu vào lửa, Nghe nói họ còn tiến về phía Jackson, thuộc Mississippi : lại khổ nữa ! vì Mississippi cũng là một trong năm tiểu bang đặc biệt đã kể trên.

Vấn-đề da đen lâu nay vẫn là một điểm đen oan nghiệt trên lương tâm dân tộc Hoa-kỳ. Kẻ thù thỉnh thoảng muốn chọi Hoa-kỳ một vố, họ không quên điểm đen ấy bao giờ : Khruschev viếng Hoa - kỳ cũng ve vuốt người da đen, mà Castro sang Hoa-kỳ lại cũng đến ở ngay khu Harlem để chọc tức Mỹ. Đối với kẻ ngoài cuộc, thái độ kỳ thị của người Mỹ đối với dân da đen thực là quái gỡ, không thể tha thứ được. Và chính ngay nhà cầm quyền Mỹ cũng đã tỏ ra cương quyết làm mọi cách để tẩy trừ thái độ ấy. Nhưng chiến thắng một tập quán đã tiêm-nhiễm lâu đời vào nếp sống của dân tộc thực là khó khăn. Ngay buổi đầu người da trắng mới bước chân lên châu Mỹ gặp thổ dân khác màu da, sự sinh hoạt của đôi bên đã va chạm nhau ngay : một bên thổ dân sinh sống bằng nghề săn bắn cần có đất rộng rừng nhiều để lang thang đuổi thú, một bên những người da trắng định cư bằng nghề nông bị bắt buộc phải khai phá rừng rú, dồn lần khu vực săn bắn của thổ dân lại. Rồi người da trắng, nhất là ở miền Nam, mở mang công cuộc làm ăn, cần nhân công rẻ tiền : họ mua những người da đen bị chở từ châu Phi sang bán, để làm nô lệ. Vì những xích mích ban đầu trong việc tranh giành đất đai, vì quyền lợi trong việc sử dụng nô lệ rẻ tiền, vì mối khinh thị cố hữu đối với hạng người từng làm nô lệ cho mình, một số người Mỹ nhất định khư khư bảo thủ thành kiến, không chịu xem dân da đen có thể ngang quyền với mình. Ở những tiểu bang miền bắc, nhất là ở các đô thị, dân chúng có tiến bộ hơn, nhưng ở nhiều

nơi tại miền nam các chính quyền tiểu bang còn thừa nhận những hành động có tính cách nhục mạ người da đen : không cho người da đen bước vào tiệm ăn của khách da trắng, không cho trẻ da đen học cùng trường với da trắng, không cho người da đen đi cùng toa tàu, cùng chuyến xe buýt với người da trắng v.v... Ngoài cái nhục bị « khinh ra mặt », người da đen còn chịu những thiệt thòi thiết thực hơn : trong cuốn phim *Ảo ảnh cuộc đời* vừa rồi chiếu đi chiếu lại mãi ở một hí viện tại Sàigòn trong một thời gian kỷ lục người ta được thấy một thiếu nữ da đen bị chính tình nhân ngược đãi tàn nhẫn như thế nào, và tìm việc làm khó khăn ra sao.

Năm 1958 lương bổng trung bình hàng năm của một người da trắng ở Mỹ là 4 569 đô la thì của một người da đen chỉ có 2.652 đô la, tức là chỉ hơn một nửa (58%) của người da trắng thôi. Thế là còn khá : hồi 1939, trước cuộc thế chiến thứ 2, tỉ lệ ấy chỉ đến 41,4%. Về mặt chính trị có nơi nhà cầm quyền địa phương ở miền Nam dùng thủ đoạn để không cho một số dân da đen hưởng quyền đầu phiếu. Đó là không kể những trường hợp người da đen có thể bị những kẻ quá khích liều lĩnh sát hại mà không được pháp luật địa phương sốt sắng che chở.

Trước sự tình như thế người ta nhận thấy sự phản kháng của người da đen mỗi ngày mỗi cương quyết, kiêu hãnh hơn, mỗi có tổ chức hơn. Một mặt khác, từ năm 1.900 đến nay, họ từ miền Nam di cư lần lần lên các tiểu bang miền Bắc, và từ thôn quê ra thành thị. Trong nửa thế kỷ vừa qua tỷ số dân da đen ở các tiểu bang miền Nam sụt xuống một phần tư, trong khi tại các nơi khác dân số của họ tăng lên gấp ba ; cũng tận miền Nam dân số da đen ở các thành phố tăng gấp hai trong khi dân số da đen ở thôn quê sụt xuống một nửa.

*
* *

Nói rằng ở Hoa-kỳ cuộc đấu - tranh chủng tộc chia hẳn người da trắng ra một bên và người da đen ra một bên thì không đúng. Trong những đoàn *lữ hành tự do* vừa gây ra rắc rối ở Montgoméry bên cạnh các học sinh da đen đoàn nào cũng có học sinh da trắng lẫn lộn. Và từ trước đến nay về vấn-đề chủng tộc ở Hoa-kỳ người ta nhận thấy bao giờ cũng có một cố gắng về phía người da trắng để tự chống lại thành kiến lỗi lầm của đồng bào mình. Thường thường những cố gắng ấy được chính-phủ liên bang và pháp luật liên bang ủng hộ.

Từ 1807 đã có luật cấm mua bán nô lệ da đen. Đến 1861, vì chuyện bãi bỏ chế-độ nô lệ mà Hoa-kỳ dám quyết định lao mình vào một cuộc chiến tranh Nam Bắc kéo dài suốt 5 năm, cuộc chiến tranh có thể đe dọa đến sự thống nhất của quốc gia. Phe miền Bắc thắng, dân da đen khỏi làm nô lệ ; nhưng óc kỳ thị chủng tộc thì vẫn tồn tại, núp sau tập quán địa phương và luật pháp riêng của các tiểu bang miền Nam. Từ đó về sau, cứ thỉnh thoảng chính-phủ liên bang lại lấn tới một chút, các tiểu bang lui một chút. Bắt đầu từ

1901 dân da đen được nhập quốc tịch Hoa-kỳ, được hưởng mọi quyền lợi công dân. Trên nguyên tắc thì thế, nhưng ở nhiều tiểu bang vẫn có những sự quanh co khiến cho trong mọi chuyện bầu phiếu, học hành, ăn ở, đi lại, lương bổng... người da đen chưa được đối đãi bình đẳng. Vì thế ngay sau khi cuộc thế chiến vừa qua chấm dứt, Tối Cao Pháp Viện Hoa-kỳ đã tuyên bố bất-hợp hiến lối phân chia các thành phố ra thành những khu vực riêng biệt cho dân chúng mỗi màu da. Năm 1954 Tối Cao Pháp Viện lại tuyên bố bất-hợp hiến việc chia rẽ đen trắng trong các trường học công. Nhưng ở các địa phương người ta có nhiều mánh lới để trốn tránh thi hành luật pháp của liên bang : từ 1954 đến nay, ước chừng có tới 200 đạo luật do các nhà cầm quyền các tiểu bang miền Nam đặt ra với mục đích ấy : người ta đóng cửa các trường học công để tránh khỏi thu nhận học sinh da đen, người ta bày ra những Ủy ban để sắp xếp học sinh, và sự sắp xếp thường làm cho đen vẫn gặp đen và trắng lại gặp trắng... Chính-phủ liên bang thừa rõ các tiểu bang vốn đa mưu túc trí như vậy, nên đặt ra những biện pháp kiểm soát sự thi hành luật pháp. Năm 1957 ra đời một đạo luật cho phép Tổng-thống đặt ra một ủy ban có quyền điều tra về mọi khiếu nại của các công dân bị gạt mất quyền bầu cử vì lý do chủng tộc, tôn giáo v.v..., ủy ban cũng có thể nghiên cứu về luật pháp của các tiểu bang để tố cáo những điểm trái với nguyên tắc bình quyền của mọi công dân theo hiến pháp. Thi hành đạo-luật 1957, người ta thấy rằng trong một hạt nọ ở miền nam đã có 1.300 công dân da đen được trả quyền bầu-cử. Năm 1960, lại một đạo luật khác, gắt gao hơn, nhắm cương quyết làm cho mọi công dân trong nước được hưởng đầy đủ quyền lợi do hiến pháp qui định, luật buộc các viên chức có trách nhiệm trong các cuộc tuyển cử phải lưu giữ sổ sách trong thời hạn 22 tháng để có thể bị kiểm soát lại. Thi hành đạo luật ấy người ta lại lôi ra công lý được vụ hà hiếp da đen ở Bienville (một xã ở tiểu bang Louisiane).

Cuộc tranh đấu để giải phóng dân da đen ở Hoa - Kỳ trong hai thế kỷ vừa qua thành ra một cuộc tranh đấu giữa lý tưởng dân chủ của dân tộc chống lại những thành kiến tập quán xấu xa, giữa chính phủ liên bang chống lại các biện pháp bảo thủ của các nhà cầm quyền tiểu bang, giữa miền Bắc và miền Nam. Nghĩ rằng dân Hoa-Kỳ đầu tiên nêu lên lý tưởng bình đẳng giữa mọi người không phân biệt tôn giáo, chủng tộc, trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776, chính dân tộc ấy lại ngược đãi người da đen, người ta không khỏi thấy trong đó một ý nghĩa mỉa mai. Một tác-giả Tây phương đã nhận xét về hiện tượng ấy : « Giữa giấc mơ của một dân tộc và thực tại, định mệnh giữ quyền trọng tài ». Chúng ta chắc chắn sau một việc như vụ Montgoméry, nếu là một trọng tài sáng suốt, định mệnh tất phải phạt « thực tại » thật nặng nề mới mong cứu vớt được uy tín của quốc gia. Không riêng gì các địch thủ của Hoa - Kỳ biết khai thác các vụ da đen mà chính De Gaulle, khi bị F. Dulles trách về vấn đề Al-

gérie, ông ta cũng đem chuyện kỳ thị chủng tộc ra móc lại, làm cho F. Dulles thật khó ăn khó nói.

* * *

Nhưng cuộc giằng co giữa « giấc mơ » và « thực tại » ấy đang tới giai đoạn nào và sẽ đi tới đâu ?

Ở Hoa - Kỳ người ta căn cứ vào một số dấu hiệu tiến bộ để hy vọng.

Trong khoảng 20 năm — từ 1940 đến 1960 — số đàn ông da trắng ở Hoa - Kỳ làm các công việc bàn giấy tăng lên rất ít (từ 7,1% đến 7,3%) trong khi bên phía da đen họ tăng lên gấp bốn (từ 1,2% đến 5,1% tổng số đàn ông). Cũng trong khoảng thời gian đó, số nhân công chuyên môn da trắng tăng từ 18,8% đến 19,1% thì bên da đen tăng gấp đôi (từ 12,2 đến 24,4%). Về những hoạt động nghệ thuật, những nghề tự do, con số da trắng tăng từ 5,9% đến 11,3%, thì số người da đen tham gia cũng tăng từ 1,9% đến 4% tổng số đàn ông. Về các chức vụ điều khiển, người da trắng tăng từ 10,6% đến 14,6% thì người da đen lại tăng từ 1,6% đến những 2,7%. Trái lại, về các công việc hầu hạ trong nhà số người da trắng sụt giảm từ 0,2 đến 0,1%, thì số người da đen lại sụt giảm nhanh hơn, từ 2,9% đến 0,2%.

Nhưng đáng chú ý hơn cả có lẽ là hiện tượng dân da đen được học hành rất đông. Kể riêng hạng trẻ em từ 7 đến 13 tuổi, trẻ da trắng đi học được 99,5% của tổng số, thì trẻ da đen cũng đến 99% (.Đó là tình hình hồi tháng 10 năm 1959). Lên các bậc cao hơn thì tỷ lệ da đen có sụt đi, nhưng cũng không bao nhiêu, như kể hạng 18,19 tuổi thì da trắng có 37,3% đi học, da đen có 33,6% đi học, hạng 20 đến 24 tuổi, da trắng có 13,4% đi học da đen có 8,5% đi học. Và tính chung tất cả từ 7 tuổi đến 24 tuổi thì da trắng đi học 74,9%, da đen đi học 72,3%. Sự chênh lệnh không lấy gì làm xa.

Theo dõi tỉ số những người da đen tham gia vào guồng máy sinh hoạt kinh tế của Hoa-Kỳ mỗi ngày mỗi đông đảo, tỉ số sinh viên của họ mỗi ngày mỗi cao, người ta thấy rồi sẽ có ngày họ thắng được bất cứ cái thành kiến cổ-lậu nào. Nhất là họ có pháp luật liên bang bênh vực, và có cái kiêu hãnh về giá trị của mình. Langston Hughes, một nhà thơ da đen đã viết :

« Mặc cho ai muốn
Được yên thân để nuốt miếng bánh tủi nhục.
Còn tôi, tôi không thể làm thế được,
Tôi không thể không kêu gào mãi và kêu gào rất to,
Khi trong cổ tôi cảm thấy vị đắng cay
Và khi lòng tôi cảm thấy
Sự bất công. »

(*Kiều căng*),

Dù sao, sau những lần cả Kruschev, cả Castro lẫn De Gaulle thay nhau « khí Chu Du » như thế, mà định mệnh còn chơi khăm Hoa-Kỳ để cho xảy ra vụ Montgoméry thì cũng đáng giận cho định mệnh.

THU-THỦY

Một tác-phẩm của Alberto Moravia

Nhơn dịp hội Bút Việt nhóm đại hội đồng thường niên, chuẩn bị cử đại diện đi dự hội nghị Varsovie và Manille, nói đến một tác phẩm của vị chủ tịch hội Văn Bút quốc tế, một quyển tiểu thuyết đã gây ra nhiều dư luận trái ngược trong giới phê bình, cũng là việc hợp thời.

Quyển *La Noia* (Buồn Chán) mới xuất bản cuối năm ngoái. Chuyện kể một chàng họa sĩ chán vẽ quyết bỏ nghề, đồng thời chàng cũng chán luôn cô nhân tình và cũng tính bỏ luôn cô ấy. Nhưng ngay khi chàng ta mới định bụng như vậy thì cô nhân tình đã buông chàng ra trước. Đã không lấy thế làm nhẹ người, chàng ta lại cảm thấy thất vọng, đau khổ. Bấy giờ chàng tin rằng nếu mình có thể tìm lại được cô ta, khiến cô ta yêu mình như cũ, thuộc về mình, chàng sẽ hết buồn hết chán, và sẽ lại có thể tiếp tục vẽ ; như thế là giải quyết được cuộc khủng hoảng đang dày vò mình. Nghĩ thế chàng tìm đến cô ta, xin cưới hẳn cô ta làm vợ, bất ngờ cô ta lại từ chối và bỏ đi theo một gã tình nhân mới. Chàng tuyệt vọng hoàn toàn, tông xe vào một thân cây bên đường để tự-vận. Thế nhưng chàng lại thoát chết. Và sau cuộc đụng đầu dữ dội vào Tử thần ấy chàng bỗng sực nhìn lại cuộc đời với cặp mắt mới mẻ, chàng nhìn nghệ thuật và người yêu trước kia của mình bằng một cái nhìn đầy nhân ái và bình thản. Chàng thoát được nỗi buồn chán.

Chuyện chỉ có thế. Nhưng điều làm cho phần nhiều độc giả ngạc nhiên là cái kỹ thuật khá lạ lùng của quyển tiểu thuyết này. Tác giả như không hề bận tâm đến việc làm cho nhân vật được sống, được linh động, không thèm lưu ý đến những chi tiết thông thường trong các quyển truyện nhằm làm cho nhân vật có hình dáng mặt mũi cụ thể. Mỗi nhân vật ở đây chỉ làm nhiệm vụ tiêu biểu cho một ý-tưởng, một hoàn cảnh trước cuộc sống. Tác giả điều khiển những nhân vật ấy như điều khiển những con quân trên bàn cờ. Như vậy tình tiết trong truyện thật là nghèo nàn. Đây là một quyển truyện luận đề. Tác-giả không che dấu gì cả, cứ « thẳng tay » bắt các nhân vật phục vụ cho luận đề.

Luận đề ấy là một quan niệm về sự buồn chán Tác-giả nói : « Chúng tôi muốn định nghĩa cho rõ ràng cái chữ ấy. Nhiều người cứ xem buồn chán như là trái lại với tiêu khiển — và tiêu khiển tức là khoái lạc, là quên lãng. Tôi, tôi lại không xem buồn chán trái lại với tiêu khiển... Theo tôi, sự buồn chán thực ra nó là một cách thiếu thốn, không thích ứng được với thực tại. Tôi xin lấy một thí dụ : khi tôi

buồn chán thì thực tại đối với tôi cũng giống như một cái mền quá ngắn đối với một người ngủ vào mùa đông : kéo mền xuống phủ cho kín chân thì ló vai mà kéo lên phủ vai thì lại hở chân... Hay là thí dụ cách khác, ta có thể nói buồn chán giống như cảnh một gian nhà bị cúp điện luôn luôn một cách bất ngờ : phút trước tất cả đều rõ ràng sáng sủa, ghế ở chỗ này, đi-văng chỗ nọ, những tấm thảm, những cửa sổ, cửa lớn, vật nào chỗ ấy. Phút sau, thình lình tất cả đều chìm vào bóng tối và hư vô. »

Các nhân vật trong truyện bị ép làm nổi bật lên những trường hợp thật đặc biệt : người họa-sĩ muốn bỏ vẽ, người con gái thay đổi mãi nhân tình, vì cả hai họ thấy rằng cả hội họa và cả những khoái cảm của xác thịt đều bất lực, không thể làm cho họ thích ứng được với thực tại xung quanh. Những nhân vật ấy có vẻ không được thực, hoàn cảnh của họ có vẻ quá đáng, ít gặp trong thực tế. Kết cục quyển truyện, sự chuyển biến tư tưởng đột ngột của chàng họa-sĩ cũng giả tạo nữa. Quần chúng cho rằng tác phẩm cuối cùng của Alberto Moravia là một thất bại. Nhưng một số nhà phê bình lại cho đó là tác phẩm tiêu biểu nhất, « moravien » nhất. Nicola Chiaromente bênh vực tác-giả, đại khái cho rằng quyển *La Noia* không phải muốn trình bày một nhân vật mà là một hoàn cảnh ý thức, một cách sống lỗi-nhịp với thế giới quanh mình. Cesare Vivaldi cho rằng trong quyển tiểu - thuyết tư tưởng này có ảnh hưởng của « những kinh nghiệm văn học quốc - tế mới mẻ nhất », rằng dù *La Noia* không phải là tác phẩm thành công nhất thì cũng là tác phẩm đáng cho người đọc phải suy nghĩ nhiều nhất của A. Moravia. Trước sau A. Moravia vẫn trung thành với đề tài chính của mình là cái xã hội tuyệt vọng, ngột ngạt, khủng hoảng của từng lớp trung lưu nước Ý, mà ông thường trình bày phân tích với một sự tỉ mỉ lạnh lùng. Từ tác phẩm này qua tác phẩm khác, kỹ thuật của ông có đổi thay, những quan niệm của ông đối với cuộc đời thì vẫn là một. Trong *La Noia* vẫn là một phương diện của tình trạng khủng hoảng kia, nhưng vì cách thể hiện mới, cô đọng, trắng trợn quá mà nó làm cho quần chúng độc giả bỡ ngỡ.

Lời phê bình của C. Vivaldi có nhắc tới « những kinh nghiệm văn học quốc tế mới mẻ nhất » khiến ta nhớ tới buổi diễn thuyết vừa rồi của R. M, Albérès cũng tại một thành phố nước Ý (Milan), về sự phát triển của các khuynh hướng mới trong tiểu thuyết: nhà phê bình Pháp cho ta thấy riêng ở một bộ môn này từ 1948 tới nay đã có rất nhiều tìm tòi mới, nhiều biến thiên đột ngột trong quan niệm sáng tác, Alberto Moravia thuộc vào lớp người trong ngoài ngũ tuần, chúng ta lấy làm thú mà theo dõi được những cố gắng thay đổi quan niệm sáng tác & những tác giả có tuổi tác và danh vọng như ông.

THU-THỦY

Phương pháp trị bệnh và thuốc rễ nhàu

Đau bụng thì uống nước sông
Đau mắt lấy nhựa xương rồng mà tra.

HAI câu ca dao trên đây nhắc nhở luôn luôn phải thận trọng trong việc kiếm thuốc trị bệnh. Thực vậy, nếu đau bụng lại uống nước sông, đau mắt lại chữa bằng nhựa xương rồng thì bệnh tất phải nặng thêm.

Nhưng muốn tìm thuốc phải hiểu thấu căn bệnh, mà tìm nguyên nhân sinh ra bệnh đâu phải là việc dễ dàng.

Bệnh cảm sốt chẳng hạn, là do sự thay đổi thời tiết mà ra. Mưa nắng, nóng lạnh đã ảnh hưởng đến cơ thể ta. Những sự thay đổi ấy ảnh hưởng đến cơ thể ta bằng cách nào ?

Ở bệnh lao phổi, vi trùng Koch hoành hành trong buồng phổi, sự tấn công lúc đầu của nó có tính cách « địa phương » vậy mà ngay khi đó bệnh nhân đã thấy toàn thân mệt mỏi. Vi trùng Koch không tiết ra độc tố, vậy tại sao người bệnh thấy mệt mỏi?

Bác-sĩ Đặng-văn-Hồ cho rằng hầu hết các bệnh đều do sự mất thăng bằng của hệ giao-cảm. Sự mất thăng bằng có thể gây nên do sự thay đổi đi thời tiết hay sự xâm nhập của vi trùng.

Để tìm hiểu quan niệm đó, ta phải biết cách hoạt động của các bộ phận trong người.

Ở các động vật trong đó kể cả con người, các bộ phận trong cơ thể đều hoạt động dưới sự điều khiển của hệ giao-cảm. Hệ giao-cảm có 2 phần : *Đại giao-cảm* và *Phó giao-cảm*. Hai phần giao-cảm này như nước với lửa, luôn luôn ngăn cản nhau, bên nọ không để bên kia lấn át. Đại giao-cảm làm cho tim đập mau, máu chạy mạnh ; phó giao-cảm lại giảm bớt nhịp đập làm cho máu chảy từ từ lại. Sự thăng bằng của 2 giao-cảm ví như cái cân thăng bằng, nếu vì một ảnh hưởng nào bên ngoài, hệ giao-cảm bị sáo trộn, mất thăng bằng, các bộ phận trong cơ-thể không hoạt động được như thường nữa, do đó mà sinh ra bệnh. Sự mất thăng bằng của hệ giao-cảm thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau mà y học gọi là chứng bệnh (symtômes).

Từ trước tới nay, y học chỉ chú trọng đến chứng bệnh. Qua bao nhiêu thế kỷ, từ ngày Jeuner tìm ra cách ngừa thủy đậu bằng cách trồng trái, từ ngày Pasteur tìm ra vi trùng, ra cách trị liệu và phòng ngừa cho đến ngày nay, rất nhiều vị thuốc huyền diệu đã được phát minh, nhưng phương pháp trị bệnh cũng chỉ :

— hoặc là có tính cách triệu chứng (symptomatique), thấy đau bụng trị đau bụng, thấy nhức đầu trị nhức đầu.

— hoặc là diệt trừ nguyên nhân sinh bệnh, như dùng các thuốc trụ sinh, sulfamide để diệt trừ vi trùng.

Cách trị bệnh như vậy có thể áp dụng cho người cũng như súc vật. Như vậy y học đã :

— quên lãng sự kháng đối của cơ thể.

— không chú trọng đến phần tinh thần là phần cần được bồi bổ. Từ xưa tới nay vấn đề này cũng được đề cập tới nhiều lần nhưng không đặt đúng tầm quan trọng của nó.

Bác-sĩ Đặng - văn - Hồ quan niệm rằng muốn trị bệnh phải nâng cao tinh thần bệnh nhân, lấy lại thăng bằng cho hệ giao-cảm, như vậy là giúp cho các bộ phận trong người trở lại hoạt động bình thường, các triệu chứng sẽ biến đi. Nếu là bệnh có vi trùng, cơ thể sẽ tự chế tạo lấy kháng độc tố, tự huy động lấy các phương tiện hữu hiệu để khử vi trùng. Các chất trụ sinh, sulfamides chỉ là những phương tiện giúp đỡ cơ thể mau lành hơn.

Dựa vào nguyên tắc trên của Bác-sĩ Hồ thì hầu hết các bệnh, dù đã thấy rõ căn bệnh hay chưa, cũng cần phải nâng cao tinh thần của bệnh nhân đồng thời lấy lại hệ giao-cảm.

Các loại thuốc đáp lại nhu cầu trên cũng khá nhiều nhưng thuốc nào cũng có khuyết điểm :

— hoặc là làm cho cơ thể quen thuốc, liều thuốc dùng cứ phải tăng lên mới có hiệu nghiệm, nếu ngưng dùng thuốc, bệnh trở lại.

— hoặc là thuốc đi quá mức thăng bằng làm cho cơ thể trước đây bị đại giao-cảm ngự trị nay lại bị phó cảm làm chủ hay ngược lại.

* * *

Gần đây, bác sĩ Đặng-Văn-Hồ đào sâu nền y học cổ truyền, đã tìm thấy thuốc rễ nhàu.

Cây rễ nhàu mà tên khoa học là Morinda citrifolia được đem ra nghiên cứu rất tỉ mỉ về mọi mặt. Do sự giúp sức của các giáo-sư Caujolle, J. Loepper, P. Chauchard ở Pháp, Ikeda ở Nhật, Youngken ở Hoa-kỳ, Bác-sĩ Hồ nhận thấy thuốc rễ nhàu đáp lại nhu cầu trên, tức là lấy lại cân bằng cho hệ giao-cảm, làm cho tinh thần sảng khoái, dễ chịu, mà không có một khuyết điểm nào ghi ở trên cả.

Sau đây là những kết quả thâu lượm được.

Chứng thổ huyết của bệnh lao. — Theo y học cổ điển, mỗi khi bệnh nhân bị lao thổ huyết, dùng Calcium, sinh tố K, Pro-

thrombine, Post hypophyse... để làm cho cầm máu lại. Tại Viện Bài Lao Thủ-Đức và Bệnh-viện Grall có tới 70 trường hợp thổ huyết được trị bằng cách kể trên suốt trong 3-4 ngày vẫn không có kết quả. Đến lúc cho người bệnh uống rễ nhàu thì chỉ 4-6 giờ sau hết thổ huyết. Từ đó về sau, các bệnh nhân bị thổ huyết được trị ngay bằng rễ nhàu và kết quả là sự thổ huyết bị chặn đứng.

Bác-sĩ Hồ giải-thích như sau : thổ huyết là do bị khích động (choc) các khích động có thể là : thay đổi thời tiết, có kinh nguyệt, lo nghĩ, tinh thần bị sáo trộn. Thế nào là khích-động ? Nếu không phải là mất thăng bằng của hệ giao cảm. Rễ nhàu lấy lại sự thăng bằng, thổ huyết sẽ hết.

Bệnh căng mạch máu. — Bệnh căng mạch máu được chữa bằng thuốc réserpine hay các chất lấy ở cây Rauvolfia ra. Các thuốc này tác dụng chậm chạp, cách sử-dụng phải được theo rõi cẩn-thận, nếu không, áp-xuất của máu sẽ giảm xuống quá mức độ thường. Ngoài ra, bệnh nhân phải tránh không uống rượu, café, hút thuốc, không ăn đồ mặn, thịt, đồ gia vị. Thêm vào đó, bệnh nhân vẫn cảm thấy khó chịu về tinh-thần vì có sự giảm áp ở đầu (depression nerveuse).

Dùng rễ nhàu để chữa, áp xuất huyết cũng giảm từ từ, nhưng chỉ tới mức độ thường là ngừng lại, bệnh nhân không phải kiêng cữ gì, cũng chẳng cần phải có Bác-sĩ săn sóc nữa, thêm vào đó là tinh-thần sảng khoái, tâm trí thảnh thơi.

Hiện nay các nhà Bác-học Hoa-Kỳ, Nhật và Pháp đang tìm cách trồng cây rễ nhàu ngay nước họ để dùng trị bệnh.

Ngoài hai bệnh kể trên, người ta thâu lượm được kết quả rất tốt với các bệnh : trĩ, ho gà, mệt mỏi, mất ngủ, tinh thần bị xáo trộn...

Ở người thường, làm ăn mệt mỏi, rễ nhàu làm cho hệ giao cảm được vững chãi, tinh thần họ sảng khoái, bớt mệt mỏi, thần kinh được yên tĩnh, ăn được ngủ ngon.

Các bằng chứng trên đây làm cho ta có ý tưởng là thuốc rễ nhàu trị bách bệnh có đúng thế chăng ?

Bác-sĩ Hồ cho biết là rễ nhàu chỉ trị được những bệnh mà nguyên-nhân sâu xa là sự thiếu cân bằng của hệ giao cảm, sự thật, một phần lớn các bệnh đều do sự sáo trộn hệ giao-cảm mà ra, chỉ có một phần nhỏ, rất ít bệnh ở ngoài vòng đó.

Tóm lại, Bác-sĩ Đặng-văn-Hồ đã đưa ra một y-thuyết và một vị thuốc mới.

Y-thuyết sẽ làm cho giới y-học phải quan tâm đến và giúp rất nhiều cho phương pháp trị liệu.

Vị thuốc mới sẽ làm cho giới dược khoa phải quan tâm đến nền y-học cổ truyền, một kho tàng mà bấy lâu vì ảnh hưởng Âu-Tây mà bị lãng quên.

BÙI-KIM-CHI

Ông Phạm-Quang-Tuấn ngày 28-2-1961 đã trình luận án y khoa bác sĩ tại viện Đại học Sàigòn về rễ nhàu.

NGUIỄN-NGU-Í

Thi hào Goethe dưới mắt một người Việt

Đề tài nói chuyện trên đây và diễn giả, ông Hoàng-Trọng-Miên, đã được vị đại diện Trung tâm Văn hóa Đức tại Việt-Nam ân cần giới thiệu, tại trụ sở Trung tâm này, ngày 6 tháng 5 vừa rồi.

Theo ông, thì Goethe là nhà văn được thiên hạ nói đến nhiều nhất trong số những nhà văn danh tiếng nước Đức, nhưng chính vì « bị » nói đến nhiều nhất, thành ra Goethe « được » ít người hiểu nhất. Vì thế, Trung tâm hoan nghênh ông Hoàng-Trọng-Miên đã để công tìm hiểu Goethe trong lúc biên soạn bộ « Đông-Tây cổ kim tứ khố toàn thư » và cống hiến cho các thân hữu Trung tâm chút hương vị đầu mùa của công trình dài hơn của người vừa được giải thưởng Văn hóa vụ về môn biên khảo.

Diễn giả tỏ ngay sự ngần ngại của mình khi phải nói đến một người như Goethe, người mà Napoléon đã định nghĩa đúng nhất : « *Ông là một người* »; ông giới hạn câu chuyện của mình : trình bày « một ít cảm nghĩ chân thành » của riêng ông đối với Goethe, và sẽ chỉ tìm hiểu thi hào này qua tác phẩm Faust.

Tác phẩm này, Goethe đã mất 60 năm trời để hoàn thành. Khởi viết từ năm 25, xong lúc 83 tuổi, ba hôm trước khi từ giã cõi đời.

Có thể nói rằng Faust là kết tinh của tất cả con người của Goethe (vì người ta đã nói đến Goethe tiên tri, Goethe đạo sĩ, Goethe tu sĩ, Goethe ma quái, Goethe phiêu lưu, Goethe văn nghệ sĩ, Goethe khổ hạnh và cả Gothe sa đọa !). Faust là thông điệp của Goethe gởi cho loài người, Faust là tấn kịch muôn đời của con người muốn vươn tới Cao, Đẹp.

Rồi diễn giả giới thiệu nhân vật Faust vẫn có thiệt ở thời Trung cổ : bao nhiêu năm vùi đầu vào ma thuật, thất vọng, giao kết với Quỉ, bán linh hồn cho Quỉ để thực hiện những gì mình khao khát : Thiên đường cũng như Hỏa ngục, khoái lạc cũng như kinh hoàng.

Rồi ông nói đến cái khao khát vô biên của con người trí thức là Goethe, đã cho « *Khởi đầu tất cả là Hành-động* », và ông xây dựng tác phẩm vĩ đại này trên quan niệm đó.

Tình tiết của vở kịch bất hủ này được ông tóm tắt rành rẽ : Chúa và Quỉ cuộc nhau về Faust, tâm trạng của Faust, đề nghị cám dỗ của Quỉ Méphisto, giao ước giữa Faust và Méphisto, rồi cuộc đi chơi của Quỉ và Người...

Diễn giả nhấn mạnh ở điểm : Quỉ đây được cấu tạo với một bộ mặt dễ mến, một thứ Quỉ lịch duyệt tình đời, nói năng khôn khéo, rất cám dỗ và rất hấp dẫn, nhưng mà châm biếm.

Quỉ tưởng đâu rằng cái khao khát vô biên, cái đòi hỏi vô cùng của Faust không được Khoa học làm thỏa mãn, thì hãy cho con người ham sống, ham tìm hiểu, ham hoạt động ấy hưởng khoái lạc ở đời...

Nhưng rồi Quỉ cũng chẳng thành công.

*
* *

Diễn giả kết luận, đại ý :

Hễ còn có con người, là còn có xung đột mãi mãi, xung đột không thể nào tránh được giữa « Bóng tối và Ánh sáng, giữa Quỉ-sứ và Thiên - thần, giữa Faust và Méphisto ». Vậy nhiệm-vụ của con người ở thời mà sự tiêu diệt đang hăm dọa tất cả là tìm cách nào để tổ chức cuộc sống của nhân loại cho Ánh sáng vẫn chan hòa khắp nhân gian, để loài người khỏi phải lặp lại câu này của Goethe trước khi vĩnh biệt cõi đời :

« *Hết Ánh sáng rồi !* »

NGUIỄN-NGU-Í.

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài « Một vòng Manila » của Đặng - Trần - Huân đăng trên Bách-Khoa số 105, trang 66, cột 1, giòng 37, 38 có câu :

— trình bầy các vũ bộ dân tộc và vũ bộ Tây Phương.

Xin các bạn sửa giùm các tiếng *vũ bộ* thành *vũ điệu* cho đúng nghĩa.

Đã phát hành:

VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN số 60

NỘI DUNG PHONG PHÚ

Dày 176 trang, giá 12$

Những bài đã nhận được :

Đêm sầu (Tô-Dương-Tử) — Đường đời còn gặp nhau không ; Giao tình (Cô Miên) — Một kiếp hoa (Hà-Mai-Thi) — Nếu một ngày nào anh chết (Nguyễn-Thị-Bằng-Giang) — Tin tưởng ; Đến mãi hên em ; Chiều mưa ; Yêu vào thế-kỷ Thơ về bến Trúc ; Chiều biên trấn ; Tơ trời (Trúc-Lang) — Vào mộ hồn ; Biến chuyển (Mạc-Phong-Lan) — Rồi một đêm kia (Thụy-Vũ) — Ca ngợi ; Con so (Hồ-Vẫn) — Hòa xuân thôn (Đặng-Ngọc-Thanh) — Đi vào tâm sự (Quốc-Túy Trần-Bảo) — Chúng mình (Mê-Kung) — Chuyến tầu chạy rồi ; Người khách xa vọng (Trần-Nhật-Thanh) Cửa rừng ; Bia đài ; Buổi chiều và cỏ ; Bài ca nữa đêm ; Thơ tình cỏ cây ; Mộng biển... (Mai-Trúc-Diên) — Tôi đã gặp N.T.T. rồi (Minh-Phong).

☆

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng trừ trường hợp đặc-biệt có thư riêng thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Anh Võ-Hồng : Đã nhận được bài và thơ của anh. Sẽ có thư riêng tới anh

Các anh : **Doãn-Dân, Hoàng-Khanh, Vũ-Hân, Mặc-Thu, Thế-Viên, Anh-Tuyến, Hà-Thượng-Nhân** : Đã nhận được bài các anh trả lời cuộc phỏng-vấn văn-nghệ. Xin các anh cho xin sơ-lược tiểu-sử văn-nghệ.

Bạn Hà-Ánh-Sơn *(Di-Linh)* : Đã được thư và thơ. Đang xem. Tập thơ rônêô đang cho đóng.

Anh Hà-Anh-Tuấn : Có tập thơ rônêô gởi cho anh tại tòa-soạn.

Anh PN Thảo *(K.B.C)* : Thư và T.C. T.B gởi anh, bị trả lại vì « Đương sự đã nghỉ việc ». Xin anh cho biết địa chỉ hiện thời.

N. N. Í

★

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Chánh-sách quan-thuế và công cuộc khuếch-trường kinh-tế Việt-Nam** », luận án tiến-sĩ của ông Phan-Thiện-Giới, tuần báo « Chấn-hưng kinh-tế » xuất-bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 318 trang, giá 120 đồng.

— Bản *Điều-lệ* của « **Chấn-hưng nhân-nghĩa hội** » (văn-phòng hội quán : 214 Võ-Duy-Nguy Phú-Nhuận).

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Khâm-định Việt-sử** » (quyển đầu), do Ô. Ô. Bửu-Cầm, Lê-Phục-Thiện, Tạ-Quang-Phát và Trương-Bửu-Lâm phiên dịch và chú thích, Viện khảo-cổ xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 234 trang, bản đặc-biệt, không đề giá.

— « **Le parier Vietnamien** » của L.M. Lê-Văn-Lý, in lần thứ 2 có sửa lại, do Viện Khảo-cổ xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 282 trang, bản đặc-biệt, không đề giá

— « **Nhân-vật Đông-Châu** » của Thanh-Lan Võ-Ngọc-Thành cuốn thứ nhất gồm ngót 40 nhân-vật Đông-Châu, do tác-giả tự xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 192 trang, giá 30 đồng.

— « **Phật-học tinh-hoa** » của Bhikkhu Đức-Nhuận. Vạn-Hạnh xuất-bản, do tác-giả gửi tặng. Sách dày 323 trang, gồm những phần : Tìm hiểu Phật-giáo ; Lịch-trình tiến hóa ; Luận-thuyết và phần phụ lục : Phật-giáo Việt-Nam. Giá bán 65 đồng.

— « **Nguồn gốc văn-minh Việt-Nam** » của Olov R.T. Jansé, Cao-Hữu-Hoành dịch, do Đại-học xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 24 trang, gồm nhiều phụ-bản tranh ảnh có chú thích. Giá 32 đồng.

— « **Người thương-binh biên-khu** » truyện dài của Thế-Phong có kèm thêm 2 truyện ngắn « Chàng văn-sĩ đất tề » và « Tiếng đàn trầm buồn ». Sách in ronéo, dày 129 trang, giá 100 đồng.

— « **Xuân-Việt thi-tập** » gồm 2 tập thơ in ronéo : « So tơ » (100 trang) và « Tao phùng » (88 trang) của Nghiêm-Xuân-Việt, do Người-Việt xuất-bản, giá 80 đồng.

— « **Nhơn sanh thích chí** » và « **Hương xuân** » thi tập thứ 10 và 11 của Thần-Liên Lê-Văn-Tất, do tác-giả gửi tặng. Giá mỗi tập 10 đồng.

Trân-trọng cảm ơn các tác-giả, nhà xuất-bản và xin ân cần giới-thiệu cùng bạn đọc.

ĐỂ SỐNG MỘT ĐỜI SỐNG TỰ DO
HÀNG NGÀY CÁC BẠN HÃY ĐỌC

NHẬT BÁO

TỰ-DO